

THÔNG TIN KHOA HỌC

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chịu trách nhiệm nội dung:

Ban biên tập:

TS. Dương Xuân Thao

Th.S Hoàng Hoa Quế

TS. Võ Thị Hải Lê

NGƯT.TS. Nguyễn Thị Lan

Th.S Nguyễn T. Ngọc Dung

Th.S Chu Thị Hải

Th.S Đoàn Tiến Dũng

Th.S Tăng Văn Tân

Th.S Đinh Thị Thúy Hằng

Th.S Võ Thị Dung

Trình bày và sửa bản in:

Sở Thông tin và Truyền thông Nghệ An

TS. Dương Xuân Thao

Trưởng Ban biên tập

Phó Ban biên tập

Ban viên, Thư ký biên tập

Ban viên

Ban viên

Ban viên

Ban viên

Ban viên

Ban viên

Ban viên

TS. Dương Xuân Thao

Th.S. Lê Thanh Huyền

TT	MỤC LỤC	Trang
	TRƯỜNG ĐH KINH TẾ NGHỆ AN – 54 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN	
1	Dương Xuân Thao Quyết tâm xây dựng trường Đại học Kinh tế Nghệ An trở thành tốp đầu của cả nước	
2	Hoàng Hoa Quế Đào tạo nghề ở Nghệ An – Thực trạng và giải pháp	
3	Nguyễn Thị Lan Nâng cao chất lượng giảng dạy bộ môn Lý luận Chính trị góp phần nâng cao vị thế của nhà trường trong giai đoạn mới	
4	Nguyễn Thị Mai Anh Đoàn trường Đại học Kinh tế Nghệ An không ngừng phát triển	
5	Chu Thị Hải Tổ chức công đoàn trường Đại học Kinh tế Nghệ An tiếp tục đổi mới nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới	
6	Tăng Văn Tân Trường Đại học Kinh tế Nghệ An, một địa chỉ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao	
7	Nguyễn Thị Thu Hiền Tổ Tư vấn hướng nghiệp việc làm và Quan hệ doanh nghiệp cùng với sự phát triển của trường Đại học Kinh tế Nghệ An	
8	Võ Thị Hải Lê Hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên tại trường Đại học Kinh tế Nghệ An trong thời gian qua, định hướng trong thời gian tới	
	NGHIÊN CỨU – TRAO ĐỔI	
9	Võ Thị Hải Lê Tổng quan tình hình nghiên cứu về Ancylostoma Caninum của chó ở trong nước và trên thế giới	
10	Nguyễn Thị Hiền Đổi mới phương pháp giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại trường Đại học Kinh tế Nghệ An	
11	Nguyễn Thị Ngọc Dung Những băn khoăn suy nghĩ về vấn đề thực tập tốt nghiệp của sinh viên cuối khóa ngành quản trị	
12	Đoàn Tiến Dũng Tạo hứng thú học tập cho sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo	
13	Nguyễn Quốc Sơn Sự sáng tạo của Hồ Chí Minh về kinh tế - giá trị lý luận và thực tiễn của vấn đề này ở nước ta hiện nay	

14	Đinh Văn Tới Hoàn thiện chính sách định giá đất đối với các dự án trên địa bàn tỉnh Nghệ An	
15	Nguyễn Thị Bích Thủy Phương pháp học Tiếng Anh của sinh viên trường Đại học Kinh tế Nghệ An	
16	Nguyễn Thị Lan Hương Lỗi của người Việt khi học tiếng Anh	
17	Đào Thị Nha Trang Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào việc đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế Nghệ An	
18	Phạm Thị Mai Hương Hiểu thế nào về lãi suất “danh nghĩa” và lãi suất “thực”	
19	Nguyễn Hoàng Tiến So sánh tỷ lệ sống và khả năng sinh trưởng của một số giống táo ghép mắt tại vườn thực nghiệm trường Đại học Kinh tế Nghệ An	
20	Trần Thị Bình Quan niệm của một số học thuyết kinh tế cận, hiện đại về vai trò nhà nước trong nền kinh tế thị trường và sự vận dụng ở Việt Nam.	
21	Nguyễn Thị Thúy Cường Các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế vùng miền núi tỉnh Nghệ An đến năm 2020.	
22	Hồ Thị Hiền Tác động tràn của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI – FOREIGN DIRECT INVESTMENT) đến khu vực kinh tế trong nước	
23		
24		
TÂM SỰ, CHIA SẺ		
25		
	Đinh Chung Thành Tản mạn khi trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định nâng cấp thành trường Đại học Kinh tế Nghệ An	
26	Bùi Thị Ngọc Hà Văn hóa học đường với sinh viên thời đại mới	
27	Nguyễn Thị Hiền Đôi điều tâm sự của giảng viên khi trường lên đại học	
28	Nguyễn Đình Thắng Bài thơ: Mừng trường đăng quang	

QUYẾT TÂM XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN TRỞ THÀNH TÓP ĐẦU CỦA CẢ NƯỚC

TS. Dương Xuân Thao

Hiệu trưởng

Ngày 27 tháng 01 năm 2014 thay mặt Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã ký quyết định thành lập Trường Đại học Kinh tế Nghệ An, trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An.

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An là một địa chỉ đào tạo có uy tín trong tỉnh Nghệ An và khu vực Bắc Trung bộ. Thương hiệu về một mái trường có bề dày truyền thống của 54 năm, gồm hơn 10 trường của khối Kinh tế và Nông Lâm được sát nhập lại như: Trường Trung cấp Tài chính, Kế hoạch, Thương nghiệp, Thống kê, Nghiệp vụ ăn uống, Nông - Lâm nghiệp, Thủy lợi, Công nghiệp địa phương, Nông - Lâm miền núi, Nông nghiệp Nghệ Tĩnh, Nông nghiệp I, Hợp tác xã mua bán..., nếu tính cả các trường của tỉnh Hà Tĩnh thì số trường thành viên hợp thành còn nhiều hơn. Trong thời gian qua nhà trường không chỉ dạy nghề mà còn dạy người, không chỉ có kỷ cương mà còn có tình thương và trách

nhiệm đã được khẳng định thông qua số học sinh - sinh viên tuyển sinh hàng năm của trường luôn đứng top đầu của các trường đại học, cao đẳng trong tỉnh. Nhiều thế hệ học trò của mái trường này đã trưởng thành đóng góp thành quả lao động cho sự lớn mạnh của quê hương, đất nước, làm rạng danh cho nhà trường, giữ những cương vị quan trọng trong xã hội như: Đồng chí Nguyễn Văn Hành, nguyên ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, phó chủ tịch UBND tỉnh; đồng chí Thái Văn Hằng, Ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, phó chủ tịch UBND tỉnh; đồng chí Lê Xuân Đại, ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, phó chủ tịch tỉnh; đồng chí Nguyễn Minh Thông, trưởng ban kiểm tra, đồng chí Nguyễn Văn Hải, phó Giám đốc Sở Tài chính v.v... Ghi nhận những thành tích cống hiến của trường hơn 10 năm qua Đảng bộ luôn được công nhận danh hiệu trong sạch vững mạnh, tổ chức công đoàn và đoàn thanh niên cũng 10 năm liên tục đạt danh hiệu đơn vị tiên tiến xuất sắc. Hàng năm trường đều được tỉnh

trao cờ thi đua. Nhiều cá nhân và tập thể Khoa, Phòng của trường được nhận bằng khen của tỉnh, của bộ và của tổng liên đoàn lao động Việt Nam. Đặc biệt năm 2010, trường vinh dự được nhà nước trao tặng huân chương lao động hạng nhất.

Năm bắt được xu thế vận động của tỉnh Nghệ An và của xã hội, trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An đã xác định trong nghị quyết đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2010 - 2015, nhiệm vụ phải đưa trường lên đại học trước 2015 nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và Tỉnh Nghệ An.

Đề án nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thành Trường Đại học Kinh tế đã được triển khai từ giữa năm 2011. Gần 3 năm qua, Đảng ủy, Ban giám hiệu đã trăn trở, tìm tòi nhiều biện pháp, dồn hết tâm trí tập trung chỉ đạo quyết liệt, từng bước trường đã khắc phục khó khăn, phát huy sức mạnh tổng lực, thực hiện các mục tiêu chiến lược để đảm bảo đủ các tiêu chí nâng hạng trường lên đại học, theo quy định của Chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Về phát triển đội ngũ: Trường vừa động viên, khuyến khích vừa giao chỉ tiêu cho các khoa và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất về thời gian và

kinh phí để giảng viên học tập nâng cao trình độ. Có các chế độ đãi ngộ để thu hút nhân tài, do vậy chỉ trong thời gian không dài cho tới nay trường đã có 207 cán bộ CNVC, trong đó có 167 giảng viên, 07 giảng viên có trình độ tiến sĩ, 91 giảng viên có trình độ thạc sĩ, 18 giảng viên đang nghiên cứu sinh, 30 giảng viên đi học Cao học, 11 Giảng viên chính, số còn lại nhiều người có 2 bằng cử nhân. Trong năm 2014 – 2015 và những năm tiếp theo, tiếp tục cử giảng viên đi đào tạo cao học và NCS kể cả trong nước và ngoài nước, để đến năm 2017 đảm bảo 90% giảng viên có trình độ Thạc sĩ và từ 15- 20% có trình độ Tiến sĩ. Bên cạnh chú ý phát triển về số lượng, về trình độ của giảng viên thì việc nâng cao chất lượng dạy và học là vấn đề được lãnh đạo nhà trường đặc biệt quan tâm. Cho đến nay trường có 17 giảng viên đạt danh hiệu giỏi cấp quốc gia, 34 giảng viên giỏi cấp tỉnh, 42 giảng viên giỏi cấp trường, không có giảng viên yếu kém, 01 giảng viên được trao tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú, nhiều giảng viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, cấp bộ.

- Về cơ sở vật chất: Được sự quan tâm của UBND tỉnh, trường đã đầu tư nâng cấp nhiều hạng mục nên khuôn viên trường ngày càng khang trang sạch đẹp, điều kiện cơ sở vật

chất kỹ thuật được cải thiện đáng kể, nhà học, khuôn viên, thiết bị... được trang bị đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, được đoàn kiểm tra liên Bộ đánh giá cao.

- Về chương trình, giáo trình: Là nội dung được Đảng ủy Ban giám hiệu nhà trường chỉ đạo sâu sát, đòi hỏi sự đổi mới, cập nhật thường xuyên, bám sát nhu cầu sản xuất kinh doanh trong thực tiễn. Học sinh, sinh viên của Trường sau khi tốt nghiệp đã thích nghi với môi trường công tác, đáp ứng được các yêu cầu của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế. Nhiều sinh viên đã trở thành cán bộ kỹ thuật giỏi, cán bộ khoa học đầu ngành, quản lý giỏi.

Với sự mạnh dạn, quyết đoán đầy sáng tạo, luôn năng động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong công tác điều hành chỉ đạo của Ban giám hiệu, cộng với sự quyết tâm phấn đấu của tập thể cán bộ, giảng viên, công nhân viên trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An trong thời gian qua, thành quả bước đầu đã đem hoa kết trái.

Hòa trong không khí đón xuân Giáp Ngọ, đón một năm mới an vui, trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An đã vui mừng và hạnh phúc, khi nhận được tin mừng, Phó thủ tướng Vũ Đức Đam đã thay mặt

Chính phủ ký quyết định số 205/QĐ-TTg thành lập trường Đại học Kinh tế Nghệ An vào ngày 27 tết, tức ngày 27 tháng 01 năm 2014, đây là một mốc son quan trọng trong tiến trình phát triển của nhà trường. Trường Đại học Kinh tế Nghệ An ra đời không chỉ là sự ghi nhận những cống hiến của bao thế hệ thầy và trò, những nỗ lực phấn đấu quên mệt mỏi của tập thể lãnh đạo và cán bộ giảng viên nhà trường mà còn là sự đánh giá cao của xã hội, của Chính phủ các bộ, các cơ quan cấp tỉnh về sự trưởng thành toàn diện của trường. Trường Đại học Kinh tế Nghệ An ra đời nâng cao vị thế của trường trong hệ thống giáo dục đào tạo quốc gia, góp phần thực hiện mục tiêu đưa Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phát triển công nghiệp, theo tinh thần Nghị quyết số 26 – NQ/TW ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020.

Trong niềm vui chung, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các đồng chí lãnh đạo tỉnh, chính quyền, nhân dân địa phương nơi Trường đóng trụ sở, các cơ quan trong và ngoài tỉnh đặc biệt là cá nhân đồng chí Hồ Đức Phốc, Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Xuân Đường chủ tịch Ủy ban

nhân dân tỉnh, đồng chí Đinh Thị Lê Thanh phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi, giúp đỡ cho Nhà trường đạt được sự thành công tốt đẹp ngày hôm nay!

Sự kiện thành lập trường đại học Kinh tế Nghệ An là một niềm vui lớn, niềm tự hào của cán bộ, giảng viên, công nhân viên nhà trường và của nhân dân tỉnh Nghệ An. Nhưng chúng tôi cũng nhận thức được rằng phía trước đang còn rất nhiều công việc cần làm. Ngay sau khi có quyết định lên Đại học, trường đã gấp rút chuẩn bị các điều kiện và có thể mở 7 mã ngành cho đào tạo đại học trong năm 2014 theo quy định của thông số 08/2011/TT-BGDĐT quy định về điều kiện mở mã ngành của các trường đại học, để kịp mùa tuyển sinh năm học 2014-2015, đó là: Ngành Kế toán, ngành Kinh tế, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Thú y, ngành Quản lý đất đai, ngành Lâm nghiệp, ngành Khoa học cây trồng. Trong năm 2015 và những năm tiếp theo, sau khi một số giảng viên của trường bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, đảm bảo đủ điều kiện trường sẽ mở tiếp một số mã ngành khác.

Một số nhiệm vụ trước mắt cần phải làm là:

1. Thực hiện tuyển sinh 2014 - 2015 năng động, linh hoạt, hiệu quả theo hướng ưu tiên các môn học

chuyên môn nghiệp vụ, giảm các môn cơ sở, lý luận. Liên kết đào tạo mở các lớp ở các với các đối tượng khác nhau trong và ngoài nước.

2. Xây dựng phương thức và chương trình đào tạo hiện đại, hấp dẫn và hiệu quả nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị hàng đầu là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho đất nước, phù hợp với nhu cầu xã hội.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên tâm huyết, có trình độ chuyên môn cao, tinh thông nghiệp vụ đủ sức giải quyết nhanh chóng, hiệu quả các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.

4. Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình đào tạo và quản lý hoạt động của nhà trường. Coi nghiên cứu khoa học là nhân tố quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo, là thước đo đánh giá trình độ và chất lượng một trường đại học có thương hiệu.

5. Tập trung đầu tư, khai thác triệt để và hiệu quả cơ sở vật chất, tiếp tục hoàn thiện dự án mở rộng diện tích đất 20 ha cơ sở 2 của trường tại xã Nghi Kim, xây dựng các công trình nhà hiệu bộ, nhà ký túc xá, nhà giảng đường, khu thực hành khoa nông lâm, hội trường lớn... như đã nêu trong đề án.

6. Thường xuyên củng cố khối đoàn kết cao trong Đảng bộ và toàn trường, đồng thuận tạo sức mạnh tổng hợp trong việc xây dựng trường ngày càng lớn mạnh.

Trường Đại học Kinh tế Nghệ An vinh dự là trường đầu tiên sử dụng chuẩn cụm từ Tiếng Anh về tên trường theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam, trong thời gian tới tất cả các trường không có trường thành viên sẽ đổi tên theo cụm từ mới. Cán bộ giảng viên Trường Đại học Kinh tế Nghệ An, quyết tâm đưa trường phát triển thành trường đứng đầu miền trung và top 10 cả nước nhất là các ngành về khối Kinh tế. Chúng ta đã và sẽ chứng minh việc nâng cấp trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An lên Đại học Kinh tế Nghệ An không phải là bình mới rượu cũ như nghi ngại của một số người, mà đã và sẽ là bình mới, rượu mới, mà còn là bình đẹp, bình tốt, rượu ngon, chúng ta sẽ quyết tâm thực hiện theo phương châm làm đúng, làm thật, làm nhanh, chắc thắng.

Hôm nay trường đã bước sang một trang sử mới. Chúng ta đã là cán bộ, giảng viên của trường đại học, thì phải xứng danh với danh hiệu đó và mong đợi của Chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của lãnh đạo Tỉnh, của học sinh, sinh viên và chính của chúng ta. Bản thân tôi cũng quyết

tâm phấn đấu xứng danh là Hiệu trưởng của trường Đại học. Các đồng chí có cùng tôi và Ban giám hiệu quyết tâm đưa trường Đại học Kinh tế Nghệ An trở thành một trường top đầu và danh tiếng không? Một lần nữa tôi kêu gọi toàn thể cán bộ, giảng viên nhà trường chung tay đoàn kết, thương yêu chia sẻ cảm thông để đồng tâm hợp lực xây dựng trường tiến lên.

Tuy nhiên, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An có thực sự trở thành một trường đại học có danh tiếng của tỉnh nhà hay không thì sự cố gắng nội tâm của thầy trò nhà trường không thôi là chưa đủ, chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh Nghệ An và các ban ngành cấp tỉnh nhiều hơn nữa, tạo điều kiện, hỗ trợ các hoạt động của nhà trường nhằm đảm bảo cho trường đi đúng hướng, hỗ trợ cho trường giải quyết các khó khăn, đặc biệt vấn đề đất để nhà trường sớm ổn định cơ sở vật chất có điều kiện tập trung vào xây dựng chất lượng đào tạo chuẩn, sớm trở thành địa chỉ đào tạo tin cậy của nhân dân Nghệ An, khu vực Bắc Trung bộ và của cả nước, như mục tiêu đặt ra.

Tôi tin tưởng rằng, với khí thế mới cán bộ giảng viên toàn trường tiếp tục chung sức, chung lòng, để xây

dựng tình đoàn kết, xây dựng sự phát
triển vững chắc trong theo xu thế hội
nhập.

ĐÀO TẠO NGHỀ Ở NGHỆ AN - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Th.S Hoàng Hoa Quế

Phó Hiệu trưởng

Một quốc gia muốn phát triển thì cần phải có các nguồn lực như: tài nguyên thiên nhiên, vốn, khoa học- công nghệ, con người... Trong các nguồn lực đó thì nguồn lực con người là quan trọng nhất, có tính chất quyết định trong sự tăng trưởng và phát triển kinh tế- xã hội của mọi quốc gia từ trước đến nay. Một nước cho dù có tài nguyên thiên nhiên phong phú, máy móc kỹ thuật hiện đại nhưng không có những con người có trình độ, có đủ khả năng khai thác các nguồn lực đó thì khó có khả năng có thể đạt được sự phát triển như mong muốn.

Nghệ An là tỉnh có diện tích lớn nhất cả nước, dân số đứng thứ tư cả nước. “Đến năm 2010, tổng dân số của tỉnh xấp xỉ 2.930.000 người, trong đó: số người trong độ tuổi lao động 1.837.500 người, chiếm hơn 62,0%; bình quân mỗi năm số lao động bổ sung vào nguồn từ 3,2 - 3,4 vạn người. Số người trong độ tuổi lao động tham gia hoạt động trong nền kinh tế có gần 1.630.000 người, chiếm tỷ lệ hơn 88,4 %. Cơ cấu lao động theo độ tuổi: từ 15-24 chiếm 30%; từ 25-34 chiếm 23,3%; từ 35- 44 chiếm 19%; từ 45 trở lên chiếm 18,7%. Có thể nói đây là giai

đoạn “*dân số vàng*”, đáp ứng tốt nhất yêu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội”⁽¹⁾.

Tuy nhiên, tỷ trọng lao động trong nông nghiệp còn cao, lao động thiếu việc làm và không có việc làm còn nhiều, tỷ lệ qua đào tạo rất thấp. “Đến cuối năm 2010, tỷ lệ lao động qua đào tạo tham gia hoạt động kinh tế đạt 40% , trong đó số lao động qua đào tạo nghề đạt 33%. Lao động kỹ thuật vẫn còn tập trung vào một số nghề như sửa chữa xe có động cơ, lái xe, may mặc, mộc dân dụng, điện, điện tử, cơ khí sửa chữa..., một số nghề như chế biến nông sản, thực phẩm, trồng trọt, chăn nuôi... còn ít. Mặt khác, lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật giữa khu vực thành thị và nông thôn có sự khác biệt lớn. Ở khu vực thành thị, tỷ lệ có trình độ chuyên môn kỹ thuật là 44%, nông thôn là 21%”⁽²⁾.

Do vậy, việc giáo dục nghề nghiệp phục vụ phát triển kinh tế- xã

(1) Chương trình mục tiêu giải quyết việc làm tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011-2015

(2) Chương trình mục tiêu giải quyết việc làm tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011-2015

hội của tỉnh Nghệ An trong quá trình hội nhập và công nghiệp hóa nông nghiệp đang là những vấn đề nổi cộm và cấp bách.

1. Vai trò của giáo dục nghề nghiệp

Phát triển kinh tế nhanh và bền vững đặt nền tảng trên chủ trương, chính sách phù hợp với các bước phát triển của nền kinh tế, xây dựng kế hoạch và thực hiện các mục tiêu đúng với kế hoạch đã được đề ra. Việc giáo dục nghề nghiệp (GDNN) là một yếu tố quan trọng để thực hiện các mục tiêu kinh tế, vì nó tạo ra con người có đủ trình độ, khả năng phù hợp với một công việc nhất định được xã hội phân công, giao phó. Các cơ sở giáo dục, đào tạo là nơi thực hiện nhiệm vụ cung ứng cho xã hội những con người có đủ phẩm chất, trình độ nghề nghiệp đáp ứng được yêu cầu của công việc cụ thể, trong đó các trường đại học, cao đẳng nắm vai trò đào tạo con người ở trình độ có thể hoàn thành một công việc theo yêu cầu, đồng thời nghiên cứu đề ra phương án tối ưu để thực hiện công việc hiệu quả hơn.

Đối với sự nghiệp giáo dục, đào tạo dù ở cấp độ nào cơ sở giáo dục, đào tạo cũng giữ một vai trò quan trọng vì nó cung ứng cho xã hội nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển kinh tế. Như vậy vấn đề đặt ra là một nhà trường, một cơ sở đào tạo trong một thời gian, một giai đoạn cụ thể

phải đào tạo những ngành nghề gì? Trình độ nào? Số lượng bao nhiêu là phù hợp? Một vấn đề cũng không kém phần quan trọng là đào tạo những chuyên ngành hẹp nào để đáp ứng đúng với nhu cầu của từng doanh nghiệp cụ thể, chuyên môn sâu như thế nào để đi vào nền kinh tế hiện tại một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất. Để xác định nhiệm vụ đào tạo cơ sở giáo dục, đào tạo tìm hiểu rõ nhu cầu của địa phương, của vùng và rộng hơn là của cả nước, thậm chí của khu vực. Chúng ta biết rằng, học sinh, sinh viên tốt nghiệp có thể tìm việc làm ở bất cứ nơi nào có nhu cầu chứ không phải chỉ ở địa phương nơi được đào tạo và cũng vì khi hội nhập kinh tế thế giới thì việc làm có thể đến với người lao động bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu- khu vực Nhà nước, liên doanh, tư nhân,... Như vậy đào tạo phải đáp ứng được với nhu cầu của xã hội, đáp ứng được với yêu cầu cụ thể của nguồn nhân lực, nghĩa là liên quan đến số lượng và chất lượng đào tạo.

2. Thực trạng giáo dục nghề nghiệp của tỉnh Nghệ An

Các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh đã góp phần đào tạo nhân lực khá dồi dào cho tỉnh và khu vực miền Trung. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo còn chưa ổn định ở từng trường và chưa đồng đều giữa các trường, một

số ngành, một số trường có chất lượng đào tạo tốt, có uy tín đối với nhà tuyển dụng nhưng cũng còn nhiều trường, nhiều ngành đào tạo HSSV chưa đáp ứng yêu cầu thị trường lao động. Các kỹ năng làm việc của HSSV còn hạn chế, đa phần cần được đào tạo bổ sung sau khi tuyển dụng, số HSSV có khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học phục vụ công việc chuyên môn có tiến triển nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu.

Công tác đào tạo nghề ở Nghệ An đã góp phần tích cực phục vụ cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo. Tuy nhiên, hoạt động đào tạo nghề, cả quy mô và chất lượng đào tạo chưa đáp ứng nhu cầu lao động của thị trường, nhất là những nghề phục vụ cho các ngành kinh tế mũi nhọn, những ngành đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật cao. Cơ cấu ngành nghề đào tạo chưa thực sự phù hợp với yêu cầu thị trường lao động. Mạng lưới cơ sở đào tạo nghề phát triển thiếu cân đối; công tác xã hội hoá đào tạo nghề còn nhiều hạn chế.

Tính đến năm 2011, Nghệ An có 52 cơ sở dạy nghề, trong đó có 05 trường đại học, 06 trường cao đẳng, 08 trường trung cấp nghề, 17 Trung tâm dạy nghề và 22 cơ sở khác có tham gia đào tạo nghề (ĐTN); số cơ sở do địa phương quản lý là 47 cơ sở,

Trung ương quản lý là 5 cơ sở. Đào tạo nghề ở Nghệ An có thể mạnh trong các lĩnh vực như kế toán cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, kỹ thuật công nghiệp, vận tải, chế biến, dịch vụ, du lịch.

Cơ sở ĐTN ở tỉnh tuy nhiều, nhưng quy mô đào tạo nhỏ. Quy mô đào tạo trên 2.000 HSSV/năm có 3 cơ sở; từ 1.500 - 2.000 HSSV/năm có 15 cơ sở; từ 500- dưới 1.500 HSSV/năm có 30 cơ sở; có 2 cơ sở có quy mô tuyển sinh dưới 500 HSSV/năm. Hàng năm, năng lực đào tạo của hệ thống dạy nghề trên địa bàn tỉnh Nghệ An đáp ứng cho khoảng 66.000 lao động.

Công tác giáo dục nghề nghiệp (GDNN) trên địa bàn tỉnh đã được phục hồi và có bước phát triển từng bước đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Mạng lưới cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh Nghệ An được phát triển nhanh, trong đó tập trung đào tạo nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp cho các đối tượng lao động nông thôn trong độ tuổi có nhu cầu học nghề, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học với các cấp trình độ như sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên dưới 3 tháng, trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

Cơ cấu ngành nghề đào tạo đã dịch chuyển theo cơ cấu ngành nghề trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; đã mở thêm nhiều nghề đào tạo mới mà

thị trường lao động có nhu cầu và các nghề phục vụ cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và giải quyết việc làm cho người lao động. Đến nay nhà nước đã ban hành danh mục 376 nghề đào tạo ở trình độ cao đẳng, 435 nghề đào tạo ở trình độ trung cấp⁽³⁾.

Tuy nhiên các cơ sở ĐTN trên địa bàn tỉnh phân bố không đều, chủ yếu tập trung ở trung tâm tỉnh (TP.Vinh: 33 cơ sở, Cửa Lò: 3 cơ sở). Quy mô dạy nghề chưa đáp ứng nhu cầu lao động của thị trường, chất lượng dạy nghề chưa cao. Hệ thống cơ sở ĐTN còn nhỏ, manh mún. Công tác xã hội hóa trong lĩnh vực dạy nghề còn gặp nhiều khó khăn. Chưa đào tạo đón đầu một số ngành, nghề có nhu cầu lớn, yêu cầu cao trong tương lai như đóng tàu, khoa học biển, dầu khí....

Trong công tác giáo dục nghề nghiệp, tỉnh Nghệ An đã đạt được một số kết quả như:

* *Hệ đào tạo* (trung cấp chuyên nghiệp trở lên): Đào tạo các cấp trình độ từ trung cấp chuyên nghiệp trở lên tăng nhanh trong thời kỳ 2006- 2010, tăng hơn 1,7 lần. Số sinh viên đại học tăng gần 1,8 lần. Số sinh viên cao đẳng tăng 1,5 lần, trung cấp chuyên nghiệp tăng gần 2,2 lần.

³ Danh mục nghề đào tạo năm 1992 có 226 nghề đào tạo dài hạn

* *Hệ dạy nghề*: Từ năm 2006 đến năm 2010 đã đào tạo cho : 238.050 người bao gồm : Cao đẳng nghề: 8.410 người trong đó nữ : 1.518 (chiếm 18%); Trung cấp nghề: 40.945 người trong đó nữ : 8.741 (chiếm 21,3%); Sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên: 118.695 người trong đó nữ: 69.419 (chiếm 36,8%).

3. Chính sách và thực trạng thu hút, sử dụng lao động của Nghệ An

Mặc dù tỉnh đã có nhiều cơ chế chính sách để thu hút, sử dụng nhân tài như: Quyết định số: 30/2007/QĐ-UBND, ngày 9/4/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 316/2010/NQ-HĐND ngày 10/ 7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An; Quyết định số 65/2010/QĐ-UBND ngày 26/ 8/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành quy định “một số chính sách đối với nhân lực chất lượng cao trong các tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc, hành chính Nhà nước, sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội các cấp ở tỉnh Nghệ An”... ”. Nhưng, theo đánh giá của nhiều người, mọi cơ chế chính sách ở đây ban hành ra cũng chưa có hiệu lực cao.

Sở GD&ĐT tỉnh Nghệ An vừa thực hiện khảo sát tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp. Kết quả đến đầu năm 2013 cho thấy, có 12.191 SV đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên nghiệp trở lên nhưng chưa có

việc làm (trong đó có 1 thạc sĩ, 3.047 ĐH, 4.042 CĐ).

Các địa phương có nhiều người tốt nghiệp ĐH, CĐ chưa có việc làm như: TP Vinh (506 trung cấp, 464 CĐ); Thanh Chương (507 CĐ, 401 ĐH); Tân Kỳ (387 CĐ, 314 ĐH). Riêng 5 huyện miền núi như: Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong, Con Cuông và Quỳnh Châu có tới 802 người chưa có việc làm, trong đó có 435 người tốt nghiệp CĐ, 367 tốt nghiệp ĐH và 1 người có trình độ thạc sĩ.

Theo thông tin từ Sở Nội vụ Nghệ An, đợt thi tuyển công chức năm nay chỉ tiêu chỉ có 120 người nhưng đến thời điểm này đã nhận được 1.856 hồ sơ đăng ký dự tuyển. Riêng ngành Thuế Nghệ An thi tuyển công chức chỉ lấy 53 chỉ tiêu, nhưng có tới 2.500 SV đủ điều kiện dự thi (trong đó có hơn 200 trường hợp tốt nghiệp loại giỏi - hệ chính quy).

Bên cạnh đó, hiện nay tỉnh Nghệ An còn có hơn 3.600 giáo viên dôi dư thuộc 3 cấp tiểu học, THCS và THPT. Để trả lương cho trên 3.600 giáo viên kể trên, mỗi năm tỉnh Nghệ An phải chi khoảng trên 80 tỷ đồng từ nguồn kinh phí được cấp hằng năm cho ngành giáo dục.

Riêng năm nay, ngành giáo dục chỉ tuyển dụng 74 suất biên chế nhưng hiện đã có tới 500 hồ sơ dự tuyển. Mặc dù đang dư thừa giáo

viên, nhưng hằng năm tỉnh Nghệ An vẫn có hàng ngàn người tốt nghiệp ngành sư phạm.

Ông Bùi Nguyên Lâm, Giám đốc Sở LĐ-TB&XH Nghệ An nói: "Số SV ra trường, thất nghiệp mà Sở GD&ĐT vừa công bố đúng là như vậy. Một thực trạng đã báo động. Theo tôi, nguyên nhân là thời gian qua đào tạo tràn lan, không sát với thị trường, trong khi nhu cầu sử dụng lao động hạn chế. Trước thực trạng đó, ngày 26-12-2012, tỉnh Nghệ An đã có công văn gửi Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các huyện, thành, thị về việc tạm dừng thực hiện chính sách thu hút nhân tài (SV tốt nghiệp loại khá, giỏi trở lên)" ⁽⁴⁾.

4. Đào tạo nghề ở Trường CĐ Kinh tế- Kỹ thuật Nghệ An

Nhà trường đã có bề dày trên 50 năm xây dựng và phát triển, thương hiệu nhà trường đã được xã hội chấp nhận qua thông tin từ nhiều doanh nghiệp. Nhà trường đang phấn đấu để trở thành một trường đại học trong thời gian sớm nhất. Thế mạnh của trường là đào tạo ngành Kế toán và một số ngành nông - lâm nghiệp.

Để có được quy mô đào tạo ngày càng tăng, nhà trường luôn quan tâm đến những nội dung sau:

⁴ Báo Nghệ An, ngày 01/3/2013

- Đội ngũ giáo viên phải đạt chuẩn. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, GV.

- Cải tiến phương pháp lên lớp, cải tiến chương trình, giáo trình hàng năm.

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hoạt động đào tạo, nhà trường là một môi trường văn hóa, “sạch” về mọi mặt.

- Quan tâm đến dạy chữ và dạy người. Tạo cho HSSV có những diễn đàn, những sân chơi để chia sẻ những kỹ năng sống và phát triển thể chất.

- Luôn quan tâm đến chất lượng đào tạo, hoạt động NCKH, coi đó là sống còn của nhà trường.

Bởi lẽ đó mà quy mô đào tạo của trường năm học 2013-2014 là trên 6.000 HSSV. Tuy nhiên, nhà trường còn rất nhiều việc cần phải làm trong thời gian tới. Hiện nay, Nhà trường đang xúc tiến chương trình đào tạo cho cán bộ công chức xã theo tinh thần của Nghị quyết 1956

5. Giải pháp cho giáo dục nghề nghiệp trong thời gian tới ở Nghệ An

- UBND tỉnh Nghệ An, thông qua Sở Giáo dục - Đào tạo, sở Lao động Thương binh và Xã hội rà soát lại quy hoạch mạng lưới các cơ sở đào tạo, đại học, cao đẳng, THCN và dạy nghề. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động giáo dục đào tạo; trong đó chú trọng đến chất lượng dạy

học của các cơ sở đào tạo ngoài công lập và các hình thức liên kết đào tạo.

- Trên cơ sở Quy hoạch mạng lưới các trường cao đẳng và đại học giai đoạn 2006-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các trường cao đẳng, đại học và cơ sở đào tạo khác trên địa bàn tỉnh cần được sắp xếp lại và phát triển theo hướng hiện đại, gắn với phương hướng phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh và nhu cầu sử dụng của các cơ quan, doanh nghiệp. Đẩy mạnh hình thức tổ chức mở liên thông giữa các cấp bậc trình độ đào tạo, ngành nghề đào tạo và với bên ngoài với mạng lưới đào tạo của Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, vùng Trung du - miền núi Bắc Bộ, Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung, các vùng khác trong nước và với quốc tế.

- Cần đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của thị trường lao động bằng việc hình thành hệ thống thông tin thị trường lao động của tỉnh và các địa phương xung quanh, kết nối với hệ thống thông tin thị trường lao động quốc gia; đa dạng hóa các kênh giao dịch việc làm, tạo điều kiện thuận lợi phát triển các giao dịch trực tiếp giữa người lao động và người sử dụng lao động. Đầu tư hiện đại hóa các trung tâm giới thiệu việc làm để đáp ứng nhu cầu tư vấn, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động, thu thập và cung cấp thông tin thị trường lao động cho người lao động và người sử dụng lao động.

- Tổ chức các hoạt động giới thiệu việc làm tại các tỉnh khác trong tỉnh để thực hiện nhiệm vụ tư vấn, cung cấp thông tin về thị trường lao động và giới thiệu việc làm cho người lao động trên địa bàn. Hàng năm tổ chức hội chợ việc làm theo hai hình thức là Hội chợ tổng hợp và Hội chợ chuyên ngành về việc làm. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn về việc làm: thu thập, cung cấp thông tin, giới thiệu, môi giới tuyển dụng lao động, tư vấn và tổ chức tuyển dụng lao động:..

- Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động trên địa bàn tỉnh kết nối với các tỉnh trên cả nước (trước hết là các tỉnh lân cận có quan hệ gắn kết nhiều về phát triển kinh tế như Thanh Hóa, Hà Tĩnh, rồi các Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, Đồng Nai...) và thị trường lao động quốc tế với những nội dung chủ yếu sau:

+ Thông tin về các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực: năng lực đào tạo, cơ cấu ngành nghề đào tạo, các chương trình đào tạo, hình thức, thời gian đào tạo, kinh phí đào tạo.

+ Thông tin về cung nguồn nhân lực: số lượng, tình trạng tuổi, giới tính, danh mục cơ cấu ngành nghề của những người có nhu cầu việc làm, về tình trạng thất nghiệp, về nguyện vọng tìm kiếm

việc làm của người đang thất nghiệp... ở cả khu vực nông thôn và thành thị.

+ Thông tin về cầu lao động (nhu cầu về lao động của các cơ sở sử dụng lao động): số lượng, danh mục cơ cấu ngành nghề, trình độ nghề nghiệp, điều kiện và chính sách tuyển dụng, những yêu cầu liên quan...

+ Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về lao động, việc làm, tiền lương, tiền công, điều kiện lao động, bảo hiểm lao động, an sinh xã hội...

Tổ chức xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động của tỉnh gồm:

+ Xây dựng trang Website tổng hợp chính thức của tỉnh về thị trường lao động Nghệ An. Trang Website này hoạt động cung cấp thông tin và có chức năng của sàn giao dịch lao động điện tử của tỉnh.

+ Tổ chức mạng lưới cộng tác viên liên kết thu thập thông tin, xử lý, cung cấp và trao đổi thông tin... về thị trường lao động.

6. Kiến nghị:

Đào tạo nghề là một hệ thống đào tạo nằm trong mạng lưới quốc gia. Hiệp hội các trường Kinh tế- kỹ thuật Việt Nam cần có dự án về công tác điều tra về thực trạng lao động và đào tạo nghề trên địa bàn của mỗi vùng, mỗi tỉnh. Kết hợp với điều tra lao động - việc làm hàng năm do Bộ GD&ĐT, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội tổ chức, bổ sung. Lồng

ghép với các dự án, Hiệp hội sẽ thu thập những thông tin có giá trị trình các Bộ liên quan và Chính phủ nhằm định hướng cho mục tiêu chiến lược

**CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN
TRONG QUÁ TRÌNH ĐƯA TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ
THUẬT LÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN**

phát triển nguồn nhân lực của mỗi tỉnh và quy mô toàn quốc được hợp lý theo xu thế hội nhập./.

Th.s Ngô Xuân Thành
Trưởng phòng Tổ chức Hành chính

Trở thành trường đại học! Một ước ao không chỉ của cán bộ giảng viên, công nhân viên Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An mà còn là mục tiêu trong chiến lược phát triển mạng lưới giáo dục của tỉnh Nghệ An.

Để trở thành trường đại học đòi hỏi phải đạt được nhiều tiêu chí theo các chuẩn do Bộ Giáo dục - Đào tạo quy định như: Diện tích đất tối thiểu; hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho dạy và học (giảng đường, máy móc thiết bị, phòng thí nghiệm, thư viện, sân chơi, sân thể thao, nhà đa chức năng...); hệ thống giáo trình, đề cương bài giảng đồng bộ; đặc biệt là yêu cầu về xây dựng đội ngũ giảng viên có đủ trình độ, đảm đương được công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học ở bậc đại học.

Năm 2010, nghị quyết của Đảng bộ nhà trường đã có nội dung xây dựng đề án và đề ra mục tiêu đưa trường lên đại học trước năm 2015.

Nghị quyết của đại hội tỉnh Đảng bộ Nghệ An cũng đã coi việc đưa trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An lên đại học là một trong những nhiệm vụ của tỉnh để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho tỉnh nhà. Chủ trương là vậy nhưng khi nhìn lại các chỉ tiêu của một trường đại học mà Bộ quy định với thực lực của nhà trường thì thấy là cả hàng núi khó khăn chồng chất. Nan giải nhất là vấn đề diện tích đất và đội ngũ cán bộ giảng viên. Làm thế nào để đưa trường lên đại học khi Đảng, Nhà nước đang xiết chặt điều kiện mở các trường đại học, nhằm đảm bảo chất lượng thật của các trường và để chấn hưng lại nền giáo dục Việt Nam?

Về đội ngũ giảng viên trường đại học, Bộ Giáo dục - Đào tạo quy định số lượng giảng viên cơ hữu phải đảm bảo được 70% khối lượng giảng dạy; muốn mở được một mã ngành thì ít

nhất phải có 01 tiến sĩ và 03 thạc sĩ đúng chuyên ngành đó.

Ở thời điểm 2010 toàn trường có 125 giảng viên cơ hữu, trong đó giảng dạy trực tiếp 109, giảng dạy kiêm nhiệm 16. Số lượng này rõ ràng là còn rất mỏng. Về chất lượng mới có 02 tiến sĩ và chỉ có 01 tiến sĩ ở lĩnh vực chuyên ngành đang giữ cương vị hiệu trưởng, 01 tiến sĩ ở môn chính trị. Số giảng viên có trình độ thạc sĩ mới chỉ có 45 người. Về năng lực giảng dạy, nhiều giảng viên chưa tiếp cận được phương pháp giáo dục đại học. Đảng ủy, Ban giám hiệu nhà trường nhận thấy đội ngũ giảng viên là một tiêu chí cứng để nâng trường lên đại học, nếu không gấp rút xây dựng đội ngũ thì khó có thể thực hiện được mục tiêu mà Đảng bộ nhà trường và Đảng bộ tỉnh Nghệ An đề ra. Đồng chí Hiệu trưởng đã cùng tập thể lãnh đạo nhà trường đề ra và thực hiện một loạt các giải pháp:

Trước hết là nâng cao nhận thức cho cán bộ công nhân viên chức về tầm quan trọng xây dựng đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, chất lượng và cơ cấu, đáp ứng điều kiện thành lập trường đại học.

Thứ hai, xây dựng ban hành các văn bản quản lý giảng viên.

Thứ ba, Có chính sách trong tuyển dụng đội ngũ giảng viên và đảm bảo tốt các chế độ, quyền lợi vật chất, tinh thần cho giảng viên.

Thứ tư, tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực đội ngũ giảng viên.

Đi kèm với giải pháp là một loạt các biện pháp mạnh đã được tổ chức thực hiện: Vận động giảng viên đi học; giao chỉ tiêu cho các khoa cử giảng viên đi học; động viên hỗ trợ về mặt kinh phí cho người đi học; cho hưởng nguyên mọi chế độ như bình thường khi đi học chỉ giao đảm nhận 60% định mức công việc cho người đi nghiên cứu sinh, đảm nhận 80% định mức cho người đi học cao học; việc thi đậu vào cao học hay nghiên cứu sinh được coi là một tiêu chí đánh giá thi đua khen thưởng cho các cá nhân và tập thể. Ngoài việc đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ, nhà trường còn tuyển dụng những người có bằng thạc sĩ, tiến sĩ đúng chuyên ngành trường đang cần với chế độ ưu đãi thu hút nhân tài rất hấp dẫn. Kết quả đến nay, tính tới đầu năm 2014, tức là chưa đầy 4 năm, trường đã có 162 giảng viên, có 6 tiến sĩ, 87 thạc sĩ, 20 người đang học cao học, 15 người đang làm nghiên cứu sinh. Cuối năm 2014 sẽ có 03 giảng viên bảo vệ luận án tiến sĩ, nâng tổng số tiến sĩ lên 09 người. Trong năm 2014 đã có 15 giảng viên đăng ký đi làm nghiên cứu sinh kể cả trong và ngoài nước. Hiện nay nhà trường đã giao nhiệm vụ cho tất cả các giảng viên trong độ tuổi chưa có bằng thạc sĩ đi học, để đến năm 2017 đảm bảo

trường đạt 100% giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên.

Bên cạnh những biện pháp quyết liệt để đảm bảo tiêu chí về đội ngũ giảng viên, nhà trường còn quan tâm đặc biệt tới chất lượng giảng dạy của các giảng viên. Kế tiếp nhau, các giảng viên được cử đi học để lấy chứng chỉ sư phạm bậc I, rồi bậc II.

Suốt 4 năm qua, ngoài những việc làm có tính thường xuyên như dự giờ, thăm lớp, nhà trường còn quan tâm đến việc thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, tiếp cận với các phương tiện kỹ thuật hiện đại hỗ trợ cho quá trình dạy và học. Khuyến khích giảng viên thiết kế bài giảng điện tử. Đồng thời nhà trường còn chỉ đạo quyết liệt việc biên soạn giáo trình, bài giảng phục vụ cho nhu cầu giảng dạy, đó cũng là cơ sở rất thuận lợi cho việc phát triển, nâng cấp nội dung giáo trình cho bậc đại học hiện nay. Như vậy với sự quyết tâm cao của đồng chí hiệu trưởng và tập thể ban giám hiệu, sự cố gắng rất nỗ lực của tất cả cán bộ, giảng viên, sau 4 năm tiêu chí về đội ngũ giảng viên đã cơ bản đáp ứng điều kiện ban đầu, góp phần quan trọng để nâng trường lên đại học. Có thể nói rằng, đội ngũ giảng viên Trường Đại học Kinh tế Nghệ An hiện nay có những mặt mạnh cơ bản về trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm và phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, có lòng yêu thương học sinh và say mê với

nghề dạy học. Đó là những điểm mấu chốt giúp họ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt mạnh, vẫn còn bộc lộ một số bất cập cần được đánh giá một cách đầy đủ và có giải pháp để sớm khắc phục mới đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới

Đó là trình độ của giảng viên không đồng đều, đa phần giảng viên trẻ thiếu kiến thức thực tiễn, một bộ phận giảng viên trình độ ngoại ngữ còn hạn chế, đặc biệt là sự thiếu hụt giảng viên có học vị cao, các chuyên gia đầu ngành (tiến sĩ, PGS), nhất là các mã ngành mới dự kiến mở ở bậc đại học.

Trường đã lên đại học, một trang mới đã mở ra trong quá trình vận động phát triển, nhưng các tiêu chí đảm bảo điều kiện cần cho việc nâng hạng trường mới chỉ đạt được ở mức ban đầu. Để trường đại học Kinh tế Nghệ An đi vào hoạt động, ổn định và phát triển, xứng đáng là trường đại học có chất lượng cao của tỉnh Nghệ An, trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, du lịch của khu vực Bắc Miền trung thì nhà trường nói chung và đội ngũ cán bộ giảng viên nói riêng còn phải cố gắng nhiều hơn nữa. Trong tương lai gần mục tiêu là: có từ 30 đến 35% giảng viên có trình độ tiến sĩ, 100 % giảng viên có trình độ thạc sĩ, các mã ngành đào tạo ở bậc cao đẳng trước

đây phải đủ điều kiện để mở mã ngành ở bậc đại học. Muốn vậy, rất cần có sự tiếp tục chỉ đạo đúng đắn của Đảng ủy, Ban giám hiệu nhà trường, sự đồng tâm, nhất trí của cán

bộ giảng viên công nhân viên nhà trường, phấn đấu đưa trường đại học Kinh tế Nghệ An ngày càng tiến xa hơn nữa.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ GÓP PHẦN NÂNG CAO VỊ THẾ CỦA NHÀ TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

NGUT.TS. Nguyễn Thị Lan

Trưởng Bộ môn Lý luận chính trị

Trong những năm qua, cùng với sự trưởng thành của nhà trường, Bộ môn Lý luận chính trị có sự phát triển vượt bậc cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay, Bộ môn có 15 cán bộ, giảng viên gồm 3 nam, 12 nữ, trong đó có 1 giảng viên là tiến sỹ, Nhà giáo ưu tú, 9 giảng viên trình độ thạc sỹ, trong đó 4 giảng viên đang làm nghiên cứu sinh, số giảng viên còn lại đang học cao học. Cán bộ, giảng viên của Bộ môn luôn có tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết với nghề, chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn, đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu ngày càng cao của sinh viên. Bộ môn đảm nhiệm giảng dạy 6 môn học ở trình độ đại học, cao đẳng và hai môn học ở trình độ trung học chuyên nghiệp cho học sinh, sinh viên.

Năm năm qua, với sự đoàn kết nhất trí và sự phấn đấu không ngừng của mỗi cán bộ, giảng viên, Bộ môn đã đạt được nhiều thành tích trong

mọi lĩnh vực công tác. Ba năm liên tục, Bộ môn được Chủ tịch UBND tỉnh tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc và năm học 2012- 2013 được đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng chính phủ. Bốn năm liên tục, Bộ môn và 1 cá nhân được Hiệu trưởng nhà trường khen thưởng vì có nhiều tích trong nghiên cứu khoa học. Trong phong trào thi đua của nhà trường trên mọi mặt hoạt động, Bộ môn luôn tích cực tham gia và đạt được nhiều thành tích. Tổ công đoàn nhiều năm được Liên đoàn lao động tỉnh tặng Bằng khen. Tổ nữ công năm học vừa qua được đề nghị Ban vì sự tiến bộ của tỉnh tặng giấy khen. Nhiều giảng viên trong Bộ môn được tặng bằng khen của UBND tỉnh, của Tỉnh đoàn, Liên đoàn lao động tỉnh, danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh.v.v.

Một yêu cầu cấp thiết đặt ra cho mỗi cán bộ, giảng viên của Bộ môn hiện nay, khi trường đã được nâng hạng lên

đại học là nâng cao chất lượng giảng dạy. Đó là vấn đề cốt lõi để có thể nâng cao chất lượng học tập của sinh viên đối với các môn Lý luận chính trị. Những môn học này mang tính trừu tượng, nặng về lý luận, vì thế nếu giảng viên không chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn, cải tiến phương pháp dạy, áp dụng những phương pháp mới, cập nhật kiến thức, có kiến thức về thực tiễn thì bài giảng sẽ trở nên khô khan, khó hiểu, thiếu sự hấp dẫn. Và như vậy, chất lượng học tập các môn học này sẽ không cao. Điều sâu xa hơn là sẽ không đáp ứng tốt nhiệm vụ bồi dưỡng cho học sinh, sinh viên nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng của Đảng ta, không trang bị được cho các em một thế giới quan, phương pháp luận khoa học để vận dụng trong nhận thức và hoạt động thực tiễn ... Vì vậy, nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị là một yêu cầu cấp thiết và thường xuyên của Bộ môn.

Năm 2014 đánh dấu sự trưởng thành của nhà trường lên một giai đoạn mới : nâng hạng trường lên Đại học. Cùng với niềm vui đó, mỗi cán bộ giảng viên nói chung và Bộ môn Lý luận chính trị nói riêng càng phải nâng cao trách nhiệm của mình để đáp ứng tốt hơn yêu cầu giảng dạy trong giai đoạn mới .

Trong thời gian tới, để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ này, Bộ môn cần chú trọng một số vấn đề sau:

Trước hết, mỗi giảng viên phải dành nhiều thời gian cho công tác chuyên môn để đi sâu, mở rộng kiến thức chuyên ngành. Nếu thầy chưa nắm vững chuyên môn thì làm sao có thể nói cho trò hiểu được. Trong thực tế vẫn tồn tại tình trạng thầy, cô giáo chưa nắm vững kiến thức nên cầm giáo trình đọc cho trò chép. Nếu mỗi giảng viên không tự ý thức được trước hết là vì lòng tự trọng nghề nghiệp để bồi dưỡng tri thức môn học mình đảm nhiệm thì khó có thể giảng dạy tốt.

Thứ hai, động viên và yêu cầu giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học nhằm mở rộng kiến thức để giảng dạy tốt hơn. Nghiên cứu khoa học là một trong hai nhiệm vụ cơ bản của giảng viên đại học. Hoạt động này rất hữu ích đối với giảng viên vì giúp mở rộng kiến thức chuyên ngành, tăng sức sáng tạo, góp phần hỗ trợ tích cực cho việc nâng cao chất lượng giảng dạy. Tuy vậy, một số giảng viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học nên chưa chú trọng thực hiện nhiệm vụ này. Do vậy, kiến thức bổ trợ cho bài giảng hạn chế nên chỉ nói lại như giáo trình, không mở rộng cho sinh viên khi giảng. Điều này gây sự nhàm chán, thiếu hấp dẫn đối với người học, làm cho môn

học rất khô khan. Đối với giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị, là môn khoa học xã hội nên nghiên cứu khoa học càng trở nên rất quan trọng. Xã hội thay đổi nhanh chóng, tri thức hôm nay ngày mai đã trở nên lạc hậu. Nếu không nghiên cứu khoa học để cập nhật tri thức mới thì chỉ nói lại những điều đã trở nên lạc hậu, tính tiên tiến của bài giảng sẽ hạn chế và khó có thể liên hệ được với thực tiễn.

Thứ ba, Bộ môn động viên, khuyến khích giảng viên đang đi học hoàn thành tốt luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, đáp ứng tốt hơn phương châm "biết mười, dạy một". Số giảng viên đã có trình độ thạc sĩ cần phải nâng lên trình độ cao hơn. Tuy vậy, những giảng viên này cần phải không ngừng tự học, tự nghiên cứu để có kiến thức chuyên môn ngang tầm với bằng cấp đã đạt được, hạn chế tình trạng đã có bằng cấp là thạc sĩ, tiến sĩ nhưng kiến thức chuyên môn vẫn còn hạn hẹp.

Thứ tư, tăng thời gian sinh hoạt chuyên môn để giải quyết những vấn đề còn vướng mắc trong quá trình giảng dạy.

Thứ năm, bộ môn cần tăng cường dự giờ giảng, để có thể học hỏi kinh nghiệm, góp ý cho nhau về kiến thức, về phương pháp giảng dạy.

Thứ sáu, phân công các giảng viên có kinh nghiệm kèm cặp, giúp đỡ các giảng viên trẻ.

Thứ bảy, sắp xếp thời gian tổ chức cho giảng viên đi thực tế, gắn lý luận với thực tiễn, làm cho bài giảng sinh động hơn.

Thứ tám, mỗi học phần cần thống nhất những nội dung trọng tâm phải chú trọng trong quá trình giảng dạy. Sau khi giảng xong học phần, cung cấp cho học sinh, sinh viên nội dung ôn tập để tạo điều kiện cho các em học tập tốt hơn, tránh trường hợp quá dàn trải về nội dung làm cho học sinh, sinh viên khó có thể ôn tập tốt vì mỗi học kỳ các em phải thi chín đến mười môn học.

Thứ chín, phối hợp với Phòng thanh tra khảo thí, Phòng quản lý học sinh sinh viên tổ chức thăm dò ý kiến của sinh viên về chất lượng giảng dạy của giảng viên để phát huy yếu tố tích cực, kịp thời khắc phục những hạn chế về nội dung, phương pháp giảng dạy.

Thứ mười, phối hợp với Phòng đào tạo để lên kế hoạch giảng dạy hợp lý, nhằm hạn chế sự căng thẳng cho giảng viên, vừa đảm bảo sức khỏe, vừa tạo điều kiện cho giảng viên có thời gian nghiên cứu khoa học, tự học để mở rộng kiến thức.

Để thực hiện được những giải pháp đó, Bộ môn rất cần sự quan tâm của Ban giám hiệu nhà trường, sự phối hợp của các Khoa, Phòng, Ban chức năng, sự đoàn kết tương trợ giúp đỡ lẫn nhau của các giảng viên và trên hết, mỗi giảng viên phải luôn tự hoàn thiện mình cả về

năng lực giảng dạy, kiến thức chuyên môn và phẩm chất chính trị, đạo đức để xứng đáng là những người tuyên truyền nền tảng tư tưởng của Đảng cho các thế hệ tương lai của đất nước.

Hòa chung với niềm vui của toàn thể cán bộ, giảng viên, công nhân viên

ĐOÀN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN

Th.S Nguyễn Thị Mai Anh

Thường vụ Đảng ủy

Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của trường Đại học Kinh tế Nghệ An (trước đây là trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật) 54 năm qua được đặt dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ủy, Ban giám hiệu. Đảng ủy có quan điểm chỉ đạo nhất quán và nhận thức đúng về vị trí trung tâm của thanh niên trong chiến lược bồi dưỡng và phát huy nhân tố nguồn lực con người. Với số lượng đông đảo thầy và trò đang độ tuổi thanh niên thì đây chính là lực lượng đi đầu trong mọi hoạt động, quyết định sự thành bại của nhiệm vụ trung tâm là dạy và học của nhà trường. Trong những trang sử vẻ vang của trường Đại học Kinh tế Nghệ An hôm nay tổ chức Đoàn thanh niên đã đóng góp nhiều thành tích to lớn.

Với lưu lượng đoàn viên thanh niên trung bình hàng năm trên dưới 6.000, được tổ chức thành 4 liên chi,

trong nhà trường, mỗi cán bộ, giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị sẽ nỗ lực phấn đấu hơn nữa để góp phần nâng cao vị thế của Trường Đại học Kinh tế Nghệ An trong giai đoạn mới ./

đó là liên chi đoàn Kế toán - Phân tích, liên chi đoàn Tài chính - Ngân hàng, liên chi đoàn Quản trị kinh doanh, liên chi đoàn Nông - Lâm - Ngư. Ban chấp hành đoàn trường gồm 21 đồng chí năng nổ, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, luôn cố gắng vượt khó khăn đưa phong trào đoàn của trường ngày càng lớn mạnh.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng là một trong những nhiệm vụ mà Đoàn trường luôn đặc biệt quan tâm. Việc tuyên truyền các nghị quyết của Đảng, đoàn các cấp, tuyên truyền chính sách, pháp luật của nhà nước, giáo dục truyền thống cách mạng, triển khai các chương trình công tác của đoàn được đẩy mạnh, thực hiện dưới nhiều hình thức nhằm đạt hiệu quả ngày một tốt hơn, có tác dụng giáo dục sâu sắc, thúc đẩy phong trào thi đua trong mọi thời kỳ khác nhau.

Phong trào hoạt đoàn được tổ chức thường xuyên, ở cả chiều sâu nâng cao chất lượng dạy và học; ở cả bề nổi văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Trung bình một tháng có một hoạt động với quy mô lớn dưới các hình thức phong phú như: Hội thi văn nghệ, Giải bóng chuyền, bóng đá nam, nữ, Hội thi sinh viên thanh lịch, Giao lưu với doanh nghiệp, thi Rung chuông vàng (tìm hiểu về thuế, về tài chính)... Nhiều môn học, ngành học được sân khấu hóa để sinh viên tiếp thu kiến thức nhẹ nhàng vui vẻ, có hiệu quả cao như Tìm hiểu pháp luật, Tôi lập nghiệp, Fectivan Tài chính... đã tạo những sân chơi bổ ích lý thú cho sinh viên.

Ngoài những hoạt động học tập, văn nghệ, thể thao đạt nhiều thành tích tiêu biểu, Đoàn trường còn được đánh giá cao trong công tác Đền ơn đáp nghĩa, hoạt động tình nguyện. Hàng năm Đoàn trường đều tổ chức các đội tình nguyện tham gia Chiến dịch “Mùa hè xanh” với hai nội dung: Đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật về cho bà con dân bản và xây dựng đời sống văn hóa mới. Tình nguyện tại chỗ “Tiếp sức mùa thi” với số tình nguyện viên từ 250 đến 450 đoàn viên thanh niên tham gia mỗi năm. Phối hợp với trung tâm huyết học của tỉnh Nghệ An, Đoàn trường mỗi năm tổ chức từ 1 đến hai lần các đợt hiến máu, lượng máu đoàn viên thanh niên

hiến mỗi đợt đều trên 200 đơn vị. Hàng năm Đoàn trường còn giới thiệu hàng trăm đoàn viên ưu tú gửi đi học các lớp bồi dưỡng cảm tình Đảng, trong số đó mỗi năm Đảng ủy xét kết nạp vào Đảng cộng sản Việt Nam từ 12 đến 20 người là học sinh, sinh viên.

Đoàn viên thanh niên là cán bộ giảng viên không những chỉ tham gia phong trào tốt mà còn thi đua giảng dạy tốt, tích cực học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn. Gần 100% giảng viên trẻ đã có bằng thạc sỹ, có 10 giảng viên trẻ đang học nghiên cứu sinh kể cả ở trong và ngoài nước. Đây chính là các hạt nhân cho việc đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo tại trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

Với sự quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ của Đảng ủy, Ban giám hiệu và nỗ lực đầy năng lượng tuổi trẻ, Đoàn trường đã được ghi nhận những thành tích đóng góp của mình cho nhà trường, cho xã hội. Kết quả từ 2005 đến nay, Đoàn trường liên tục đạt danh hiệu đơn vị xuất sắc, nhiều đoàn viên được nhận giải thưởng Sao tháng giêng, nhiều cá nhân và tập thể được nhận bằng khen của Tỉnh đoàn, của Trung ương đoàn, của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An được nâng lên thành trường đại học là niềm vui, niềm tự hào của

toàn thể cán bộ, giảng viên, học sinh, sinh viên song cũng đặt ra những thách thức, khó khăn mới. Ở một tầm cao mới, với những yêu cầu mới, đòi hỏi ở chặng đường tiếp theo Đoàn trường Đại học Nghệ An phải cố gắng nhiều hơn nữa để đưa hoạt động của tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển đáp ứng nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Như vậy, **trước hết** Ban thường vụ, Ban chấp hành Đoàn trường cần xác định tốt các cơ sở khoa học để xây dựng chương trình dài hạn cho công tác Đoàn

- Phải căn cứ vào đề án về nhiệm vụ và phương hướng phát triển chiến lược của trường Đại học Kinh tế Nghệ An giai đoạn 2014 - 2020, tầm nhìn 2020 - 2030 về mở rộng quy mô đào tạo; từng bước nâng cao chất lượng dạy và học; Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên; Hội nhập với các trường đại học ở khu vực và hội nhập quốc tế ... để xây dựng chương trình hành động của Đoàn.

- Nghiên cứu để nắm vững các Nghị quyết, chủ trương của Đảng bộ và các Nghị quyết của BCH Đảng bộ, coi đó là mục tiêu, là định hướng để xây dựng chương trình hoạt động của Đoàn trường.

Thứ hai: Nghiên cứu để nắm vững các chủ trương, phương hướng, các định hướng hoạt động của Đoàn cấp trên các cấp. Đoàn trường xây

dựng chương trình hoạt động của mình vừa đảm bảo tính đúng đắn, sát thực, vừa thể hiện ý thức chấp hành thực hiện chủ trương định hướng của đoàn cấp trên. làm cho mọi hoạt động của đoàn trường là một bộ phận gắn kết chặt chẽ với phong trào chung của tỉnh đoàn, đặc biệt trong thời điểm hiện nay là phong trào “5 xung kích”, “4 đồng hành”

Thứ ba: Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục lý tưởng sống cho thanh niên để đoàn viên thanh niên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tin vào vai trò quản lý của nhà nước, tin vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang tiến hành. Có mục tiêu phấn đấu đứng trong hàng ngũ của Đảng; Có động cơ học tập đúng đắn, học vì ngày mai lập nghiệp; Có thái độ nghiêm túc chống lại các biểu hiện ỷ lại, thờ ơ, bàng quan, gian lận trong học tập và thi cử; Xây dựng lối sống mới cho đoàn viên thanh niên theo hướng tuổi trẻ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, có ý thức tập thể, có lý tưởng sống cao đẹp, cống hiến sức trẻ cho sự nghiệp xây dựng phát triển cho quê hương, đất nước; Sống có tình cảm, ân nghĩa, biết sẻ chia, giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

Thứ tư: Nâng cao chất lượng dạy và học, hình thành động cơ, thái độ học tập, ý thức được học để biết,

để lập thân, lập nghiệp, học để cùng chung sống; Xây dựng phương pháp học tập mới, trang bị phương pháp tự đọc, tự học; Tổ chức các hoạt động dưới nhiều diễn đàn, hội thi, hội thảo về nội dung chuyên môn gắn với từng chuyên ngành đào tạo; Tiếp tục thực hiện cuộc vận động: Nói không với bệnh thành tích trong thi cử; học thật, thi thật, kết quả thật.

Thứ năm: Tổ chức tốt các phong trào hoạt động khác có ý nghĩa quan trọng, là cơ hội cho đoàn viên thanh niên tham gia vào các hoạt động xã hội, trực tiếp với thực tiễn cuộc sống của cộng đồng, qua đó làm cho lý tưởng sống của thanh niên được tăng cường, rèn cho tuổi trẻ phương châm học đi đôi với hành, nói đi đôi với làm. Từ đó đoàn viên thanh niên mới tự tin, hòa đồng trong cuộc sống, có điều kiện vượt qua thử thách, vươn lên trong cuộc sống.

Thứ sáu: Làm tốt công tác xây dựng Đảng bồi dưỡng, giới thiệu các đoàn viên ưu tú vào Đảng nhằm tăng cường mối quan hệ giữa Đoàn và Đảng, thực sự để đoàn là cánh tay phải đắc lực, là đội hậu bị tin cậy của Đảng. Trong trường học công tác phát triển Đảng tốt có nghĩa là đã tạo ra được những hạt nhân tích cực cho phong trào, là cơ sở để gắn chặt công tác giáo dục chính trị tư tưởng với xây dựng niềm tin cho đoàn viên thanh niên.

Thứ bảy: Tăng cường điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động đoàn và làm tốt công tác phối hợp với các tổ chức đoàn thể khác trong nhà trường

Đoàn trường là một tổ chức lớn nằm trong hệ thống tổ chức của nhà trường do vậy việc phối hợp với các tổ chức đoàn thể khác là một nguyên tắc, là yêu cầu bắt buộc và có vai trò to lớn đối với việc nâng cao chất lượng hoạt động của đoàn trường.

Trong quá trình phối hợp đoàn trường luôn cần chủ động xây dựng chương trình hoạt động, không chờ đợi, y lại vào các tổ chức đoàn thể khác. Cần căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của các tổ chức đoàn thể để có nội dung phối hợp, thiết thực.

Thứ tám: Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng trong học tập, đảm bảo tính công bằng, tạo động lực thúc đẩy việc học của đoàn viên thanh niên không ngừng vươn lên.

Tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp của nhà trường, Đoàn trường Đại học Kinh tế hôm nay quyết tâm giữ vững khối đoàn kết, không ngừng phấn đấu vươn lên, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, đưa phong trào đoàn thanh niên ngày một khởi sắc hơn, có chất lượng hoạt động cao hơn, tương xứng với yêu cầu trong giai đoạn mới.

TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN TIẾP TỤC ĐỔI MỚI NHẪM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU, NHIỆM VỤ MỚI

*Th.S Chu Thị Hải
Chủ tịch Công đoàn*

Công đoàn Trường Cao đẳng KT - KT Nghệ An nay là Trường Đại học Kinh tế Nghệ An là Công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An. Với bề dày truyền thống trên 50 năm xây dựng và phát triển tổ chức công đoàn, nhiều năm liền Ban Chấp hành Công đoàn đã tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, chương trình kế hoạch năm học với nhiều giải pháp mới, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn. Các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động được triển khai có hiệu quả. Đội ngũ giảng viên, CBCNV trong toàn trường đã nỗ lực cố gắng, khắc phục khó khăn, phấn đấu hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ.

1. Một vài nét về tổ chức công đoàn Trường

Trong nhiệm kỳ 2013 -2015: BCH gồm 11 đ/c trong đó 7 đ/c có trình độ thạc sĩ; 4 đ/c có trình độ đại học.

Có 12 tổ công đoàn bộ phận với số lượng đoàn viên là: 203 người

Trong đó có 146 nữ chiếm tỷ lệ 72%; 57 nam chiếm tỷ lệ 28%

Về trình độ có: 05 Tiến sĩ chiếm tỷ lệ 2.5%; 87 Thạc sĩ (15 người đang làm nghiên cứu sinh) chiếm tỷ lệ 42.9%; 69 Đại học chiếm tỷ lệ 34%.

2. Một số kết quả tiêu biểu đạt được trong các hoạt động

2.1 Triển khai và thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua và các cuộc vận động lớn.

- Phong trào thi đua “*Dạy tốt – Phục vụ tốt*” gắn với phong trào “*Lao động giỏi, lao động sáng tạo*” được duy trì thường xuyên và thực hiện có hiệu quả. Các tổ Công đoàn đã phối

hợp chặt chẽ với chuyên môn tổ chức nhiều hình thức thi đua như: tích cực đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường dự giờ thăm lớp trao đổi kinh nghiệm; đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HSSV; điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo để phù hợp với nhu cầu xã hội; viết, chỉnh lý giáo trình, đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào giảng dạy, quản lý, thể nghiệm các đề tài nghiên cứu khoa học; chuẩn bị tốt hồ sơ lên lớp; thực hiện nghiêm túc nề nếp lên xuống lớp... . Các tổ công đoàn thuộc bộ phận phục vụ cũng không ngừng cải tiến lề lối, phương pháp làm việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ. Qua đó Thương hiệu đào tạo của nhà trường ngày càng được phát huy và giữ vững.

- Thực hiện tốt phong trào “*Xanh - sạch - đẹp, an toàn vệ sinh lao động*” gắn với phong trào “*xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*”, Nhà trường đã chú trọng đầu tư thêm cơ sở vật chất: cải tạo, nâng cấp sân trường, trồng cây xanh bóng mát, tạo cảnh quan môi trường sư phạm xanh - sạch - đẹp. Phong trào “phục vụ tốt” thường xuyên được duy trì, nên cảnh quan môi trường trong nhà trường ngày một khang trang, sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, giữ vững đơn vị văn hóa (đã được Tổng LĐLĐ Việt Nam công nhận năm 2007).

- Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với cuộc vận động “*Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*” đã tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động của đội ngũ giảng viên, CBCNV trong tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất, đạo đức lối sống, tiếp tục sửa đổi lề lối, phong cách làm việc. Nhiều giảng viên đã vượt khó vươn lên, tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nỗ lực phấn đấu trở thành giảng viên giỏi, được học sinh tin yêu, quý trọng. Năm học 2012 -2013 có 01 đ/c được Thành Ủy Vinh công nhận là cá nhân điển hình xuất sắc về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

- Cuộc vận động “*Dân chủ-Kỷ cương-Tình thương-Trách nhiệm*” được lồng ghép với các cuộc vận động lớn; tiếp tục tăng cường kỷ cương nề nếp. Công đoàn vận động đoàn viên thực hiện nghiêm túc các quy định, quy chế chuyên môn, đẩy mạnh dân chủ hóa trong trường học, chống các biểu hiện tiêu cực, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, cải cách thủ tục hành chính. Trong những năm gần đây không có đoàn viên nào vi phạm quy chế chuyên môn bị kỷ luật.

- Cuộc vận động “*Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế khó khăn*”, cuộc vận động “*mái ấm tình thương*” và tham gia ủng

hộ các loại quỹ do công đoàn cấp trên phát động, được triển khai đạt kết quả tốt. Theo thống kê trong bản tin Thành phố Vinh tháng 10/2013, Trường Cao Đẳng KT - KT Nghệ An được xếp thứ 2 trong danh sách các cơ quan đơn vị trường học ủng hộ quỹ vì người nghèo, tính đến tháng 8/2013. Ngoài ra công đoàn còn vận động đoàn viên chia sẻ giúp đỡ CBCNV khi ốm đau bệnh tật hoạn nạn. Thông qua các hoạt động xã hội tạo ra sự đoàn kết tương thân tương ái đối với cán bộ CNV ngày càng gắn bó, tình cảm mật thiết.

2.2 Thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục CBCNV

Công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn, Giáo dục nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, pháp luật, khoa học kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ được Công đoàn duy trì thường xuyên. Hình thức tuyên truyền vận động được triển khai đa dạng, phong phú như: Mời báo cáo viên; Tổ chức cho đoàn viên tham gia viết bài; ký cam kết; Tổ chức các Hội thi, đặc biệt Hội thi “Tìm hiểu Luật công đoàn- Luật bình đẳng giới” được tổ chức dưới hình thức “Rung chuông vàng” đã thu hút được toàn thể cán bộ, giảng viên tham gia, từ những đoàn viên lớn tuổi nhất sắp nghỉ hưu,

đến những đoàn viên vừa mới được gia nhập công đoàn. Kết quả cuộc thi không chỉ giúp đoàn viên công đoàn hiểu rõ hơn luật công đoàn, luật bình đẳng giới, tổ chức công đoàn Trường Cao đẳng KT – KT nghệ An, mà cuộc thi còn là một bữa tiệc tinh thần, mang đến những trận cười thoải mái, tình cảm của đoàn viên gắn bó hơn, hiểu nhau hơn. 17 đoàn viên đã về đích cuộc thi rung chuông vàng nhận phần thưởng của BTC.

Công đoàn phối hợp với chuyên môn tổ chức tốt nhiều cuộc tham quan, du lịch nước ngoài: Singapore, Malaysia, Trung Quốc, Thái Lan, Lào. Tham quan các danh lam thắng cảnh, các địa danh lịch sử trong nước. Các chuyến tham quan du lịch không chỉ là nguồn động viên tinh thần mà còn góp phần nâng cao nhận thức cho đoàn viên.

2.3. Chỉ đạo hiệu quả công tác nữ công

Với đặc thù của ngành giáo dục, tỷ lệ nữ trong trường chiếm 72% do đó công tác nữ công đã góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động công đoàn và kết quả giáo dục, đào tạo.

Ban Thường vụ CĐ đã chủ động chỉ đạo Ban nữ công quần chúng và các tổ nữ công tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn.

Ban nữ công đã có nhiều đổi mới trong việc sinh hoạt, chỉ đạo phong trào nữ CNVC-LĐ; tích cực triển khai thực hiện phong trào thi đua “*Giỏi việc trường-đảm việc nhà*”; cuộc vận động “*xây dựng gia đình nhà giáo văn hoá*”, “*dân số - kế hoạch hoá gia đình*”, phòng chống HIV/AIDS, các tệ nạn xã hội; quan tâm đời sống của nữ cán bộ, giáo viên.

Tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Ban Thường vụ tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị 15/GD-ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới, nhằm thực hiện tốt công tác cán bộ nữ, tạo điều kiện cho cán bộ nữ quản lý giáo dục các cấp phát huy năng lực, đảm đương nhiệm vụ trong tình hình mới hiện nay. Trong năm học 2013 - 2014 Đảng uỷ, BGH đã giới thiệu bổ nhiệm vào BGH Trường Đại học Kinh tế Nghệ An 01 giảng viên nữ.

Kết quả bình xét thực hiện phong trào thi đua “*Giỏi việc trường, đảm việc nhà*” hàng năm có trên 90 % chị được công nhận danh hiệu cấp cơ sở. Kết quả tiêu biểu trong 03 năm gần đây: 01 chị được phong tặng Nhà Giáo ưu tú, 01 chị được suy tôn nữ cán bộ CNV tiêu biểu được LĐLĐ

tỉnh tặng bằng khen, 01 chị được suy tôn nữ cán bộ công đoàn tiêu biểu được UBND tỉnh tặng bằng khen.

2.4. Công đoàn đã phối hợp tích cực với chuyên môn triển khai thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ từng năm học

BCH công đoàn đã từng bước đổi mới, chủ động tổ chức có hiệu quả các hoạt động. Tổ chức vận động CNVCLĐ trong Trường thi đua yêu nước, thực hiện nghĩa vụ của giảng viên, CBCNV, cải tiến lề lối làm việc và thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác. Đồng thời thực hiện tốt chức năng đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng và chăm lo đời sống cho giảng viên CBCNV; các chế độ chính sách đối với nhà giáo cơ bản được thực hiện đầy đủ, kịp thời; công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ công đoàn được quan tâm đúng mức; quan hệ phối hợp chỉ đạo giữa chuyên môn và công đoàn chặt chẽ và đồng bộ; Tổ chức Công đoàn được củng cố và phát triển. Đội ngũ giảng viên, CBCNV phấn khởi, tin tưởng, yên tâm công tác, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học.

2.5. Kết quả thi đua trong 5 năm gần đây

- Năm 2010 được Nhà nước tặng huân chương lao động Hạng nhất.

- Từ năm 2007 đến nay Nhà trường luôn được tặng cờ thi đua của UBND tỉnh

- 05 năm liền là công đoàn cơ sở vững mạnh.

3. Cơ hội mới thách thức mới

Đứng trước cơ hội mới, Trường được nâng hạng lên thành trường ĐH Kinh tế Nghệ An theo QĐ 205/QĐ- TTg ngày 27 /01/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Hơn bao giờ hết để giữ vững danh hiệu Công đoàn cơ sở vững mạnh, Ban Chấp hành Công đoàn tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động để cùng với BGH Nhà trường hoàn thành nhiệm vụ chính trị mới được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh giao phó.

Trong Hội nghị giao ban tháng 02/2014 đ/c Bí thư Đảng bộ – Hiệu trưởng đã chỉ đạo: “ Để hoàn thành được sứ mạng mới, từng bước đưa trường ĐH Kinh tế Nghệ An xứng tầm với các trường đại học trong khu vực, các tổ chức đoàn thể cần chú trọng công tác củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức, phát huy vai trò nòng cốt trong việc tuyên truyền, vận động, giáo dục, tập hợp đoàn viên, thống nhất trong ý chí và hành động. Phát huy được tinh thần đoàn kết ,sáng tạo. Triển khai thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua, tiêu biểu là phong trào Dạy tốt – Phục vụ tốt, nâng cao

chất lượng đội ngũ...Nội dung và phương thức hoạt động của các đoàn thể cần có nhiều đổi mới theo hướng đa dạng các hình thức vận động, để cùng lãnh đạo nhà trường hoàn thành nhiệm vụ chính trị mới”.

Trên tinh thần đó và xuất phát từ hướng chỉ đạo mang tính chiến lược mà Đảng ủy đã đề ra. Công đoàn cơ sở tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung phương thức hoạt động để đáp ứng tình hình, nhiệm vụ mới.

Trước hết phải đổi mới khâu tổ chức vì tổ công đoàn bộ phận là nơi thể hiện quyền làm chủ của người lao động, là nguồn sức mạnh của Nhà trường, trước đây, sự tồn tại và hoạt động của tổ công đoàn bộ phận phần lớn là để thực hiện chỉ thị của BCH công đoàn, nay cần xác định rõ sự hiện diện của Công đoàn cấp trên trước hết là để dẫn dắt, hướng dẫn, giúp đỡ công đoàn bộ phận hoạt động và tạo điều kiện cho công đoàn bộ phận được quyền chủ động trong hoạt động của mình. Vì vậy Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở cần quy định rạch ròi nhiệm vụ hoạt động của các tổ công đoàn bộ phận cho phù hợp với chuyên môn của mỗi khoa, phòng.

Thứ hai, đổi mới công tác cán bộ Công đoàn. Bởi vì cán bộ là gốc của mọi công việc, là người đại diện cho người lao động, đại diện cho lợi ích, nguyện vọng của đoàn viên,

người lao động. Do đó cán bộ Công đoàn phải có phong cách dân chủ trong hoạt động vì họ không chỉ là cán bộ lãnh đạo phong trào mà còn là sản phẩm của phong trào quần chúng, người thừa hành ý nguyện của của đoàn viên và người lao động. Phong cách dân chủ của người cán bộ Công đoàn được thể hiện biết tôn trọng, lắng nghe ý kiến của mọi người, hòa mình trong phong trào quần chúng, mạnh dạn đấu tranh bảo vệ cái đúng, bảo vệ quyền lợi chính đáng của đoàn viên và người lao động. Cán bộ Công đoàn phải có phong cách làm việc sâu sát, nắm bắt được hoàn cảnh, tâm tư, nguyện vọng của đoàn viên Công đoàn và có biện pháp kịp thời, giúp đỡ họ vượt qua khó khăn trong chuyên môn, công tác, trong cuộc sống.

Là Công đoàn cơ sở trường học, ngoài chức năng tham gia quản lý cơ quan, Công đoàn nói chung, cán bộ Công đoàn nói riêng còn thực thi một công việc quan trọng cùng với Đảng ủy, Ban Giám hiệu phát động phong trào dạy tốt, học tốt trong toàn thể cán bộ, giảng viên và HSSV. Để làm tốt chức năng này người cán bộ Công đoàn phải có trình độ chuyên môn vững vàng, và luôn có ý thức học hỏi để nâng cao trình độ.

Ngoài ra, cán bộ Công đoàn phải thực sự gương mẫu, được đoàn

viên mến mộ, nhanh nhạy với công việc, tham mưu với Đảng ủy, Ban Giám hiệu làm cho phong trào sống động, nói và làm gắn liền với nhau, trong công việc, trong cuộc sống thật khéo léo, tế nhị.

Thứ ba, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Công đoàn cơ sở. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Công đoàn là nhiệm vụ vừa cơ bản, vừa cấp bách của các tổ chức công đoàn, do đó đòi hỏi Ban Chấp hành và mỗi đoàn viên phải luôn chủ động, tích cực, sáng tạo. Phát huy mối quan hệ giữa Công đoàn với Đảng ủy, Ban Giám hiệu, với các tổ chức đoàn thể khác như Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng ủy với Công đoàn. Công đoàn phải tích cực, chủ động phản ánh tới Đảng ủy những yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của quần chúng; Công đoàn tích cực tham gia với Nhà trường trong việc quản lý cơ quan theo hướng tư vấn, phản biện và vận động đoàn viên thực hiện các chế độ chính sách mà Nhà nước, cơ quan ban hành.

Đổi mới lề lối làm việc của Ban Chấp hành Công đoàn, chú trọng việc tổng kết các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt để từ đó nhân ra diện rộng trong toàn thể đoàn viên. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện các quyết

định, kế hoạch đã ban hành. Việc sinh hoạt BCH phải được duy trì thường xuyên theo quy định của Điều lệ, nội dung sinh hoạt phải được chuẩn bị chu đáo, có hiệu quả. Coi trọng việc xây dựng khối đoàn kết trong tập thể BCH và trong toàn thể đoàn viên Công đoàn nhà trường.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN, MỘT ĐỊA CHỈ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO

ThS. Tăng Văn Tân

TP. Đào tạo

Trong những ngày đầu của năm 2014, một niềm vui lớn đã đến với không chỉ riêng ngành giáo dục tỉnh Nghệ An mà còn đối với nhân dân tỉnh nhà và khu vực Bắc Trung bộ, đó là Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Trường đại học Kinh tế Nghệ An trên cơ sở nâng cấp trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An. Đây là trường Đại học công lập nằm trong hệ thống giáo dục Đại học Việt Nam, có trụ sở chính tại Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tiền thân là trường Cao đẳng với 54 năm xây dựng và phát triển, qua nhiều lần sáp nhập nhiều trường thành viên, Trường không ngừng phát triển cả về cơ cấu ngành nghề, quy mô và chất lượng đào tạo, trở thành địa chỉ tin cậy về đào tạo cán bộ quản lý kinh tế, tài chính, ngân hàng, kỹ

Tóm lại, đổi mới là đề phát triển, để đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ mới, Công đoàn cơ sở Trường Đại học KT – KT Nghệ An tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động để vững bước và phát huy truyền thống vốn có của mình cùng với Nhà trường mãi mãi xứng danh Trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

thuật nông lâm nghiệp, thủy lợi, địa chính cho Nghệ An và các tỉnh Bắc Miền trung. Trường đã đào tạo 7 mã ngành bậc cao đẳng , 10 mã ngành trung cấp, hoàn thành tốt việc đào tạo nguồn nhân lực các lĩnh vực kinh tế, nông lâm nghiệp. Trong 10 năm gần đây đã đào tạo 5.021 sinh viên cao đẳng, 7.803 học sinh trung cấp, bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính, kế toán, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thủy lợi cho hơn 6.000 người, ngoài ra còn liên kết đào tạo trình độ đại học 985 người. Trong bước ngoặt chuyển mình vươn lên, trường đang đứng trước những cơ hội sau:

Thứ nhất, trường được thành lập trong bối cảnh toàn ngành giáo dục bắt đầu thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về **Đổi mới căn bản**,

toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Theo đó, giáo dục đại học phải tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học, phát triển giáo dục đại học từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả, đồng thời đáp ứng yêu cầu số lượng.

Thứ hai, được đóng trên địa bàn trung tâm của khu vực vùng Bắc Trung bộ có dân số đông (gần 11 triệu người, trong đó tỉnh Nghệ An 3 triệu người, bằng 27,3% dân số toàn vùng), nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực lớn (theo thống kê hàng năm số lượng thí sinh trúng tuyển đại học, cao đẳng của khu vực là trên 100.000 thí sinh, riêng Nghệ An trên 25.000 thí sinh. Trong khi đó chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo của các trường trong khu vực là 36.000, riêng Nghệ An là 12.000. Như vậy còn một lượng rất lớn sinh viên Nghệ An và khu vực không được đào tạo tại chỗ mà phải học ở những trường khu vực khác xa hơn).

Thứ ba, về các ngành nhà trường dự kiến đào tạo, trước đây cũng đã có một số trường đại học trên địa bàn thành phố Vinh và khu vực đào tạo, tuy nhiên các trường

đại học này chủ yếu lấy nòng cốt từ cao đẳng sư phạm để nâng cấp như Đại học Hà Tĩnh, Đại học Quảng Bình, Đại học Hồng Đức còn Đại học Vinh được coi là cái nôi có uy tín về truyền thống đào tạo lĩnh vực sư phạm. Do tính chất không chuyên, đào tạo kiểu "tay ngang" nên chất lượng còn nhiều hạn chế. Đối với trường Đại học Kinh tế Nghệ An, là trường vốn có truyền thống với 54 năm đào tạo các chuyên ngành kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh, kỹ thuật nông lâm nghiệp nên có cơ hội lớn để đầu tư theo hướng chuyên sâu trong đào tạo các ngành đó.

Thứ tư, nguồn lực cho phát triển tỉnh Nghệ An đang cần được bổ sung rất nhiều, chủ yếu thông qua công tác đào tạo. Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020 đã chỉ rõ chất lượng đào tạo đại học ngày càng phải được nâng cao và mở rộng quy mô, nguồn nhân lực cho phát triển phải được bổ sung kịp thời.

Bên cạnh những cơ hội, trường cũng gặp một số thách thức sau:

Thứ nhất, theo xu hướng hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo dần dần trao quyền tự chủ trong đào tạo và tuyển sinh cho các trường, khi đó sự

cạnh tranh trong tuyển sinh và đào tạo giữa các trường diễn ra khốc liệt, gay gắt giữa các trường.

Thứ hai, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An là trường trẻ nhất trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam, bắt đầu tiếp cận với đào tạo bậc đại học nên kinh nghiệm tích lũy chưa được nhiều.

Thứ ba, cơ sở vật chất hiện tại mới chỉ phù hợp với đào tạo bậc trung cấp và cao đẳng, chưa đáp ứng được đào tạo ở những bậc học cao hơn.

Thứ tư, theo khảo sát cho thấy tâm lý của các em mới tốt nghiệp THPT thích đi học ở Hà Nội hoặc các thành phố lớn cho "oai", đồng thời "thoát được vòng kiểm soát của gia đình", do đó cần phải định hướng cho các em chọn học trường gần mà có chất lượng tốt.

Từ những cơ hội và thách thức trên, để nâng cao chất lượng đào tạo bậc đại học nhà trường cần thực hiện các biện pháp sau đây:

- Tăng cường đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý: Đây là việc làm thường xuyên nhưng đặc biệt cần thiết để tạo nên bước nhảy vọt trong giai đoạn chuyển mình này. Nhà trường ý thức được vấn đề: *đội ngũ giảng viên có trình độ sau đại học là nhân tố quyết định đến chất lượng của một trường đại học*, vì vậy hàng năm nhà trường đã cử hàng

chục giảng viên đi học cao học và nghiên cứu sinh. Ở thời điểm hiện nay, số giảng viên cơ hữu của trường đang học thạc sĩ là 20 người, làm nghiên cứu sinh 11 người. Với tốc độ đầu tư như hiện nay và tiếp tục cử đi học sau đại học trong những năm tới, ước tính đến năm 2018 sẽ có hơn 70% số giảng viên hiện có của trường có trình độ từ thạc sĩ trở lên. Bên cạnh đó, nhà trường cần có phương án tăng cường quan hệ với các cơ sở đào tạo có uy tín khác để liên kết hợp tác toàn diện về đào tạo và nghiên cứu khoa học, mời giảng viên thỉnh giảng có trình độ cao.

- Cần phải hội tụ đủ các điều kiện để mở nhiều mã ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội. Chú trọng những ngành truyền thống là thế mạnh của trường, nhưng cần phát triển ngành xã hội đang cần. Hướng tới trường đại học đào tạo đa ngành và chuyên sâu trong 2 lĩnh vực kinh tế và kỹ thuật nông lâm nghiệp.

- Hoàn thiện, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, giáo trình học tập: Do mới thành lập nên trường phải chủ động tham khảo chương trình đào tạo của nhiều trường danh tiếng trong nước, mời các trường khác tham gia liên kết đào tạo và phát triển chương trình đào tạo, tài liệu giảng dạy, nội dung của các môn học. Hệ

thống giáo trình biên soạn phải đảm bảo tính khoa học, tính chính xác, tính phù hợp, tính kế thừa đồng thời cập nhật những thông tin mới về chính sách, chế độ kế toán, kinh tế, tài chính, về tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Trước mắt cần xây dựng một kế hoạch chiến lược đầu tư cho việc biên soạn chương trình, giáo trình các môn học.

- Đa dạng hóa hình thức đào tạo: Song song với đào tạo chính quy, nhà trường cần mở rộng đào tạo liên thông, vừa làm vừa học. Đặc biệt cần chú trọng đào tạo tại chỗ cho những địa bàn miền núi khó khăn trong việc đi lại có cơ hội học tập theo hình thức đào tạo không chính quy.

- Đầu tư cơ sở vật chất tương xứng với đào tạo đại học, vừa mở rộng quy mô trường vừa mua sắm trang thiết bị thực hành thí nghiệm, thư viện và giáo trình.

- Nhanh chóng mời các chuyên gia tập huấn cho cán bộ giảng viên của trường về nghiệp vụ thiết kế chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy bậc đại học theo học chế tín chỉ.

- Tuyên truyền quảng bá: Trong những năm đầu cần phải chú trọng đến việc quảng bá về chất lượng, các lĩnh vực đào tạo của trường đến các doanh nghiệp, đến người học trên địa bàn và trong khu vực.

Khi đã thực hiện được đồng bộ các giải pháp trên, chắc chắn chất lượng đào tạo đại học của trường sẽ có bước nhảy vọt. Như vậy Thầy và Trò không phải mang tiếng là "bình cũ rượu mới", xứng đáng là địa chỉ đào tạo chất lượng cao đầy tin cậy của người học tỉnh nhà, trong khu vực và toàn quốc.

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN TRONG THỜI GIAN QUA, ĐỊNH HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TỚI

*TS. Võ Thị Hải Lê
TP. Khoa học và HTQT*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, bất cứ một trường cao đẳng, đại học nào cũng đều có hai nhiệm vụ chính và quan trọng nhất là giảng dạy và nghiên cứu khoa học (NCKH). Đây là hai hoạt động có mối quan hệ hữu cơ, hai nhiệm vụ cơ bản chiến lược của nhà trường, trong đó việc giảng viên nhà trường tích cực tham gia các hoạt động NCKH là một trong những biện pháp để hướng đến nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng khắt khe của xã hội.

Trong bối cảnh mở rộng hội nhập của nước ta hiện nay, để khoa học, công nghệ đáp ứng được nhu cầu phát triển của xã hội, các nhà nghiên cứu, những người làm công tác khoa học, nhất là giảng viên tại các trường

cao đẳng, đại học phải là lực lượng nòng cốt trong việc nghiên cứu và ứng dụng các kết quả nghiên cứu đó vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Giảng viên đồng thời phải thực hiện hai nhiệm vụ: giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Hai nhiệm vụ này có quan hệ chặt chẽ và tương hỗ lẫn nhau; nếu chỉ thực hiện được một trong hai nhiệm vụ ấy thì có nghĩa, giảng viên chưa hoàn thành nhiệm vụ của mình. Như vậy, nghiên cứu khoa học là một nhiệm vụ quan trọng không thể thiếu của mỗi giảng viên.

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An, nay là trường Đại học Kinh tế Nghệ An trong thời gian qua, hoạt động NCKH đã đạt được một số thành tựu đáng ghi nhận về công tác giáo trình, hoạt động xuất bản tập san

nội bộ của trường, cũng như các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm sau khi được nghiệm thu có thể ứng dụng trong thực tế.

Tuy nhiên, hoạt động nghiên cứu khoa học còn một số hạn chế. Dường như giảng viên đặt nặng hơn đối với việc giảng dạy và coi nhẹ hoạt động nghiên cứu. Số lượng giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học còn rất ít. Vì vậy, nhà trường cần có những định hướng đúng đắn trong thời gian tới để nâng cao hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, đặc biệt khi trường đang chuyển mình vươn lên một tầm cao mới – trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

2.1. Công tác giáo trình

Từ năm 2010 đến nay, đã có gần 70 giáo trình bao gồm viết mới và chỉnh sửa đã được thẩm định và nghiệm thu, kịp thời chỉnh sửa và in ấn để phục vụ hoạt động tham khảo, giảng dạy và học tập của giảng viên, sinh viên trong nhà trường. Hiện nay, các khoa đang tích cực chỉnh sửa, đổi mới các giáo trình để đáp ứng nhu cầu dạy và học khi trường lên đại học, phù hợp với tình hình mới.

2.2. Xuất bản tập san “Thông tin khoa học Kinh tế - Kỹ thuật”

Song song với công tác giáo trình, viết các đề tài nghiên cứu khoa

học, sáng kiến kinh nghiệm, nhà trường còn xuất bản theo kỳ tập san “Thông tin khoa học Kinh tế - Kỹ thuật”. Tập san là nơi các cán bộ, giảng viên trong nhà trường trao đổi những thông tin khoa học, kinh nghiệm trong quá trình giảng dạy của mình. Trong thời gian qua, nhà trường đã xuất bản được 6 số tập san “Thông tin khoa học Kinh tế - Kỹ thuật”. Chất lượng các bài viết ngày càng được nâng cao. Ngoài ra, có một số giáo viên của trường còn có bài đăng ở các tạp chí chuyên ngành, tạp chí khoa học cấp quốc gia. Các bài viết đều mang tính khoa học, liên quan đến các hoạt động chuyên môn, hoạt động dạy và học trong nhà trường hoặc mang tính trao đổi kinh nghiệm. Hiện nay, nhà trường đang có kế hoạch xuất bản tập san số 7 để chào mừng sự kiện trường lên đại học – Đại học Kinh tế Nghệ An.

2.3. Đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm

Từ năm 2010 đến nay, đã có 8 đề tài NCKH và 1 sáng kiến kinh nghiệm đã được nghiệm thu, trong đó hầu hết đều đạt loại khá. Nhìn chung, các đề tài NCKH và SKKN đều có tính khả thi cao, có thể ứng dụng được vào thực tiễn. Các đề tài đều gắn liền với các hoạt động dạy và học của nhà trường. Đặc biệt, trong năm học 2011 – 2012, có 1 đề tài nghiên

cứu khoa học cấp tỉnh đạt loại xuất sắc của cô Nguyễn Thị Lan – trưởng BM Lý luận Chính trị. Ngoài ra nhà trường còn có các giảng viên tham gia phản biện các đề tài cấp Bộ, cấp tỉnh.

III. HỢP TÁC QUỐC TẾ

3.1. Với các đơn vị trong nước

Trong thời gian qua, nhà trường luôn là thành viên tích cực trong khối ATEC (Hiệp hội các trường CĐ & TCCN), cùng tham gia vào quá trình nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo.

3.2. Với các tổ chức nước ngoài

Trong năm học 2011 – 2012, trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An đã hợp tác với Tổ chức hỗ trợ Đại học thế giới Canada (WUSC) và Trường Cao đẳng Nông – Lâm Bôlikhămxay (nước bạn Lào) thăm và làm việc tại trường.

Được sự nhất trí của Đảng ủy, Ban giám hiệu, phòng Khoa học đã thực hiện công tác hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo. Phối hợp với ATEC và WUSC trong việc tìm kiếm tình nguyện viên phục vụ cho việc nâng cao kỹ năng mềm và giao tiếp tiếng Anh cho giảng viên, HSSV.

Trường đã tiếp nhận một tình nguyện viên người Canada về làm việc trong thời gian từ 20/5/2012 đến 30/7/2012.

IV. ĐỊNH HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1. Công tác nghiên cứu khoa học

- Tiếp tục triển khai thẩm định các đề cương NCKH cho giảng viên. Nội dung nghiên cứu phải ứng dụng được vào trong thực tiễn dạy và học của nhà trường. Cần xem NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính của người giảng viên và có những cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích giảng viên tham gia NCKH.

- Phát động phong trào sinh viên với công tác NCKH. Tham gia NCKH giúp SV củng cố đào sâu và mở rộng tri thức, kỹ năng, kỹ xảo đã tích lũy được, phát động tối ưu tư duy sáng tạo, mở rộng tầm hiểu biết, khả năng giao tiếp và niềm tin khoa học. Bên cạnh đó, tham gia NCKH là cơ hội để sinh viên thể hiện năng lực, rèn luyện các kỹ năng mềm như kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình... Điều này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

- Định kỳ xuất bản tập san. Nội dung tập san vẫn là những vấn đề có tính khoa học, trao đổi kinh nghiệm, liên quan đến hoạt động dạy và học của nhà trường. Các bài viết cần được nâng cao về chất lượng, đảm bảo tính khoa học.

4.2. Công tác giáo trình, bài giảng

- Tiếp tục chỉnh lý, sửa đổi và viết mới giáo trình dành cho hệ cao đẳng và đại học đối với một số môn học mà giảng viên có thể đảm nhiệm.

4.3. Công tác hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác với tổ chức WUSC trong việc tìm kiếm tình nguyện viên để hỗ trợ sinh viên nâng

cao các kỹ năng mềm, nâng cao kỹ năng giao tiếp tiếng anh.

- Đề xuất dự án hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên./.

TỔ TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP VIỆC LÀM VÀ QUAN HỆ DOANH NGHIỆP CÙNG VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN

Th.S Nguyễn Thị Thu Hiền

Phó trưởng phòng CT Học sinh – Sinh viên

Dựa trên đề án nâng cấp trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật năm 2005 và quyết định số 68/2008/QĐ – BGDDT của Bộ GD&ĐT, ngày 09/12/2008 về việc ban hành quy định về công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm trong các cơ sở giáo dục Đại học và Trung cấp chuyên nghiệp.

Để theo kịp sự phát triển của Nhà trường, đáp ứng yêu cầu mở rộng các mối quan hệ trong công tác phối hợp, liên kết đào tạo, tư vấn việc làm cho học sinh, sinh viên Hiệu trưởng Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật đã ký quyết định số: 55/QĐ-HT ngày 01/04/2011 thành lập Tổ tư vấn hướng nghiệp việc làm và quan hệ doanh nghiệp trực thuộc phòng Công tác Học sinh, sinh viên.

Về cơ cấu tổ chức Tổ tư vấn hướng nghiệp việc làm và quan hệ doanh nghiệp gồm 3 người: 1 phó phòng Công tác học sinh, sinh viên kiêm tổ trưởng và 2 chuyên viên đều có trình độ chuyên môn là thạc sỹ.

Tổ tư vấn hướng nghiệp việc làm và quan hệ doanh nghiệp có chức năng - nhiệm vụ:

- Giúp các em Học Sinh – Sinh viên định hướng nghề nghiệp, lựa chọn được ngành học, trình độ đào tạo phù hợp. Sáng tạo trong học tập, am hiểu về ngành, nghề đang học để phát huy được năng lực nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

- Giúp các em Học Sinh – Sinh viên có thông tin về thị trường lao động và sớm tìm được việc làm phù hợp.

- Tăng cường phối hợp giữa cơ sở giáo dục với đơn vị sử dụng lao động để việc đào tạo của nhà trường tiếp cận với thực tiễn và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- Tổ chức các câu lạc bộ hướng nghiệp hoạt động ngoại khóa, giao lưu với các đơn vị sử dụng lao động.

- Tư vấn địa điểm thực tập cho sinh viên cuối khóa.

- Kiểm soát thống kê việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Khảo sát đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực đối với ngành, nghề mà nhà trường đào tạo và thông tin phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động về chất lượng, khả năng đáp ứng yêu cầu công việc HS - SV sau tốt nghiệp.

- Phối hợp với tổ chức, các cá nhân đơn vị sử dụng lao động trong và ngoài nước (Xuất khẩu lao động).

Ngay sau khi thành lập tổ tư vấn hướng nghiệp việc làm và quan hệ doanh nghiệp đã xác định trách nhiệm cần phải nhanh chóng tiếp cận với công việc dù là rất mới mẻ và có không ít những khó khăn. Trên thực tế tổ tư vấn mới thành lập nên công việc hầu hết không có tính kế thừa gần như mới hoàn toàn nên các thành viên trong tổ phải tự tìm hiểu chưa ai có kinh nghiệm về lĩnh vực này mà tất cả đều xuất phát từ số không. Do vậy các thành viên trong Tổ phải tự lập kế

hoạch để hoạt động và tìm tòi thiết lập các mối quan hệ với các doanh nghiệp. Hơn 4 tháng đi vào hoạt động nhưng vị trí phòng làm việc vẫn chưa ổn định. Kể cả khi tổ đã được bố trí một phòng làm việc riêng để thuận tiện trong việc giao dịch với các đối tác thì trang bị cơ sở vật chất chưa đáp ứng kịp thời phù hợp với việc quan hệ với các Doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn ban đầu như trên thì tổ tư vấn hướng nghiệp việc làm và quan hệ doanh nghiệp cũng có nhiều thuận lợi rất cơ bản. Tổ được Đảng ủy, Ban giám hiệu nhà Trường quan tâm, đặc biệt là đồng chí Hiệu trưởng Dương Xuân Thao đã trực tiếp chỉ đạo, định hướng sát sao các hoạt động của tổ về cơ sở vật chất cũng như tinh thần, tạo thêm động lực và niềm tin cho các thành viên trong tổ hoạt động ngày các tốt hơn.

Sau 3 năm đi vào hoạt động tổ tư vấn hướng nghiệp việc làm và quan hệ doanh nghiệp Với chức năng nhiệm vụ được giao tổ tư vấn đã tiến hành hoạt động trên các lĩnh vực và đạt được những kết quả đáng kể như:

1. Liên hệ thực tập

- Từ khi thành lập đến nay tổ đã liên hệ thực tập cho hàng trăm sinh viên các khóa Cao đẳng K4, K5, K6 và trung cấp K33, K34, K35 thông

qua hội doanh nhân trẻ Nghệ An, Hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Nghệ An. Tổ đang xây dựng kế hoạch liên hệ địa điểm thực tập cho sinh viên cao đẳng K7 và trung cấp K36 trong thời gian sắp tới.

- Phối hợp tổ chức đào tạo nhiều lớp kỹ năng mềm và giao lưu với các diễn giả nổi tiếng cho hàng nghìn học sinh - sinh viên như diễn giả Tiến sỹ Nguyễn Văn Bình Viện đào tạo Doanh nhân Việt, diễn giả Thạc sỹ Lê Thanh Lưu Tâm Việt Group, Tiến sỹ Phan Quốc Việt Công ty Cổ phần tri thức Việt, Diễn giả Nguyễn Như Cương Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Công nghệ quốc tế(IDT), Tiến sỹ Nguyễn Cảnh Bình Công ty cổ phần Alpha, Doanh nhân trẻ Tuệ Nghi nhà lãnh đạo xuất sắc trẻ nhất châu á Thái Bình Dương năm 2013.

2. Hoạt động trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp

Hàng trăm học sinh, sinh viên sau thời gian tốt nghiệp ra trường chờ xin việc đã được nhà trường giới thiệu đi trải nghiệm tại Tập đoàn Hồng Hải với mức lương trên 3 triệu đồng/tháng. Ngoài thu nhập các em học sinh, sinh viên còn có cơ hội làm việc và học tập một cách có khoa học ở môi trường làm việc công nghiệp. Trong quá trình trải nghiệm đã để lại cho học sinh, sinh viên những bài học

quý giá về cách sử dụng hiệu quả thời gian, về ý thức tổ chức theo tác phong công nghiệp và đặc biệt là các em được trao đổi và trau dồi kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và kỹ năng quản lý nhân sự .

3. Hoạt động tu nghiệp và du học ở nước ngoài

Để tạo cơ hội cho học sinh viên nhà trường được học tập những công nghệ tiên tiến về nông nghiệp hiện đại trên thế giới Trong những năm gần đây, nhà trường đã giới thiệu cho rất nhiều học sinh, sinh viên ngành kỹ thuật tham gia học tập và thực hành nông nghiệp tại Israel. Tham gia chương tu nghiệp này các em có cơ hội học tập những công nghệ mới tiên tiến, nâng cao tay nghề, kỹ năng nghề nghiệp trên lĩnh vực đã được nhà trường đào tạo, có cơ hội thu nhập cao trong thời gian thực hành tại các nông trại, trung tâm tư vấn đào tạo nghề tại Israel, không những thế mà sau khi về nước các em còn có cơ hội tìm việc làm , tăng khả năng tư duy, tầm nhìn, định hướng nghề nghiệp, có khát vọng cải tạo thiên nhiên làm giàu trên mảnh đất quê hương. Năm 2012 số lượng tu nghiệp học tập và thực hành nông nghiệp tại ISRALE số lượng 24, năm 2013 số lượng 20, dự kiến năm 2014 số lượng 50. Qua số liệu của các sinh viên khi ở nước bạn về thì ngoài

những kiến thức đã học tập các em còn có một khoản thu nhập từ 120 đến 150 triệu đồng/ 10 tháng học tập và thực hành tại ISRALE . Bên cạnh hoạt thực hành nông nghiệp nhà trường còn giới thiệu cho 7 sinh viên tham gia du học Nhật bản kỳ tháng 10/2013 qua trao đổi điện thoại và Facebook các em thông tin về nhà trường sau một tháng nhập học các em đã được nhà trường ở Nhật bản giới thiệu việc làm thêm có thêm thu nhập trang trải cuộc sống và tiết kiệm ít nhiều gửi về cho gia đình.

Phương hướng hoạt động sắp tới

Những kết quả mà tổ tư vấn đã đạt được trong thời gian qua rất đáng được nhà trường ghi nhận. Nhưng các thành viên trong tổ tiếp tục cố gắng hơn nữa để phấn đấu đưa tổ thành một trung tâm tư vấn và hỗ trợ sinh viên trong nhà trường, là một địa chỉ tin cậy của học sinh, sinh viên và phụ huynh. Do vậy, để đáp ứng nhu cầu của người học và theo kịp sự phát triển của Nhà trường, đáp ứng yêu cầu mở rộng các mối quan hệ trong công tác phối hợp với các doanh nghiệp, nhằm tư vấn hỗ trợ sinh viên tổ tư vấn lập kế hoạch và phương hướng hoạt động cho năm học 2014 – 2015 với những nội dung.

- Tiếp tục mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tạo cơ hội cho học sinh viên có cơ hội

tìm việc làm , tu nghiệp sinh hoặc đến trải nghiệm tại các doanh nghiệp.

- Xây dựng dữ liệu về mạng lưới Cơ quan/Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các tỉnh lân cận;

- Triển khai về ký kết các bản thỏa thuận với Cơ quan/Doanh nghiệp về “Phối hợp đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực”;

- Tiếp nhận những hỗ trợ khác từ Cơ quan/Doanh nghiệp nhằm giúp sinh viên tăng cường kỹ năng cần thiết, hỗ trợ sinh viên trong thời gian theo học tại Trường;

- Cung ứng học sinh, sinh viên tốt nghiệp từ Nhà trường cho Cơ quan/Doanh nghiệp có nhu cầu;

- Phối hợp với các phòng, Khoa, trung tâm và Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên trong Trường để đẩy mạnh hoạt động. Phối hợp và liên kết với các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Nghệ An, Khu vực Bắc Miền trung và cả nước để đào tạo, tuyển dụng, giới thiệu thực tập, và việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Phối hợp với Cơ quan/Doanh nghiệp về việc huấn luyện kỹ năng, nghiệp vụ; Hợp tác giữa Cơ quan/Doanh nghiệp và học sinh, sinh viên nhằm thực hiện các giải pháp cải tiến khoa học kỹ thuật từ các yêu cầu của đơn vị;

- Định kỳ mời Cơ quan/Doanh nghiệp tham dự các hội thảo, các buổi tư vấn tuyển sinh, tư vấn kỹ năng mềm cho sinh viên Nhà trường...

- Thực hiện tốt vai trò là cầu nối giữa Nhà trường và Doanh nghiệp. Kết quả trong thời gian qua

chính là nền tảng vững chắc để tổ tư vấn tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu mới mà lãnh đạo Nhà trường tin tưởng giao phó, đóng góp vào sự vững mạnh của trường Đại học Kinh tế Nghệ An trong giai đoạn hội nhập toàn cầu.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ *ANCYLOSTOMA CANINUM* CỦA CHÓ Ở TRONG NƯỚC VÀ TRÊN THẾ GIỚI

TS. Võ Thị Hải Lê

TP. Khoa học và HTQT

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở Việt Nam, nghiên cứu về ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng ở chó nói chung, giun tròn và bệnh giun tròn ở đường tiêu hóa của chó nói riêng đã được một số tác giả như Trịnh Văn Thịnh (1963), Đỗ Hải (1970,1972), Phạm Sỹ Lăng (1989 – 1991), Phạm Văn Khuê (1993) và gần đây là Lê Hữu Khương và cs (1999), Ngô Huyền Thúy (1996)... Đặc biệt là các nghiên cứu về giun móc *Ancylostoma caninum*, đặc điểm bệnh lý học do chúng gây ra ở chó, sự nhiễm mầm bệnh ở người đã có một số tác giả đề cập đến tại một số tỉnh thành như Hà Nội, Hải Phòng, Huế và thành phố Hồ Chí Minh.

Các nghiên cứu chỉ tập trung vào điều tra khảo sát tỷ lệ nhiễm, một số biện pháp phòng trừ bệnh. Có thể nói nghiên cứu về ký sinh trùng, ký

sinh trùng đường tiêu hóa của chó ở nước ta mới chỉ là bước đầu. Các nghiên cứu sinh học, bệnh học, biện pháp phòng trừ các bệnh ký sinh trùng ở chó còn chưa thật toàn diện và chưa rộng ở các vùng miền. Cho tới nay, ở nước ta có rất ít công trình nghiên cứu về ký sinh trùng ở chó thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Hải Phòng. Đặc biệt ở các tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh chưa hề có tác giả nào đề cập. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả tổng quan các nghiên cứu về: tình trạng nhiễm *Ancylostoma caninum* của các tác giả trong và ngoài nước.

II. NHỮNG KÝ SINH TRÙNG ĐƯỜNG TIÊU HOÁ KÝ SINH Ở CHÓ ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HIỆN

2.1. Những giun tròn đường tiêu hoá của chó đã được phát hiện trên thế giới.

Những công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài như Linstow, 1902, Railliet, 1984, A. M Petrop, 1941, Spren, 1957, Skrjabin, 1963, Lapage, 1968 đã phát hiện các loài giun tròn ký sinh ở chó nhà và chó rừng là *Dirofilaria immitis* (Laydy, 1856), *Dirofilaria repens* (Railliet et Henry, 1911), *Dipetalonema dracunculoides* (Cobbold, 1870), *Toxocara canis*, (Werner, 1782), *Toxocara canis*, (Werner, 1782), *Physaloptera praeputialis* (Linstow, 1899), *Ancylostoma caninum*, (Ercolani, 1859), *Ancylostoma braziliense* (Faria, 1910) *Uncinaria stenocephala*, *Strongyloides canis* (Brumpt, 1922) *Strongyloides stercoralis* (Baray, 1876), *Spirocerca lupi* (Rudolphi, 1809), *Trichocephalus vulpis* (Froelich, 1789), *Diocetophyme renale*.

2.2. Những giun tròn đường tiêu hoá của chó đã được phát hiện ở Việt Nam.

Ở Việt Nam những công trình nghiên cứu của Houdemer, 1938, Trịnh Văn Thịnh, 1963, Phan Thế Việt và cs, 1977, Phạm Sĩ Lăng, 1989, Phạm Văn Khuê, 1993 đã phát hiện các loài giun tròn ký sinh ở chó là *Dirofilaria immitis* (Laydy, 1856) ký sinh ở tim và động mạch phổi, *Dirofilaria repens* (Railliet et Henry, 1911) ký sinh ở tổ chức liên kết dưới

da, *Dipetalonema dracunculoides* (Cobbold, 1870) ký sinh trong phúc mạc, *Toxocara canis*, (Werner, 1782) ký sinh ở ruột non, *Toxascaris leonina*, (Linstow, 1902) ký sinh ở ruột non, *Physaloptera praeputialis* (Linstow, 1899) ký sinh ở da dày, *Ancylostoma caninum*, (Ercolani, 1859), *Ancylostoma braziliense* (Faria, 1910) ký sinh ở ruột non chó, *Strongyloides canis* (Brumpt, 1922) *Strongyloides stercoralis* (Baray, 1876) ký sinh ở ruột, *Spirocerca lupi* (Rudolphi, 1809) ký sinh ở thực quản, *Trichocephalus vulpis* (Froelich, 1789) ký sinh ở manh tràng.

2.2.1. Vị trí của giun móc trong hệ thống phân loại động vật như sau:

Lớp giun tròn Nematoda

Phân lớp Secernentea Linstow, 1905

Bộ Rhabditida Chitwood, 1933

Phân bộ Strongylata Railliet et Henry

Họ Ancylostomatidae Looss, 1905

Giống *Ancylostoma* Dubini, 1893

Loài *Ancylostoma caninum* Ercolani, 1859

Loài *Ancylostoma braziliense* Faria, 1910

Giống *Uncinaria* Froelich, 1789

Loài *Uncinaria stenocephala*

2.2.2. Hình thái

Có nhiều loài giun móc ký sinh ở loài ăn thịt thuộc họ *Ancylostomatidae* ký sinh ở ruột non của chó, mèo và người. Ở nước ta,

cho tới nay đã phát hiện được các loài: *A. caninum*, *Ancylostoma braziliense*, *Uncinaria stenocephala* trên các động vật ăn thịt.

Ancylostoma caninum

A. caninum có màu vàng nhạt hoặc hồng nhạt, đoạn trước cong về phía lưng. Túi miệng rất sâu, ở rìa mép phía mặt bụng có 3 đôi răng lớn, cong hình lưỡi câu, dưới đáy túi miệng có một đôi răng hình tam giác. Giun đực dài 9 – 12mm, túi đuôi phát triển. Gai giao hợp dài 0,75 – 0,87 mm, đoạn cuối rất nhọn, bánh lái gai giao hợp tròn dài. Giun cái dài 10 – 21mm, lỗ sinh dục ở vào 1/3 nửa sau cơ thể. Đuôi có gai nhọn. Trứng giun dài 0,06 – 0,066mm, rộng 0,037 – 0,042mm[3], [9].

Ancylostoma braziliense

A. braziliense nhỏ hơn *A. caninum*, giun đực dài 6 – 7mm, 2 rìa mép bụng đều có 2 đôi răng, 1 to và 1 nhỏ. Trứng có kích thước: 0,075 – 0,095mm x 0,041 – 0,045mm.

Uncinaria stenocephala

U. stenocephala có màu vàng nhạt, hai đầu hơi nhọn. Túi miệng rất lớn, về mặt bụng của túi miệng có 2 đôi răng hình bán nguyệt xếp đối xứng nhau. Giun đực dài 6 - 11mm, rộng nhất 0,28 - 0,34mm, có túi đuôi phát triển, 2 gai giao hợp dài bằng nhau 0,65 - 0,75mm, đầu mút của gai rất nhọn. Giun cái dài 9 - 16mm, rộng

nhất 0,28 - 0,37mm, lỗ sinh dục ở vào 1/3 phía trước cơ thể. Trứng hình bầu dục, có kích thước 0,078 - 0,083mm x 0,052 - 0,059mm.

2.2.3. Vòng phát triển

Các loài giun tròn thuộc họ *Ancylostomatidae* đều là giun tròn phát triển trực tiếp. Giun trưởng thành ký sinh ở ruột non, giun cái đẻ trứng, trứng theo phân ra ngoài. Ở môi trường ngoài, sau 1 - 3 tuần gặp các điều kiện nhiệt độ, độ ẩm thích hợp, phôi bào trong trứng phát triển tới dạng ấu trùng. Ấu trùng thoát ra khỏi trứng qua 2 lần lột xác thành ấu trùng gây nhiễm. Ấu trùng hướng tới các giọt sương trên lá cỏ, lá rau, trong một thời gian dài chờ cơ hội gặp ký chủ thích hợp sẽ xâm nhập vào ký chủ qua 2 con đường.

+ Qua thức ăn, nước uống, hoặc qua các vật chủ dự trữ, ấu trùng chui vào thành ruột và thành dạ dày, ở đó vài ngày rồi trở về ruột non phát triển tới dạng trưởng thành.

+ Ấu trùng xuyên qua da để vào cơ thể ký chủ, trong cơ thể ký chủ ấu trùng theo hệ thống tuần hoàn về tim, lên phổi, chúng chui qua phế bào đến khí quản, rồi về ruột non, và phát triển tới dạng trưởng thành. Chó trong thời kỳ mang thai, ấu trùng theo hệ thống tuần hoàn về ký sinh ở bào thai, vì thế chó con khi đẻ ra đã bị nhiễm giun

móc. Thời gian hoàn thành vòng đời của giun móc chó hết 14 đến 20 ngày.

2.2.4. Những nghiên cứu về *Ancylostoma spp* ở nước ngoài và trong nước.

Năm 1884, Railliet đã tiến hành phân loại và tìm thấy loài giun tròn *U. stenocephala* gây ra bệnh *Ancylostomatosis* và sau đó đã được A.M Petrop, 1948 xác định vòng đời và đường xâm nhập của ấu trùng vào cơ thể vật chủ là tự động xuyên qua da ký chủ, hoặc qua thức ăn nước uống vào đường tiêu hóa của ký chủ

Nghiên cứu ở Iran, A. Dalimi, A. Sattari, G. Motamedi, (2006) cho biết: trong số 83 chó lang thang thì tỷ lệ nhiễm *A. caninum* 3,61%, của chó giống Fox là: 4,54%, *U. stenocephala* 13,64%.

P. Aguilar, A. Reyes, J. J. Maya, 2005 đã mổ khám ruột non của 120 chó ở Thành phố Mexicocyt thuộc Mexico, các tác giả đã thấy 102 chó bị nhiễm giun, sán, trong đó có 75 chó nhiễm *A. caninum*, chiếm tỷ lệ 62,5%. Tỷ lệ nhiễm *A. caninum* tăng dần theo tuổi của chó.

Tại Tây Ban Nha, các tác giả M.T. Giraldo, N.L. Garcia, J.C. Castano (2005) kiểm tra 324 mẫu phân chó thuần chủng và chó lai thấy: 22,2% chó nhiễm giun, sán, trong đó nhiễm *A. caninum* là 13,9%.

Các nghiên cứu ở Australia cho biết, ở người, trong một vài

trường hợp cảm nhiễm, ấu trùng *A. caninum*, có thể phát triển tới dạng trưởng thành.

Nghiên cứu tại Australia, D. Nissen, (2005) cho biết *A. caninum* xâm nhập vào người qua da. Những ấu trùng này nằm im ở trong cơ và không biểu hiện triệu chứng. Ở một vài cá thể, ấu trùng có thể đi tới ruột và phát triển tới dạng trưởng thành.

Một số ấu trùng của những loài giun tròn truyền lây chung giữa người và động vật như *A. braziliense* không có khả năng tiết ra các enzym để thâm thấu qua lớp ranh giới giữa lớp hạ bì và lớp biểu bì. Ấu trùng có thể sống sót trong da khoảng 10 ngày, sau đó chúng bị chết.

Nghiên cứu tại Mỹ, Drs. Foster và Smith cho rằng, *A. caninum* là nguyên nhân gây bệnh thiếu máu và khi ấu trùng xâm nhập qua da vào cơ thể ký chủ sẽ gây viêm da. Trong một vài trường hợp ấu trùng sau khi qua da có thể đi sâu hơn vào mô và có thể là nguyên nhân gây bệnh phổi và viêm cơ. Ấu trùng giun móc được phát hiện thấy thường xuyên có mặt trong tự nhiên. Ấu trùng có thể sống vài tuần trong đất mát, ẩm nhưng chết nhanh trong băng giá, hoặc trong điều kiện nóng hoặc khô.

R.D. Bugio, M. Capello, 2005 phát hiện được thành phần kháng nguyên ES, có thể phát hiện được

thành phần protein này ở độ pha loãng 1: 256 và ở ngày thứ 4 sau khi gây nhiễm *A. ceylanicum* và đây có thể là cơ sở khoa học cho những phương pháp chẩn đoán vật bị nhiễm giun, sản trong tương lai.

A.L. Kolevatova, 1957 chứng minh bằng thực nghiệm quá trình xâm nhập của ấu trùng *A. caninum* và *U. stenocephala* và những tác động bệnh lý của 2 loại giun móc nói trên.

Ở vương quốc Anh, Lapage, 1968 nhận xét, động vật bị nhiễm giun móc thường có biểu hiện thiếu máu rất đặc thù. Một giun móc trong 24 giờ có thể làm mất 0,7 – 0,8ml máu, làm cho hồng cầu, huyết sắc tố giảm, bạch cầu toan tính tăng.

A.M. Petrov, 1979 cho rằng, khi chó nhiễm *A. caninum* thì sức đề kháng cao với sự nhiễm mới của giun này. Trong điều kiện cho chó ăn đầy đủ thì sức đề kháng với giun móc được khôi phục và có thể tự thải nhanh khỏi ruột một số lượng lớn giun móc một cách tự nhiên.

Nghiên cứu về tác hại của giun móc gây ra cho ký chủ, Webl, 1931 nhận xét, giun móc non nhanh chóng bám vào thành ruột hút máu và tạo ra các vết thương ở nhung mao ruột, làm cho các vết thương luôn rỉ máu. Tác giả còn cho biết thời gian giun móc hút máu lúc đói đến khi no là 100 – 250 phút. Giun móc cái hút một lượng

máu nhiều hơn giun móc đực. Một giun móc trưởng thành hút của ký chủ 0,84ml máu trong khoảng 24 giờ.

Nghiên cứu ở Mỹ và Hy Lạp, Willard, 1945 thông báo, một giun móc ký sinh ở chó trong một ngày hút 0,78ml máu. Lượng máu bị mất đi do giun móc hút và bị chảy từ vết thương sẽ làm mất đi chất nội tiết tố Haematopotae được tạo thành ở ruột, mà đây là chất cần thiết cho việc tạo hồng cầu.

Theo A. M. Petrov và cs, 1977 thì khả năng cảm nhiễm ấu trùng *A. caninum* ở chó con nặng hơn chó trưởng thành. Tuy nhiên, khi ấu trùng chui qua da chó con thì ít gây phản ứng, trong khi đó ấu trùng gây phản ứng viêm rõ rệt khi chui qua da chó trưởng thành.

Bruni và cs, 1954 cho biết, giun móc khi chui qua da đã tiết men Hyaluronidaza làm biến đổi và phá huỷ glucose, protein ở tổ chức dưới da. Ấu trùng giun móc khi di hành qua phổi sẽ gây tổn thương các phế nang, xung quanh, các tổn thương có nhiều bạch cầu ái toan. Giun móc trưởng thành có móc cắm sâu vào niêm mạc ruột gây xuất huyết và tạo thành những mảng tím đỏ.

Nghiên cứu ở Liên Xô (cũ), A. M. Petrov, 1963 cho thấy, từ những nơi tổn thương gây ra bởi giun móc *A. caninum* và *U. stenocephala*, các vi

khuẩn có sẵn trong đường tiêu hoá sẽ xâm nhập vào các vết thương, gây ra viêm ruột và dạ dày cấp tính, có thể làm cho chó chết. Đặc biệt chó con từ 2 - 6 tháng tuổi khi bị nhiễm giun móc rồi viêm ruột cấp có thể tử vong với tỷ lệ cao từ 40 – 90%. Chó con thể hiện các triệu chứng lâm sàng đặc trưng như nôn mửa, ỉa chảy, đau bụng, xuất huyết đường tiêu hoá. Như vậy, chó nhiễm giun móc là một trong những nguyên nhân làm cho chó bị viêm ruột, ỉa chảy ra máu và tạo điều kiện chó chó mắc một số bệnh khác như: bệnh care, bệnh do parvovirus, bệnh viêm phế quản truyền nhiễm, viêm phổi, viêm gan... Những tác động của giun móc không riêng rẽ mà liên quan chặt chẽ với nhau dưới hai hình thức là tác động cơ học gây tổn thương các tổ chức thực thể, tiết độc tố, chiếm đoạt chất dinh dưỡng làm cho chó bị gầy yếu, suy dinh dưỡng và thiếu máu.

Ở Việt Nam, vào những năm đầu thế kỷ 20, các công trình nghiên cứu về ký sinh trùng ở nước ta còn rất ít, chủ yếu là các nghiên cứu của một số tác giả người Pháp như: Houdemer, Nobel, Bauche... Nghiên cứu của các tác giả cho thấy, chó ở Việt Nam nhiễm 29 loài giun, sán. Trong đó loài *A. caninum* nhiễm với tỷ lệ cao nhất: 75,87% (trích theo Đỗ Dương Thái và cs, 1978).

Houdemer, 1938, đã phát hiện loài *A. braziliense* ký sinh ở ruột non chó, *A. caninum* ký sinh trên chó ở Sài gòn, Huế và ở Bắc bộ.

Nghiên cứu về hình thái của giun móc ở Việt Nam, Nguyễn Văn Đức, 1995 cho biết, *A. caninum* đực dài 8,1 – 10,2mm, rộng nhất 0,330 – 0,480mm, đầu cong về mặt bên. Nang miệng rộng, hình cầu. Thực quản dài 0,74 – 0,89mm, rộng nhất 0,139 – 0,168mm, có hành thực quản ở phía sau. Vòng thần kinh cách nút đầu 0,446 – 0,545mm, lỗ bài tiết 0,634 – 0,693mm. Túi sinh dục phát triển, các nhóm sụn đều bắt nguồn từ một gốc chung lớn. Cách túi sinh dục 1,48 – 1,78mm đến phần đầu của túi sinh dục có những dải cơ sáng màu, phân bố ở mặt bên. Gai sinh dục mảnh, dài 0,734 – 0,792mm. Gai điều chỉnh mập, gốc có vành rộng, nút đuôi nhọn, dài 0,178 – 0,198mm.

Giun móc trưởng thành sống ở ruột non của chó, tập trung ở tá tràng, không tràng, kết tràng và đẻ trứng tại đó. Trứng theo phân ra ngoài gặp điều kiện thích hợp: nhiệt độ từ 20 - 30°C sẽ phát triển thành ấu trùng. Ấu trùng giai đoạn 1 lột xác 2 lần ở môi trường ngoài và sau 6 - 7 ngày trở thành ấu trùng cảm nhiễm. Sự phát triển của *A. caninum* trong ruột chó đến giai đoạn trưởng thành kéo dài 14 – 16 ngày.

Thời gian sống của giun móc từ 8 – 20 tháng trong cơ thể chó.

Trịnh Văn Thịnh và cs, 1978, cho biết, trứng giun móc ở ngoại cảnh gặp nhiệt độ, độ ẩm thích hợp, sau 1 tuần ấu trùng được nở ra, qua 2 lần lột xác thành ấu trùng gây nhiễm, ấu trùng này có màng bọc bên ngoài, dài 0,59 – 0,69mm, có thể bò trên cây cỏ hoặc bò ở tường, nền chuồng nuôi động vật. Ấu trùng lặn vào thức ăn, nước uống qua đường tiêu hoá vào cơ thể vật chủ, nhưng đường truyền bệnh chủ yếu là chui qua da.

Trịnh Văn Thịnh, 1963, Đoàn Văn Phúc và cs, 1993 nhận xét, chó non nhiễm giun đũa và giun móc nặng, chó trưởng thành nhiễm ít hơn.

Đỗ Hải, 1970, 1972, Đào Hữu Thanh, 1998, nhận xét, tỷ lệ nhiễm *A. caninum* ở chó một số khu vực phía Bắc là 83,3%. Ở chó mẹ nuôi con tỷ lệ nhiễm giun móc là 100%.

Trong những năm 1986 – 1988, Phạm Sỹ Lăng đã khảo sát và phòng trị bệnh cho chó nghiệp vụ và chó cảnh nuôi tại Hà Nội qua mổ khám và kiểm tra phân, tác giả cho biết, tỷ lệ nhiễm loại giun móc *A. caninum* là 74,8%, chó từ 3 - 6 tháng tuổi nhiễm cao nhất.

Từ năm 1989 – 1991, Phạm Sỹ Lăng đã xét nghiệm phân chó cảnh ở vườn thú Thủ Lệ, thành phố Hà Nội, đã phát hiện 5 loài giun tròn ký sinh ở

chó trong đó có loài *A. caninum*, tỷ lệ nhiễm là 72%.

Hai nhóm giun tròn gây hại lớn nhất cho chó là giun đũa và giun móc. Trong đó giun đũa gây hại cho chó con từ 1 - 4 tháng tuổi, giun móc gây tác hại cho chó từ 2 - 19 tháng tuổi. Thuốc Mebendazole với liều 0,09g/kg trọng lượng chó hiệu quả tẩy giun móc là 93%.

Trần Xuân Mai, 1992 thông báo: chó thả rông ở một số tỉnh phía Nam nhiễm giun, sán là 67,11%, trong đó tỷ lệ nhiễm giun móc là cao nhất: 55,35%.

Nguyễn Thị Kim Thành (1996) xét nghiệm phân chó cảnh ở huyện Từ Liêm, Tập thể Đại học Sư Phạm I; Tập thể Đường sắt; các hộ gia đình ở khu vực Cầu giấy thuộc thành phố Hà Nội thông báo, tỷ lệ nhiễm giun móc *A. caninum* lần lượt là 47,5%; 43,75%; 43,75%.

Theo nghiên cứu của Ngô Huyền Thuý, (1996) ở thành phố Hà Nội thì tỷ lệ nhiễm giun móc ở chó rất cao: *A. caninum* là 81,65%, *U. stenocephala*: 73,07%. Tình hình nhiễm giun không phụ thuộc vào tính biệt của chó. Chó nhỏ thì tỷ lệ nhiễm giun móc cao hơn chó trưởng thành.

Theo Trịnh Văn Thịnh, 1982 thì tỷ lệ nhiễm *A. caninum* ở chó săn dao động từ 75% - 82% tùy theo lứa tuổi và giống chó, chó sơ sinh đến 4

tháng tuổi có tỷ lệ nhiễm là 82%; chó từ 6 - 12 tháng tuổi nhiễm 75%; chó >12 tháng tuổi nhiễm 74%. Chó ngoại nhập nhiễm 83%, chó địa phương nhiễm 63%.

Phạm Văn Khuê và cs, 1993 xét nghiệm 187 mẫu phân chó và mổ khám một số chó của 4 Quận nội thành và huyện Gia Lâm của thành phố Hà Nội đã nhận xét: thành phần giun tròn trên chó ở Hà nội có 5 loài trong đó có loài *A. caninum* tỷ lệ nhiễm: 59,7%.

Phạm Sỹ Lăng, 1996 cho biết, tỷ lệ nhiễm giun móc ở những chó nuôi thả rông trong điều kiện ẩm ướt bẩn thỉu ở một số khu vực thuộc thành phố Hà Nội và một số chó nghiệp vụ có tỷ lệ nhiễm rất cao từ 85% - 95%.

Theo Lê Hữu Khương và cs, 1998 thì chó ở thành phố Hồ Chí Minh nhiễm 3 loài giun tròn là *A. caninum*, *A. braziliense* và *U. stenocephala*. Trong đó nhiễm *A. caninum* với tỷ lệ cao nhất 79, 84%.

Lê Hữu Khương và cs (1999) xét nghiệm trên 100 chó, theo các nhóm tuổi cho biết, tỷ lệ nhiễm giun móc là 92%. Tác giả đã phân tích được mối tương quan hồi quy giữa tổng số giun, tổng số giun cái với số lượng trứng thu được trong một gam phân.

Lê Hữu Nghị và cs, 2000 kiểm tra 130 chó ở thành phố Huế, cho

thấy, tỷ lệ nhiễm giun móc là 40,67%..

Trình Văn Thịnh, 1963 nhận xét, khi ấu trùng giun móc chui qua da làm cho con vật bị ngứa và viêm da. Ấu trùng còn gây những tổn thương ở phổi. Giun trưởng thành hút nhiều máu, răng 6 móc được cấu tạo bằng chất kitin cắm sâu vào niêm mạc ruột gây tổn thương niêm mạc, mạch máu. Đồng thời giun còn tiết ra độc tố phá vỡ hồng cầu, làm máu không đông, giúp cho giun móc dễ hút máu. Độc tố và sản vật của giun làm hồng cầu, huyết sắc tố giảm, bạch cầu toan tính tăng.

Những chó bị bệnh giun móc thường có biểu hiện: buồn rầu, lờ đờ, lông rụng, da dày, những chỗ chóc da mẩn đỏ, nhất là ở ngang chỗ nhọn mõng và mũi, chó gầy dần, bần huyết. Sau đó chảy máu mũi và mỗi lần chó mất chừng 1 decilit máu, máu sủi bọt, bạch cầu tăng, hồng cầu giảm. Cuối cùng thủy thũng ở chân, đi tả, con vật chết trong hôn mê và những cơn co giật.

Theo Trình Văn Thịnh và cs, 1982 thì triệu chứng lâm sàng của chó khi mắc bệnh giun móc thể hiện dưới hai thể: cấp tính và mạn tính.

Thể cấp tính: thường gặp ở chó con từ 1 - 4 tháng tuổi. Thể này phù hợp với sự phát triển của ấu trùng giun móc trong cơ thể chó, và kéo dài

từ 8 - 30 ngày. Chó biểu hiện các triệu chứng chủ yếu: nôn mửa liên tục, ăn kém hoặc bỏ ăn, chảy máu ruột. Ở những trường hợp nặng thấy chó nôn ra máu tươi và ỉa phân lỏng có màu đen như bã cà phê. Rối loạn chức năng co bóp và tiết dịch của dạ dày, dẫn đến tình trạng viêm ruột và dạ dày cấp. Chó bị chết do ỉa chảy rất nặng, mất máu và mất nước dẫn đến rối loạn chất điện giải, kiệt sức và trụy tim mạch.

Thể mạn tính: thường xuất hiện ở những chó lần đầu nhiễm hay khi bội nhiễm. Triệu chứng giống thể cấp tính nhưng mức độ thấp hơn và thời gian ngắn. Một tháng sau khi nhiễm ấu trùng, chó bị thiếu máu do chảy máu ruột; nhưng vài tháng sau triệu chứng này giảm dần, chó chỉ còn hiện tượng gầy còm, thiếu máu và thỉnh thoảng thấy nôn khan.

III. KẾT LUẬN

Từ kết quả tổng quan về tình trạng nhiễm giun móc *A. caninum* ở trong nước và trên thế giới, chúng tôi nhận thấy: đây là một loài ký sinh trùng phổ biến ký sinh ở hầu hết các giống chó, phân bố rộng ở khắp các vùng miền khác nhau, tỷ lệ và cường độ nhiễm cao, làm ảnh hưởng đến sức khỏe của đàn chó. Vì vậy, các nghiên cứu về đặc điểm sinh học, bệnh học của giun móc *A. caninum* có ý nghĩa quan trọng trong việc đề xuất các biện

pháp phòng trị bệnh. Đặc biệt, ấu trùng giun móc có thể xâm nhập và gây bệnh cho người, nhất là trẻ em. Do đó, công tác phòng bệnh vệ sinh thú y, phòng tránh lây nhiễm cho người cần được tuyên truyền rộng rãi để hạn chế tỷ lệ, cường độ nhiễm không chỉ cho chó mà còn bảo vệ con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Thị Lê, Phạm Văn Đức, Nguyễn Thị Minh, Hà Duy Ngo (1996), *Giun sán ký sinh ở gia súc Việt Nam*, NXB Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội.
2. Đỗ Hải (1972), “Vài nhận xét về giun tròn (Nematoda) trên chó săn nuôi ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học & kỹ thuật nông nghiệp*, (6).
3. Phạm Văn Khuê, Phan Lục (1976), *Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng Thú y*, Giáo trình Đại học Nông Nghiệp I, Hà Nội.
4. Phạm Văn Khuê, Trần Văn Quyên, Đoàn Văn Phúc (1993), *Nhận xét về giun sán ký sinh của chó ở Hà Nội*, (Công trình nghiên cứu Đại học Nông nghiệp I), NXB Nông nghiệp, Hà Nội
5. Lê Hữu Khương, (2005), *Giun sán ký sinh trên chó ở một số tỉnh miền Nam Việt Nam*, Luận án tiến sỹ Nông nghiệp, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. A.G.Lapage (1968), *Veterinary parasitology*, Oliver and Boyd – London, page.
7. Phạm Sỹ Lăng, Lê Thanh Hải, Nguyễn Thị Rật, (1990), *Bệnh giun móc ở chó Việt*

Nam, (Công trình nghiên cứu khoa học và kỹ thuật, 1990 – 1991), Nxb Nông Nghiệp, Hà Nội.

8. Ngô Huyền Thúy (1996), *Giun sán đường tiêu hóa của chó ở Hà Nội và một số đặc*

điểm của giun thức quản Spirocerca lupi, Luận án phó tiến sỹ Nông nghiệp, Viện thú y Quốc gia.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN

Th.S Nguyễn Thị Hiền

Cựu TK. Tài chính – Ngân hàng

Đổi mới phương pháp giảng dạy là một trong những yêu cầu cấp thiết đối với ngành giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, là sự sống còn của mỗi cơ sở đào tạo. Vấn đề đổi mới phương pháp dạy học rất được dư luận quan tâm. Báo chí và các cơ quan truyền thông đã mở nhiều cuộc trao đổi xoay quanh vấn đề này. Đây cũng là những tín hiệu mới đáng mừng, nó phản ánh chủ trương mạnh dạn xã hội hoá giáo dục và quyết tâm đổi mới giáo dục đại học ở nước ta, trong điều kiện khách quan đã chín muồi đó là: Phải dạy học trong môi trường dân chủ, đa dạng hoá, đa phương hoá để có được khâu đột phá về mặt đào tạo chuyên sâu nguồn nhân lực.

Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã khẳng định: “Con người là nguồn nhân lực, là nhân tố quyết định sự phát triển của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá”, “coi giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của sự phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá”. Do đó nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nói chung và chất lượng giảng dạy Cao đẳng và Đại học nói riêng là vấn đề mang tính cấp thiết, là giải pháp quan trọng nhất để nền giáo dục Việt Nam trong giai đoạn đầu của thế kỷ 21 có thể tiến kịp với sự phát triển của nền giáo dục trên thế giới, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế và toàn cầu hoá hiện nay.

Đối với các Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thương hiệu của họ được thể hiện thông qua chất lượng các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ của mỗi doanh nghiệp sản xuất được thì chất lượng giảng dạy của Trường chính là thương hiệu của trường đó. Chất lượng giảng dạy được thể hiện ở chất lượng sản phẩm đào tạo. Đánh giá chất lượng sản phẩm đào tạo thông qua khả năng của người được đào tạo, trong đó mấu chốt vẫn là năng lực tư duy sáng tạo của chính người học. Người học không chỉ có khả năng tác nghiệp, nghiệp vụ tốt mà còn phải có chiều sâu của phương pháp luận, chiều sâu của tri thức thực tế, năng lực nghiên cứu khoa học, không chỉ biết chiếm lĩnh tri thức mà còn phải biết đánh giá tri thức và tái tạo, phát triển tri thức.

Với nhận thức tầm quan trọng trên tác giả muốn trao đổi một số giải pháp nhằm nâng cao phương pháp dạy học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường trong năm học 2013 – 2014 và những năm tiếp theo.

Muốn đổi mới phương pháp giảng dạy thì một yếu tố cơ bản của quá trình dạy học là người giảng viên. Giảng viên phải là những chuyên gia trong lĩnh vực phụ trách, phải là những nhà nghiên cứu khoa học giỏi, mỗi giảng viên phải có khả

năng làm việc cường độ cao, có tinh thần đổi mới, tiếp cận thực tế, thường xuyên cập nhật thông tin, kiến thức, kỹ năng mới. Giảng viên phải thành thạo trong các kỹ năng giảng dạy, từ cách tổ chức lớp học, bố trí thời lượng, đặt câu hỏi, tổ chức và khuyến khích sinh viên thảo luận, nhận xét, phản biện.... Để đáp ứng được yêu cầu trên cần chú trọng nhiều đến những nội dung sau:

- *Nâng cao chất lượng giảng dạy.*

Chất lượng giảng dạy có thể được đánh giá từ kết quả học tập của người học, từ những đánh giá dành cho giảng viên, từ nhận xét của người sử dụng “sản phẩm”. Vậy tiêu chí cụ thể là gì? và tiêu chí đó có thể phân chia thành yếu tố định tính và định lượng được không? Với ý kiến cá nhân, tôi xin liệt kê các tiêu chí để đánh giá chất lượng và lấy đó làm cơ sở để xét đoán chất lượng giảng dạy thực tế hiện nay của trường chúng ta như sau:

+ *Chỉ tiêu định lượng:*

* Dựa trên kết quả đánh giá của đồng nghiệp

* Dựa trên tổng hợp ý kiến thăm dò của sinh viên

+ *Chỉ tiêu định tính:*

* Có phương pháp giảng dạy thích hợp với từng đối tượng, từng chuyên đề, môn học

* Đảm bảo truyền đạt những thông tin chính yếu nhất mà môn học đòi hỏi, thông tin được cung cấp có độ chính xác, logic, khoa học và có tính thực tiễn, có sự kết nối với các môn học có liên quan.

* Cung cấp đầy đủ tài liệu như: Nêu tên tài liệu, hệ thống câu hỏi bài tập và có hướng dẫn cách thức tìm hiểu thông tin, phương pháp giải bài tập...

* Giúp cho người học nhận thức được khả năng ứng dụng kiến thức đã học vào việc học các môn học khác hoặc vào thực tiễn, các môn ngành có thể thao tác, xử lý được nghiệp vụ ngay khi còn đang học.

* Phát huy được khả năng sáng tạo của sinh viên, hướng dẫn được cho sinh viên cách thức nghiên cứu vấn đề, tạo sự hứng khởi, chủ động cho người học.

* Biết sử dụng các phương tiện trợ giảng hợp lý.

Các tiêu chí này cần được đặt trong một hoàn cảnh và môi trường cụ thể, trong mối quan hệ giữa dạy và học cũng như sự hỗ trợ về cơ sở vật chất, điều kiện, môi trường làm việc, cách thức quản lý thích hợp để xét đoán.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm.

Phương pháp giảng dạy “ lấy người học làm trung tâm” không có nghĩa là loại trừ phương pháp thuyết giảng. Thực chất đó là sự kết hợp hài hoà nhuần nhuyễn giữa thuyết giảng và đối thoại với mục tiêu phát huy cao độ tính tích cực, năng động, độc lập, sáng tạo của người học. Với phương pháp này yêu cầu giảng viên không chỉ nắm vững những vấn đề cần trình bày mà còn phải năng động, nhạy bén và sáng tạo ngay trong giờ giảng, trên cơ sở đó giảng viên có thể truyền thụ những vấn đề cần thiết, cơ bản đến người học một cách tự nhiên, sinh động và hứng thú. Để thực hiện tốt phương pháp giảng dạy này, đòi hỏi:

* Ngay từ đầu môn học, giảng viên phải giới thiệu các tài liệu học tập đã chọn lọc theo từng vấn đề trong nội dung giảng dạy. Trên cơ sở đó, giảng viên phải nêu vấn đề, gợi mở các vấn đề để sinh viên tự nghiên cứu tài liệu tham khảo, từ đó giúp sinh viên tiếp nhận kiến thức trong sự so sánh đối chiếu, tạo điều kiện cho sinh viên tích lũy được vốn kiến thức đa dạng, khám phá ra các ý tưởng mới, góp phần rèn luyện khả năng xử lý, tiếp nhận tri thức và phát huy tư duy sáng tạo

* Giảng viên phải chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng nội dung thảo luận và tăng cường các hình thức trao đổi

thảo luận cả về lý thuyết và thực hành. Trong quá trình thảo luận, giảng viên không làm thay, chỉ là người hướng dẫn, định hướng cho sinh viên, giúp cho sinh viên tự chiếm lĩnh tri thức, nắm bắt nội dung học tập nghiên cứu một cách sâu sắc và đầy đủ.

* Trong điều kiện thời gian có hạn, việc tổ chức thảo luận nhóm và học đối thoại có thể làm “cháy” giáo án. Do đó phải lựa chọn những vấn đề trọng tâm và phải xác định rõ thời lượng cho mỗi bài thảo luận

* Để cho sinh viên tự tin trong tham gia phát biểu thảo luận, đối thoại, đòi hỏi giảng viên cần phải tạo cho lớp học một không khí học tập thoải mái thân thiện và không căng thẳng mà vẫn không mất đi tính nghiêm túc của nó

* Kết cấu chương trình phải hợp lý sao cho sinh viên phải có quỹ thời gian để đọc và nghiên cứu các tài liệu được giảng viên hướng dẫn

* Lớp học phải bố trí số lượng sinh viên vừa phải. Nếu số lượng sinh viên quá đông thì khó có thể giảng dạy theo phương pháp mới một cách có hiệu quả.

- Sử dụng có hiệu quả các phương tiện giảng dạy hiện đại.

Phải chuẩn bị chu đáo và sử dụng hợp lý các phương tiện trợ giảng. Tuy nhiên không nên quá lạm

dụng có thể gây phản tác dụng. Tránh tình trạng quá lạm dụng, ỷ lại phương tiện trợ giảng, không thoát ly được bài giảng, vì vậy khi xảy ra bất trắc như mất điện các phương tiện trợ giảng không thể sử dụng được thì bài giảng trở thành bị động. Lạm dụng phương tiện trợ giảng sẽ vô tình biến quá trình dạy học “đọc chép” trở thành “nhìn – chép”.

- Chuẩn hoá hệ thống đánh giá kết quả học tập.

Trong học tập điểm số chính là dấu hiệu chỉ báo cơ bản phản ánh kỹ năng kiến thức của một sinh viên cần phải đạt được qua một khoá học. Đánh giá quá trình học tập phải được thể hiện thông qua bảng điểm của sinh viên và hệ thống chuẩn mực dùng để xác định các điểm số đó. Một nền giáo dục tiến bộ cần phải có một hệ thống điểm số đánh giá được chuẩn hoá, sao cho vừa có thể chuyển tải được hết mục đích của giáo dục, vừa giúp xã hội đánh giá chính xác năng lực của sinh viên, đồng thời có thể giúp người học định hướng được mục tiêu và điều chỉnh được hành vi để tự nâng cao kết quả học tập của bản thân.

Chất lượng giảng dạy càng cao, mức độ chuẩn hoá càng lớn, khả năng quốc tế hoá nền giáo dục đó càng rộng. Trước yêu cầu hội nhập càng đến gần, việc nhanh chóng hoàn

thiện một hệ thống đánh giá kết quả học tập chất lượng cao là một yêu cầu tất yếu.

Trên đây chỉ là một số ý kiến và cách nhìn nhận về đổi mới phương pháp giảng dạy của bản thân nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào

tạo của trường trong năm học 2013 – 2014 và những năm tiếp theo, là tín hiệu để nhanh chóng đưa trường trở thành trường đại học sớm nhất, rất mong nhận được sự ủng hộ và góp ý của đồng nghiệp./.

NHỮNG BẮN KHOẢN SUY NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ THỰC TẬP TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN CUỐI KHÓA NGÀNH QUẢN TRỊ

Th.S Nguyễn Thị Ngọc Dung

TK. Quản trị kinh doanh

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực tập tốt nghiệp là một phần trong công tác đào tạo, nó chiếm vị trí quan trọng trong quá trình đào tạo sinh viên nói chung, sinh viên ngành Quản trị nói riêng. Tuy nhiên trong thực tế còn rất nhiều điều bất cập. Trong bài viết này tôi xin đưa ra một số trăn trở để chúng ta cùng suy nghĩ nhằm đi tới việc tìm kiếm những giải pháp để vấn đề thực tập tốt nghiệp cho sinh viên cuối khóa đạt hiệu quả hơn.

II. NỘI DUNG VẤN ĐỀ

2.1. Mục đích, yêu cầu của thực tập tốt nghiệp

2.1.1. Mục đích

- Giúp sinh viên có điều kiện củng cố, bổ sung thêm những kiến

thức đã học, vận dụng các kiến thức đó vào việc nghiên cứu phân tích, giải quyết những vấn đề thực tiễn trong công tác quản lý kinh doanh ở cơ sở.

- Tạo điều kiện cho sinh viên tập dượt tham gia lao động nghề nghiệp, rèn luyện năng lực tổ chức thực hiện công tác quản lý ở các đơn vị cơ sở.

- Tiếp tục bồi dưỡng cho sinh viên về quan điểm lập trường, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần, thái độ phục vụ, ý thức chấp hành các chính sách chế độ và kỷ luật trong công tác quản lý.

- Sản phẩm của quá trình thực tập là những kinh nghiệm, kỹ năng thực tế sinh viên học hỏi được, cách

nhìn nhận và phân tích vấn đề, cách ứng dụng lý thuyết vào thực tế. Báo cáo tốt nghiệp phải thể hiện được điều này.

2.1.2. Yêu cầu

- Sinh viên phải tìm hiểu thực tế tại các doanh nghiệp như đặc điểm doanh nghiệp, tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng nguồn lực, đặc điểm tổ chức quản lý...

- Sinh viên phải đáp ứng các yêu cầu của doanh nghiệp như: Thời gian, quy định làm việc..

- Sinh viên cần biết ứng dụng lý thuyết vào thực tế, biết nhận diện và phân tích các vấn đề.

- Sinh viên cần nắm bắt các kỹ năng nghề nghiệp, học hỏi kinh nghiệm, kỹ năng từ các nhân viên.

- Sinh viên phải thường xuyên liên hệ với giảng viên hướng dẫn để đảm bảo thực tế và việc làm Báo cáo thực tập để không bị sai lệch với mục tiêu và yêu cầu ban đầu.

2.2. Thực trạng của việc thực tập tốt nghiệp

"Thực tập" theo Từ điển tiếng Việt có nghĩa là: tập làm trong thực tế để vận dụng và củng cố kiến thức lý thuyết, trau dồi thêm về nghiệp vụ chuyên môn của mình. Tuy nhiên, đối với việc thực tập của các sinh viên năm cuối ở trường mình, định nghĩa này chỉ đúng với khoảng 15% còn đối

với 75% còn lại thực tập còn rất nhiều cái đáng để bàn.

Thông thường, khi tuyển dụng nhân sự vào bất kỳ một vị trí nào, Doanh nghiệp vẫn có những ưu tiên hàng đầu dành cho những ứng cử viên đã có kinh nghiệm làm việc là từ ít nhất một năm đến hai năm. Và điều này tưởng chừng vô lý khi đem áp dụng đối với SV mới tốt nghiệp? Lý giải vấn đề, rất nhiều nhà tuyển dụng cho rằng kinh nghiệm của SV chính là sự tích lũy kiến thức thực tế ngay trong quá trình thực tập. Thế nhưng, quá trình tích lũy kiến thức ấy còn rất nhiều việc phải bàn. Trong thời gian thực tập nhiều bạn sinh viên cho rằng chỉ đủ thời gian để “cưỡi ngựa xem hoa” thôi chứ không thể nào tích lũy kinh nghiệm thực tiễn được.

Nên phần lớn các bạn sinh viên tận dụng thời gian đó để về quê, tranh thủ đi làm thêm hoặc cũng có thể...ngồi nhà chơi. Một số ít các bạn may mắn được doanh nghiệp tận tình hướng dẫn, chỉ bảo. Bởi các doanh nghiệp muốn tận dụng cơ hội này để đào tạo nguồn nhân lực sẵn có này khi các bạn vừa ra trường. Tuy nhiên số trường hợp như vậy thường không nhiều.

Về phía các doanh nghiệp thì phần lớn họ nhận sinh viên đến thực tập chỉ là để giải quyết mối quan hệ xã hội của mình. Thế nên dẫn đến bê tha trong công tác quản lý sinh viên

thực tập. Xét về nguyên nhân chủ quan của những hành động này là do sự liên hệ lỏng lẻo giữa khoa, trường và các đơn vị nhận sinh viên thực tập. Còn nguyên nhân khách quan là trong khi các đơn vị nhận sinh viên thực tập cũng rất bận với công việc của họ và nếu xảy ra hư hỏng máy móc thiết bị hoặc là lộ các bí mật kinh doanh thì ai sẽ chịu trách nhiệm các tổn thất này?

Một vấn đề đáng bàn nữa là nạn sao chép báo cáo tốt nghiệp hiện nay đã đạt đến mức độ phổ biến rộng rãi. Chỉ với 300.000 đồng đến 500.000 đồng thì bạn sẽ có ngay một báo cáo tốt nghiệp của các “bậc đàn anh, đàn chị” để lại. Thậm chí sinh viên còn không thèm đọc lại mà chỉ thay tên đổi họ của mình và giảng viên hướng dẫn, năm lấy số liệu vẫn để nguyên. Ví dụ làm báo cáo tốt nghiệp vào tháng 4 năm 2013 thì quy định phải lấy số liệu 2010, 2011, 2012 nhưng sinh viên cứ để số liệu sao chép của năm 2005, 2006, 2007. Ngoài ra còn có cả một bộ sưu tập các đề tài hay đang lưu thông trong cái gọi là “thế giới ngầm” của sinh viên. Đó là những đề tài độc đáo, sáng tạo mà các anh chị khoá trước để lại nhưng không hề có mặt trên thị trường băng đĩa. Vì thời gian thực tập ngắn ngủi hay tại vì lười biếng mà nhiều bạn sinh viên đã “xào nấu” hoặc sao chép gần như toàn bộ

nguyên văn đề tài các năm trước để biến thành cái của mình. Tuy nhiên, “quả quýt dày, có móng tay nhọn” nên hội đồng phản biện chỉ “chất vấn” vài câu là các cô cậu sinh viên chỉ có biết “ú ớ” mà thôi. Không ít các trường hợp các bạn sinh viên phải chấp nhận “trôi” một năm vì những hiện tượng này.

Một vấn đề nữa là rất nhiều báo cáo thực tập của sinh viên rất hay được hội đồng phản biện đánh giá từ 9 đến 10 điểm nhưng liệu có đề tài nào được mang ra ứng dụng vào thực tiễn hay không, hay là vẫn nằm trơ trên giấy trắng mực đen? Điều này đã gây ra sự lãng phí rất lớn cho xã hội.

2.3. Một số giải pháp

- Thay đổi quy trình thực tập tốt nghiệp

Đứng trước những “vấn nạn” như trên khoa Quản trị kinh doanh cũng đã từng bước thay đổi nội dung thực tập. Như ở khóa 6 thay vì học sinh chỉ xuống cơ sở thực tập rồi về viết báo cáo, khoa đã thay đổi, chia quá trình thực tập ra làm 3 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Sinh viên xuống cơ sở thâm nhập thực tế, chọn đề tài, viết báo cáo tổng quan.

+ Giai đoạn 2: Sinh viên về trường, bộ môn phân công giảng viên vấn đáp từng nhóm, kiểm tra xem các em đã làm được gì, chọn đề tài nào, hướng dẫn và duyệt các đề cương.

+ Giai đoạn 3: Sinh viên quay về cơ sở thực tập tiếp và hoàn thành các báo cáo. Trong giai đoạn này sinh viên cần liên hệ thường xuyên với giáo viên hướng dẫn để chỉnh sửa báo cáo.

- Các giảng viên hướng dẫn cần phải có trách nhiệm hơn nữa đối với sinh viên, cần phải có những thủ thuật để kiểm tra sinh viên có đi thực tập hay không, đề tài này những năm trước đã thực hiện chưa, so sánh những phần giống và khác nhau giữa các đề tài.

- Nhanh chóng xây dựng mô hình Quản trị ảo để sinh viên tiếp cận và thực tập ngay trong trường, đưa thực tế vào bài giảng (Khoa Quản trị đã phân công cho một nhóm giảng viên nghiên cứu vấn đề này). Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng cần có phòng đào tạo để giúp nhân viên mới làm quen với công việc. Như vậy, hiệu quả đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực sẽ cao hơn rất nhiều...

- Theo ý kiến chung của các trường, các báo cáo tốt nghiệp đều có thể bị “xào nấu” phần nội dung nền. Nhưng người thầy và hội đồng phản biện chính là người đưa ra những đề tài cho sinh viên thực hiện, hướng dẫn và đánh giá khách quan. Nên vấn đề này có thể khắc phục được hiệu quả

hay không còn phụ thuộc rất nhiều ở người giáo viên hướng dẫn. Nói về vấn đề này trong kết luận của Hiệu trưởng nhà trường, Tiến sĩ Dương Xuân Thao khi làm việc với khoa Kế toán phân tích ngày 3/7/2013 đã nêu rõ” Những báo cáo đã được giáo viên hướng dẫn, duyệt, chỉnh sửa nhưng vẫn làm sai đề cương hoặc copy đề tài cũ, trùng đề tài thì giáo viên hướng dẫn phải chịu trách nhiệm”

- Cần có chế tài nghiêm ngặt đối với các trường hợp vi phạm các quy định đối với thực tập tốt nghiệp (Thực tế đã có nhưng chúng ta còn “giơ cao đánh khẽ”).

- Nên chăng theo suy nghĩ của Tiến sĩ Võ Thị Hải Lê, Trưởng phòng nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, chúng ta chỉ chọn ra một số sinh viên đạt điểm chuẩn ở mức độ nào đấy cho làm báo cáo, còn lại ta sẽ tổ chức thi thêm một môn thay phần báo cáo tốt nghiệp này.

III. KẾT LUẬN

Trên đây là một số trăn trở trong vấn đề thực tập của sinh viên, mong nhận được nhiều thông tin phản hồi và các giải pháp hữu hiệu để áp dụng nhằm đưa chất lượng đào tạo của nhà trường tốt hơn nữa đáp ứng yêu cầu của một trường đại học trong tương lai.

TẠO HỨNG THÚ HỌC TẬP CHO SINH VIÊN NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

*Th.S Đoàn Tiến Dũng
TK. Kế toán – Phân tích*

Đổi mới phương pháp dạy học hiện nay là vấn đề luôn được ngành giáo dục đào tạo hết sức quan tâm. Quan điểm chủ đạo của việc đổi mới phương pháp dạy học hiện nay là phát huy tính tích cực trong nhận thức của người học, lấy người học làm trung tâm. Như vậy muốn dạy học có hiệu quả thì nhất thiết quá trình dạy học phải được tổ chức sao cho người học thực sự được hoạt động trong môi trường có sự tương tác giữa thầy với trò, giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với tập thể, giữa hoạt động nỗ lực của các cá nhân với việc chiếm lĩnh kiến thức. Để từ đó phục vụ cho công việc, ngành nghề mà cá nhân đó được nhà trường đào tạo. Đáp ứng nhu cầu của xã hội về chất lượng

nguồn nhân lực trong một xã hội phát triển. Để làm được điều đó thì người học phải có sự hứng thú học tập, nhu cầu nhận thức của người học được khơi dậy. Khi người học đã hứng thú, đã tự nhận thức được nhiệm vụ học tập, họ đặt mình trong tư thế chủ động sẵn sàng trong quá trình học tập. Khi có hứng thú người học dễ dàng say mê môn học đó, tự tin, chủ động chiếm lĩnh kiến thức mới, tích cực, sáng tạo khi giải quyết các nhiệm vụ học tập. Như vậy hứng thú học tập là một điều kiện tất yếu để mỗi người học phát huy tính tích cực, chủ động và tự giác của mình trong quá trình học tập.

Chính vì vậy mà Luật giáo dục nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt

nam đã quy định phương pháp giáo dục " *phải phát huy tính tích cực ,tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh, phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học; bồi dưỡng phương pháp tự học, rèn vào luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh.*". Đổi mới giáo dục cần mạnh mẽ cơ bản và toàn diện. nhưng hiện nay chất lượng và hiệu quả giáo dục còn thấp so với yêu cầu của xã hội. Nguyên nhân thì có nhiều nhưng sâu xa nhất là bản thân chủ thể của quá trình dạy học, tức là người học chưa có hứng thú học tập. Vì thế việc tạo ra hứng thú học tập cho người học là điều rất quan trọng.

Nếu xây dựng được các phương thức hợp lý nhằm bồi dưỡng hứng thú học tập đối với các môn học cho Sinh viên trường Đại học Kinh tế Nghệ An thì sẽ góp phần nâng cao chất lượng học tập của sinh viên.

1. Một số vấn đề về lý luận

Muốn vậy, trước hết giảng viên phải tìm hiểu đặc điểm tâm lý học của sinh viên. Tổng hợp một số quan điểm của các nhà khoa học về hứng thú nói chung và hứng thú học tập nói riêng. Trên cơ sở đó xây dựng một số phương thức bồi dưỡng hứng thú học tập cho các môn học mà mình đảm nhận.

Hứng thú

Theo từ điển Tiếng Việt: " Hứng thú là biểu hiện của một nhu cầu, làm cho chủ thể tìm cách thỏa mãn, tạo ra khoái cảm , thích thú, huy động sinh lực để cố gắng thực hiện" . Hứng thú là một hiện tượng tâm lý phức tạp và có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống, trong lĩnh vực khoa học, làm tăng hiệu quả nhận thức, làm nảy sinh khát vọng hành động và hành động một cách say mê, sáng tạo, làm tăng khả năng, hiệu quả làm việc của con người.

Khi người học có hứng thú học một môn nào đó, họ sẽ hết sức tự giác, say sưa tìm tòi, sáng tạo trong quá trình lĩnh hội, vận dụng tri thức. Nhờ đó họ đạt kết quả cao trong học tập.

Chính vì lẽ đó, vấn đề hứng thú nói chung, hứng thú học tập nói riêng đã được nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới và ở Việt nam đề cập tới.

Có nhiều quan điểm về hứng thú:

- *Quan điểm duy tâm:*

Theo quan điểm duy tâm, các nhà tâm lý học phương Tây đã coi hứng thú là thuộc tính sẵn có của con người, quá trình lớn lên của cá nhân chỉ là quá trình bộc lộ dần thiên hướng ở họ . Đó là quan điểm phiến diện, phủ nhận vai trò của giáo dục , giáo dưỡng, của những hoạt động có ý

thức của con người trong quá trình hình thành, phát triển hứng thú ở con người. Ví dụ I.P. Shacbac lại cho rằng hứng thú là thuộc tính có sẵn mang tính bẩm sinh của con người. Còn S. Klaset lại khẳng định hứng thú là dấu hiệu của nhu cầu, bản năng, khát vọng đòi hỏi được thỏa mãn

- *Quan điểm duy vật*

Khác với các nhà tâm lý học tư sản, các nhà tâm lý học theo quan điểm duy vật đã khẳng định hứng thú không phải là một cái gì trừu tượng, cũng không phải là thuộc tính sẵn có trong nội tại con người, mà là kết quả của quá trình nhận thức ở mỗi người, nó phản ánh một cách khách quan thái độ đang tồn tại ở cá nhân. Thái độ đó được xuất hiện là do kết quả tác động qua lại giữa điều kiện sống và sự hoạt động của mỗi cá nhân.

Theo A.V. Zaparojet, hứng thú là khuynh hướng của sự tự ý thức tới những đối tượng nhất định, là nguyện vọng tìm hiểu chúng càng tỉ mỉ càng hay.

Một số tác giả như : V.G. Ivanop, N.N. Maixinop coi hứng thú là thái độ nhận thức của cá nhân đối với hiện thực , hứng thú gắn với cảm xúc, ý chí và trí tuệ khiến tính tích cực nhận thức và hoạt động của con người được nâng cao.

A.A.Liublinxcaia cho rằng: "*Hứng thú là thái độ nhận thức của*

con người đối với xung quanh, đối với mặt nào đó, đối với lĩnh vực nhất định mà trong đó con người muốn đi sâu hơn".

Như vậy, hứng thú là sự phản ánh thái độ của chủ thể đối với thực tiễn khách quan. Đây là sự phản ánh có chọn lọc. Thực tiễn bao la, rộng lớn nhưng con người chỉ hứng thú với cái gì cần thiết, quan trọng, gắn liền với kinh nghiệm và sự phát triển tương lai của họ

Hứng thú nhận thức và hứng thú học tập

Hứng thú nhận thức là một lĩnh vực đặc biệt quan trọng của hứng thú. Trong nhà trường nội dung của các môn học là đối tượng của hứng thú nhận thức của người học. Nắm vững kiến thức của các môn học đó là nhiệm vụ cơ bản của quá trình học tập. Hứng thú nhận thức hướng vào sự nhận thức, sự nắm vững các tri thức mà các tri thức này thể hiện trong nội dung các môn học trong chương trình đào tạo của nhà trường. Như vậy, *hứng thú nhận thức là thái độ lựa chọn đặc biệt của cá nhân với đối tượng được nhận thức, do ý nghĩa của nó trong đời sống và do sự hấp dẫn về tình cảm của nó*

Hứng thú nhận thức là một hiện tượng tâm lý phức tạp và luôn biến động. Theo nghiên cứu của N.G.Marozôva đã chỉ ra hứng thú

nhận thức được hình thành qua ba giai đoạn:

Giai đoạn 1: Thái độ nhận thức có xúc cảm với đối tượng xuất hiện dưới dạng rung động định kì. Ở giai đoạn này, cá nhân chưa có hứng thú thực sự. Do bị cuốn hút bởi nội dung vấn đề mà giáo viên trình bày, người học chăm chú lắng nghe, trực tiếp thể hiện niềm vui nhận thức ra cái mới. Sự rung động định kỳ đó là giai đoạn đầu tiên của hứng thú. Những rung động đó có thể mất đi khi giờ học kết thúc, nhưng cũng có thể trên cơ sở những rung động đó, hứng thú được phát triển. Hứng thú chỉ xuất hiện khi người học muốn hiểu biết nhiều hơn, thông qua tác động vào đối tượng nhận thức họ mong muốn xâm nhập vào đối tượng để giải thích, biến đổi đối tượng, thể hiện bằng việc đặt ra các câu hỏi và vui mừng khi được giải đáp.

Giai đoạn 2: Những rung động định kì được lặp đi lặp lại nhiều lần và được trở thành thái độ nhận thức xúc cảm tích cực với đối tượng, tức là hứng thú được duy trì. Thái độ nhận thức, xúc cảm với đối tượng sẽ thúc đẩy người học quan tâm tới những vấn đề đặt ra cả trong giờ học và sau giờ học đã kết thúc. người học nảy sinh nhu cầu nhận thức, tìm tòi và khám phá.

Giai đoạn 3: Nếu thái độ tích cực đó được duy trì, củng cố, khả năng tìm tòi độc lập của các em thường xuyên được khơi dậy thì thái độ hứng thú có thể trở thành xu hướng cá nhân. Ở mức độ này, hứng thú nhận thức khiến cho toàn bộ quá trình hoạt động của người học có biến đổi. Họ sẽ dành thời gian rảnh rỗi của mình vào việc tìm tòi thêm kiến thức có liên quan đến vấn đề mà mình hứng thú như: tham gia ngoại khóa, đọc thêm tài liệu, tìm những người cùng quan tâm để trao đổi. Hứng thú bền vững là giai đoạn cao nhất của phát triển hứng thú.

Từ sự phân tích ba giai đoạn của sự hình thành và phát triển hứng thú nhận thức, cho phép người giáo viên có thể phát triển hứng thú nhận thức ở người học từ mức độ thấp đến mức độ cao.

Việc tổ chức hoạt động nhận thức nhằm hình thành và phát triển hứng thú cho học sinh không thể không chú ý đến các mức độ phát triển của nó. Từ đó giáo viên có biện pháp thiết thực nhằm hình thành và phát triển hứng thú cho người học. Tuy nhiên để làm được việc đó đòi hỏi trong hoạt động giảng dạy của mình, giáo viên phải tạo ra những điều kiện nhất định. Nghiên cứu của N.G.Marozôva đã chỉ ra một số điều kiện:

Một là: Phải tạo được ở người học sự phát triển bình thường về nhận thức ban đầu, trên cơ sở đó hoạt động nhận thức có thể diễn ra bình thường

Hai là: Việc tổ chức hoạt động nhận thức của học sinh phải gây được cho các em thái độ tích cực đối với học tập.

Hứng thú nhận thức hình thành động cơ quan trọng nhất của sự học tập mà động cơ này ở trong cơ sở thái độ tốt của người học đối với nhà trường, đối với tri thức, thái độ này thúc đẩy học tập tự giác, ấn tượng vui sướng do lao động trí óc, với nguyện vọng thường xuyên đi sâu vào nghiên cứu một hoặc một số môn học.

Hứng thú học tập là một biểu hiện đặc biệt của hứng thú nhận thức. Theo quan niệm của A.G. Kovaliov: "*Hứng thú học tập chính là thái độ lựa chọn đặc biệt của chủ thể đối với đối tượng của hoạt động học tập, vì sự thu hút về mặt tình cảm và ý nghĩa thực tiễn của nó trong đời sống của cá nhân*"

Tính chủ thể và đặc điểm tâm sinh lí của chủ thể

Chủ thể của hoạt động tác giả đang nói đến là Sinh viên trường Đại học Kinh tế Nghệ an.

Hứng thú có tính chủ thể. Mỗi một người học có hứng thú với một đối tượng khác nhau. Có em hứng thú với môn học Kế toán, có em hứng thú

với môn Thống kê, môn Phân tích. Có em lại hứng thú với lĩnh vực thể thao... Trong một môn học có em lại chỉ hứng thú với một mảng kiến thức nào đó. Thực tiễn cho thấy khi hứng thú một môn học nào đó thì các em sẽ có thành tích học tập ở môn học đó cao hơn các môn học khác, đồng thời cũng dành thời gian đào sâu suy nghĩ tìm tòi đối với môn học đó nhiều hơn..

Nghiên cứu các biểu hiện hứng thú học tập của sinh viên cần nghiên cứu đặc điểm tâm sinh lí của độ tuổi này.

- *Về đặc điểm của sự phát triển trí tuệ:*

Ở độ tuổi này tính chủ định được phát triển mạnh mẽ ở tất cả các quá trình nhận thức, cụ thể:

+ Quan sát có mục đích hơn, có hệ thống hơn. Các em có khả năng tư duy lí luận, tư duy trừu tượng một cách độc lập sáng tạo, suy luận chặt chẽ và logic.

+ Ghi nhớ chủ định giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động trí tuệ, đồng thời vai trò ghi nhớ logic, ghi nhớ trừu tượng ngày một rõ rệt. Những đặc điểm đó tạo điều kiện thuận lợi cho SV có khả năng thực hiện các thao tác tư duy, dễ dàng nắm bắt được nội dung cơ bản của các khái niệm trừu tượng.

- *Về sự phát triển tự ý thức:*

Sự phát triển tự ý thức là một đặc điểm nổi bật của sự phát triển nhân cách của thanh niên, nó có các đặc điểm sau:

+ Thanh niên có nhu cầu tìm hiểu và đánh giá những đặc điểm tâm sinh lí của mình theo quan điểm về mục đích cuộc sống và hoài bão của mình. Các em đã nhận thức vị trí của mình trong hiện tại và tương lai

+ Thanh niên không chỉ có nhu cầu đánh giá mà còn có khả năng đánh giá sâu sắc và tốt hơn tuổi học sinh phổ thông.

Hứng thú học tập của SV khá giỏi khác SV trung bình và SV yếu kém. SV khá giỏi thường hứng thú với bài tập khó và hay, các em muốn tìm tòi sáng tạo, muốn tìm cái mới, không thích những bài tập đơn giản lặp đi lặp lại một dạng nào đó. Nhưng SV trung bình và kém có thể chưa tiếp cận được với những lời giải đó, chưa tiếp cận được với các bài tập khó, các em hứng thú khi giải được một bài tập, hiểu được một vấn đề khi được giáo viên động viên, khích lệ vì sự cố gắng.

Từ những đặc điểm đó trong dạy học giáo viên cần phải hướng sự tự ý thức của các em vào hình thành động cơ và hứng thú học tập, luôn tạo cơ hội để SV khẳng định mình, tạo cơ hội để SV có được thành công trong học tập. Từ đó phát triển năng lực tự

học của họ, xây dựng hứng thú, niềm tin, để SV có thái độ đúng đắn, xây dựng hứng thú ổn định. Việc này ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả, hiệu quả học tập của sinh viên.

Đối tượng hứng thú học tập của học sinh

Hứng thú luôn có đối tượng xác định. Hứng thú của con người đa dạng như thế giới xung quanh. Hứng thú của mỗi cá nhân chính là cái gì có ý nghĩa, quan trọng, có giá trị đối với chính cá nhân đó. Có người hứng thú với lĩnh vực này, người lại hứng thú với lĩnh vực khác. Trong mỗi lĩnh vực lại có sự phân hóa nhỏ hơn của hứng thú. Như trong lĩnh vực thể thao có người lại hứng thú với riêng bóng đá. Đối tượng hứng thú nhận thức một môn khoa học là đối tượng của hoạt động nhận thức môn học đó. Đối tượng hứng thú học tập một môn học là đối tượng của hoạt động học tập môn học đó.

Sự cần thiết của hứng thú đối với quá trình học tập

Bất cứ trong công việc gì nếu có hứng thú làm việc, con người có cảm giác dễ chịu với hoạt động đó, làm nảy sinh khát vọng hành động, nảy sinh hành động sáng tạo. Ngược lại, nếu không có hứng thú sẽ nảy sinh cảm xúc tiêu cực.

Các nhà tâm lí học cho rằng:
Không có hứng thú nào được phát

triển cao kể cả hứng thú nhận thức lại không buộc chủ thể phải hành động tích cực để chiếm lĩnh đối tượng hứng thú

Hứng thú học tập của SV kích thích tính tích cực của trí tuệ, sự nỗ lực hành động trong hoạt động học tập, tạo nên động cơ kích thích SV chiếm lĩnh, lĩnh hội tri thức và tìm những nguồn mới của nội dung học tập. Theo đó SV chủ động tìm hiểu bản chất của các đối tượng nhận thức.

Giáo dục hứng thú phải gắn liền với đổi mới phương pháp dạy học. Giáo dục hứng thú tạo tiền đề cho cách dạy phát hiện vấn đề. SV không phát hiện vấn đề khi không tích cực hoạt động, tích cực tư duy. Quá trình học tập dựa trên hứng thú SV không những nắm được nội dung kiến thức mà còn tạo nên thái độ tốt của cá nhân với học tập. Người học thấy quá trình học tập là hoạt động dễ chịu, vui sướng.

Thực tiễn cho thấy rằng thiếu hứng thú học tập là nguyên nhân dẫn đến kết quả yếu kém trong học tập. Từ đó quá trình học tập là quá trình đối phó, nảy sinh tiêu cực.

Hứng thú có ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống và hoạt động của con người. Hứng thú có vai trò to lớn đối với sự phát triển nhân cách. Do đó giáo dục có nhiệm vụ quan trọng là phải hình thành và phát triển hứng thú

ở người học. Hứng thú nhận thức là điều kiện cần thiết để học tập tích cực, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học.

Các hình thức phân loại hứng thú nhận thức:

Về phương diện nội dung, các nhà tâm lý học phân biệt 3 cấp độ:

- Cấp độ 1: Đây là cấp độ đầu tiên của hứng thú nhận thức thể hiện trong hứng thú những sự kiện mới, xuất hiện trong một thôn tin đã hoàn thành mà học sinh nhận được trong tiết học.

- Cấp độ 2: Thể hiện hứng thú nhận thức các thuộc tính bản chất của các đối tượng và hiện tượng, ở những gì làm rõ bản chất sâu xa.

- Cấp độ 3: Học sinh cảm thấy hứng thú ở những mối quan hệ nhân quả; Phát hiện ra các quy luật của đối tượng

Về phương diện biểu hiện:
Phân biệt 2 loại

- Hứng thú kết quả của nhận thức: Học sinh cảm thấy hứng thú học tập khi họ đạt kết quả tốt, được điểm cao, giáo viên khen ngợi

- Hứng thú phương pháp nhận thức: Học sinh cảm thấy hứng thú với các kiến thức mới, thú vị, lời giải hay, ngắn gọn, dễ hiểu, phương pháp giải quyết bất ngờ độc đáo. Các em luôn tìm phương pháp mới để giải quyết vấn đề.

Về phương diện cường độ:
Hứng thú thụ động (hứng thú tạm thời) và hứng thú chủ động (Hứng thú tường xuyên)

Về phương diện hướng:

Hứng thú bên ngoài (Hứng thú gián tiếp) Là hứng thú do các yếu tố bên ngoài gián tiếp, liên quan đến đối tượng của hoạt động. Ví dụ hứng thú học tập vì phần thưởng nếu đạt kết quả thành tích tốt.

Hứng thú bên trong (trực tiếp): Hứng thú với nội dung tri thức, và việc vận dụng các tri thức đó

2. Một số phương thức bồi dưỡng hứng thú học tập cho Sinh viên trường Đại học kinh tế Nghệ an.

Tác giả mạnh dạn đưa ra các phương thức sau:

2.1. Lựa chọn hệ thống bài tập phù hợp. Tạo nhiều tình huống để SV đưa ra các kết quả bài tập, dự đoán đưa ra các bài tập mới dựa trên hoạt động trí tuệ bằng các thao tác tư duy

2.2. Khai thác tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh tế xã hội liên quan đến nội dung giảng dạy cho ngành nghề đào tạo nhằm tạo ấn tượng cho SV

2.3. Gợi động cơ làm cho SV nhận thức được họ cần phải học, họ thấy mình thực sự đang thiếu kiến

thức mới liên quan đến ngành nghề đào tạo

2.4. Gợi động cơ thành công, củng cố niềm tin cho SV dựa trên kết quả học tập của bản thân.

- Khắc phục và sửa chữa sai lầm

- Tạo chương ngại cho SV khắc phục, tập cho SV biết chuyển hóa tư duy từ đối tượng này sang đối tượng khác.

- Trình bày con đường tìm kiếm kiến thức, quá trình tìm tòi suy nghĩ kể cả những thất bại cho SV

- Dạy học lưu ý nguyên tắc vừa sức, phân hóa nội tại

- Đánh giá đúng mức và thường xuyên

2.5. Tăng cường ứng dụng các phần mềm liên quan đến môn học

- SPSS.: Đây là phần mềm chuyên dụng xử lý các số liệu sơ cấp

- EVIEWS: Đây là phần mềm chuyên dụng xử lý các số liệu thứ cấp

Trong khuôn khổ bài viết cho một tập san. tác giả mạnh dạn đưa ra một số vấn đề về lý luận cũng như đề xuất các phương thức bồi dưỡng hứng thú học tập cho sinh viên trường Đại học Kinh tế Nghệ an. Qua bài viết này tác giả mong nhận được nhiều ý kiến trao đổi..

SỰ SÁNG TẠO CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ KINH TẾ - GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VẤN ĐỀ NÀY Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Quốc Sơn

TP. CT Học sinh – Sinh viên

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà chính trị nhưng Người đã quan tâm rất nhiều về kinh tế. Tư tưởng kinh tế của Người cơ bản là tư tưởng kinh tế - chính trị. Trên cương vị lãnh đạo đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra những quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển kinh tế ở một nước nông nghiệp lạc hậu quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Những quan điểm này là một bộ phận đặc sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh và vẫn giữ nguyên giá trị chỉ đạo đối với chúng ta trong công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế trong thời kỳ quá độ được hình thành chủ yếu từ khi miền Bắc nước

ta đang bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1954). Tuy nhiên, nhiều ý kiến chỉ đạo về kinh tế của Người trong thời kỳ kháng chiến (1946 - 1954), xét về tính chất cũng rất phù hợp với thời kỳ quá độ. Nếu thời kỳ quá độ được đánh dấu từ khi Đảng của giai cấp công nhân giành được chính quyền, xây dựng và cải tạo đất nước theo con đường của chủ nghĩa xã hội thì chế độ dân chủ nhân dân cũng có thể xem là một giai đoạn quá độ trong thời kỳ quá độ.

Nghiên cứu tư tưởng kinh tế của Hồ Chí Minh, chúng tôi thấy ở Người có những tư duy lý luận nổi bật, thể hiện sự sáng tạo vượt khỏi nhận thức của các nhà lý luận đương thời. Nói là những điểm nổi bật, sáng tạo vì đó là những vấn đề lớn, có liên

quan đến việc xác định đường lối kinh tế của nước ta, được Người nêu ra sớm hơn, khác hơn và phù hợp với thực tế hơn so với những quan điểm lý luận đương thời.

Có thể thấy rõ những luận điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về kinh tế bao hàm những nội dung cốt yếu sau đây:

1. Tư tưởng thực hiện chiến lược mở cửa nền kinh tế

Tư tưởng thực hiện chiến lược mở cửa nền kinh tế vượt thời đại của Hồ Chí Minh, được hình thành ở Người từ rất sớm. Ngay từ năm 1919, trong một bài báo đăng trên báo Người cùng khổ, Người đã viết: “Xét về nguyên tắc tiến bộ chung thuộc vào việc phát triển chủ nghĩa quốc tế; và văn minh chỉ có lợi cho các quan hệ quốc tế mở rộng, và tăng cường”⁵. Tư tưởng này về sau được cụ thể hóa trong bức thư gửi Liên hợp quốc với tư cách là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau khi đất nước mới giành được độc lập: “Đối với các nước nước dân chủ, Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực:

a) Nước Việt Nam giành sự tiếp nhận thiện lợi cho các nhà đầu tư của tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình.

b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế.

c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc.

d) Nước Việt Nam ký kết với các lực lượng hải quân, lục quân trong khuôn khổ của Liên hợp quốc những hiệp định an ninh đặc biệt và những hiệp ước liên quan đến việc sử dụng một vài căn cứ hải quân và không quân.

Trong cuộc đấu tranh về quyền thiêng liêng của mình, nhân dân Việt Nam có một niềm tin sâu sắc rằng họ cũng chiến đấu cho sự nghiệp chung: Đó là sự khai thác tốt đẹp những nguồn lợi kinh tế và một tổ chức có hiệu quả cho an ninh ở Viễn Đông”⁶

Phải nói rằng, vào năm 1946, với những quan điểm trên đây, tư duy độc lập của Hồ Chí Minh đã đạt đến tầm hiện đại, xuyên thế kỷ XX. Từ chiến tranh thế giới thứ hai, mặc dù tình hình diễn biến phức tạp, thế giới chia thành hai phe, Hồ Chí Minh vẫn tìm mọi cách mở rộng quan hệ với các nước vừa để tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của các nước bạn cho sự nghiệp xây dựng CNXH ở miền Bắc, đồng thời cũng để xây dựng mặt trận nhân

dân thể giới ủng hộ Việt Nam đấu tranh thống nhất nước nhà. Vì vậy, Hồ Chí Minh có cách xử lý riêng với từng đối tác theo từng vị trí địa lý, quan hệ chính trị, lịch sử, để từ đó vạch ra chính sách đối ngoại là cơ sở cho việc mở rộng quan hệ đối ngoại

Vào đầu thế kỷ XX đã có tư duy mở của nền kinh tế, lại thấy vai trò to lớn của Liên hợp quốc trong việc đảm bảo an ninh cho nền kinh tế của một quốc gia - một tư duy hiện đại cả với ngày nay - rõ ràng đó là một tư duy có tầm nhìn xa, trông rộng.

Với cương vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh đã rất nhạy bén và sáng tạo trong việc mở rộng quan hệ của nước Việt Nam độc lập với những nước lớn. Ngày 1 - 11- 1945, Người đã gửi thư cho Bộ trưởng Bộ ngoại giao Hoa Kỳ, đề nghị “Gửi một phái đoàn khoảng 50 thanh niên Việt Nam sang Mỹ với ý định một mặt thiết lập những mối quan hệ văn hóa thân thiết với thanh niên Mỹ, và mặt khác đề xúc tiến việc tiếp tục nghiên cứu về kỹ thuật, nông nghiệp cũng như các lĩnh vực chuyên môn khác”³. Trong bức thư đó Người còn nói rõ thêm quan điểm của thanh niên trí thức Việt Nam: “Trong suốt nhiều năm nay họ quan tâm sâu sắc đến các vấn đề của nước Mỹ và mong muốn tạo được

mối quan hệ với nhân dân Mỹ là những người mà lập trường cao quý với những ý tưởng cao thượng về công lý và nhân bản quốc tế và những thành tựu kỹ thuật hiện đại của họ đã có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với giới trí thức Việt Nam”⁴. Tầm nhìn đó của Người về mở rộng quan hệ của Việt Nam là rất sớm và rất cởi mở.

Ngay sau khi giành được độc lập, trong nước còn bề bộn công việc: Ở miền Bắc, quân Tưởng kéo vào quấy phá với âm mưu “diệt Cộng cầm Hồ”, bọn phản động Việt quốc, Việt cách tìm mọi cách để chống phá cách mạng; ở miền Nam, quân Anh vào giải giáp quân Nhật cũng với âm mưu tương tự. Mặc dù vậy, Hồ Chí Minh vẫn sang Pháp và ở đó hàng tháng trời với mục tiêu dùng uy tín và tài ngoại giao của mình vận động các lực lượng hòa bình của nước Pháp vừa nhằm ngăn chặn một cuộc chiến tranh có nguy cơ xảy ra, vừa xây dựng một quan hệ tốt đẹp với nước Pháp, với châu Âu. Trong thời gian ở Pháp, Hồ Chí Minh đã nhiều lần nêu rõ quan điểm của mình về quan hệ Việt - Pháp. Người nói: “Việt Nam đòi quyền độc lập. Độc lập không có nghĩa là đoạn tuyệt với Pháp...về mặt kinh tế và văn hóa, Việt Nam vui lòng cộng tác với Pháp...Việt Nam cần nước Pháp, nước Pháp cũng cần Việt Nam”⁵

Mặc dù đang đứng trước những vấn đề cấp bách cần được giải quyết, Hồ Chí Minh vẫn nhìn thấy rõ là sau chiến tranh cần phải có sự hợp tác và quan hệ hữu nghị với các nước để giúp vào việc phát triển các vùng nghèo đói và bị bóc lột trên thế giới, chia sẻ với họ thành tựu của nền văn hóa, kỹ thuật cũng như mọi kinh nghiệm. Tiếc rằng, do tình hình phức tạp của thế giới trong thời kỳ chiến tranh lạnh, đường lối mở của nền kinh tế mà Hồ Chí Minh ý thức rất sớm trên đây đã không có điều kiện thực hiện đầy đủ.

2. Nhấn mạnh vai trò cực kỳ quan trọng của nông nghiệp trong một nước có nền kinh tế nông nghiệp như ở Việt Nam

Chỉ vài tháng sau khi giành được độc lập, trong thư Gửi điền chủ nông gia Việt Nam ngày 11 - 4 - 1946, Người đã viết: “Việt Nam là một nước sống về nông nghiệp. Nền kinh tế của nước ta lấy canh nông làm gốc. Trong công cuộc xây dựng nước nhà, Chính phủ trong mong và nông dân, trồng cây vào nông nghiệp một phần lớn. Nông dân ta giàu thì nước ta giàu, nông nghiệp ta thịnh thì nước ta thịnh”⁶

Trong giai đoạn lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Hồ Chí Minh cho rằng vai trò của sản

xuất nông nghiệp có ý nghĩa đối với sự thành bại của kháng chiến. Nông nghiệp, nông thôn lúc bấy giờ có thể nói là toàn bộ hậu phương của cuộc kháng chiến, Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc đến câu châm ngôn “thực túc binh cường”. Ngay khi cuộc kháng chiến bắt đầu nổ ra, Hồ Chí Minh đã nhận định để kháng chiến chóng thành công thì phải tích cực phát triển nông nghiệp làm cơ sở, làm hậu phương cho tiền tuyến lớn. Từ năm 1949 Người đã chỉ rõ: “Mặt trận kinh tế gồm có công nghệ, buôn bán, nông nghiệp. Ngành nào cũng quan trọng cả. Nhưng lúc này quan trọng nhất là nông nghiệp vì “có thực mới vực được đạo”. Có đủ cơm ăn, áo mặc cho bộ đội và nhân dân thì kháng chiến mới mau thắng lợi, thống nhất và độc lập mới thành công”.⁷

Khi bước vào thực hiện 5 năm kế hoạch lần thứ nhất, kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh vẫn nhắc: “Muốn phát triển công nghiệp, muốn phát triển kinh tế nói chung phải lấy phát triển nông nghiệp làm gốc, làm chính”⁸. Đặc biệt là, trong bài nói chuyện tại Hội nghị TW 7 Khóa III, Người tiếp tục khẳng định: Phát triển nông nghiệp là cực kỳ quan trọng. Không phải ngẫu nhiên mà khi bàn về cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nhất là trong một hội nghị bàn

về phát triển công nghiệp, về công nghiệp hóa, Hồ Chí Minh lại nhắc nhở đến vai trò quan trọng của nông nghiệp. Trong nhiều lần khác, Hồ Chí Minh đã nhắc đến vai trò quan trọng của nông nghiệp. Người coi nông nghiệp cùng với công nghiệp như hai chân của nền kinh tế: “Công nghiệp và nông nghiệp như hai chân của con người. Hai chân có mạnh thì đi mới vững chắc, nông nghiệp không phát triển thì công nghiệp cũng không phát triển được...”⁹

Học tập và làm theo tư tưởng của Người, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Đó là những cơ hội khách quan do công cuộc đổi mới đem lại, còn điều kiện chủ quan của từng gia đình, từng tầng lớp xã hội có khả năng tiếp nhận, biến cơ hội thành hiện thực lại rất khác nhau. Nếu thiếu những giải pháp sớm tạo ra sự bình đẳng để nông dân, nhất là các hộ nghèo, thực sự nắm bắt được cơ hội vươn lên thì sẽ làm nảy sinh những phân hoá, bất công lớn mà hậu quả lâu dài sẽ không nhỏ.

3. Nhấn mạnh vai trò của công nghiệp nặng

Thể hiện quan điểm về đường lối phát triển kinh tế, Hồ Chí Minh rất coi trọng vai trò của công nghiệp hóa trong việc phát triển nền kinh tế nước

nhà. Người đã từng nói: “hiện nay, chúng ta lấy sản xuất nông nghiệp làm chính...nhưng công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa vẫn là mục tiêu phấn đấu chung, là con đường no ấm thật sự của nhân dân”¹⁰

Về đường lối công nghiệp hóa, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng vai trò của công nghiệp nặng. Tại Hội nghị của Bộ Công nghiệp nặng, ngày 13 - 12 - 1964, Người còn nhấn mạnh thêm vai trò của công nghiệp nặng: “Nhiệm vụ công nghiệp nặng rất nặng nề nhưng rất vẻ vang. Để nâng cao không ngừng đời sống nhân dân, để xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải quyết tâm phát triển tốt công nghiệp nặng”¹¹. Coi trọng công nghiệp nặng đến mức Người đặt cụm từ công nghiệp nặng bên cạnh cụm từ công nghiệp hóa như đồng nghĩa: “Muốn đảm bảo đời sống sung sướng mãi mãi, phải công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, phải xây dựng công nghiệp nặng”¹²

Tuy nhiên, dù rất đề cao vai trò của công nghiệp nặng, chúng ta vẫn thấy rõ ở Người một quan điểm phù hợp với một nước nông nghiệp, kém phát triển và còn nghèo phát triển như nước ta: là sự phát triển công nghiệp nặng trước hết phải xuất phát từ đòi hỏi của sự phát triển nông nghiệp.

4. Quan điểm về kế hoạch hóa của nền kinh tế quốc dân

Trả lời phỏng vấn của phóng viên hãng thông tấn xã Pháp vào cuối năm 1954, Hồ Chí Minh đã nói: “ở thời đại chúng ta, tôi nghĩ rằng, bất cứ nền kinh tế nào dù ít hay nhiều cũng ít hay nhiều cũng phải kế hoạch hóa”¹³. Chúng ta biết rằng, vào những năm 1950, 1960 và cả những năm 70 của thế kỷ XX, ở Việt Nam và các nước xã hội chủ nghĩa đều quan niệm rằng, nền kinh tế kế hoạch hóa là đặc trưng riêng có của chủ nghĩa xã hội. Lúc đó nhiều người quan niệm rằng nền kinh tế tư bản chủ nghĩa dựa trên sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, tất yếu phát triển tự do vô chính phủ. Lúc đó trong nhiều sách giáo khoa kinh tế chính trị còn nói đến một mâu thuẫn trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, đó là tính kế hoạch hóa sản xuất trong từng xí nghiệp và tính vô chính phủ trong toàn xã hội. Từ những nhận thức đó, nói đến chủ nghĩa tư bản là người ta nói đến tính tự do, vô chính phủ của nền kinh tế. Vì vậy, Hồ Chí Minh khẳng định: “bất cứ nền kinh tế nào dù ít hay nhiều cũng ít hay nhiều cũng phải kế hoạch hóa” vào thời điểm cuối 1954 thực sự thể hiện tư duy lý luận sâu sắc, vượt thời đại. Điều đó chứng tỏ rằng Hồ Chí Minh có một nhãn quan khoa học, độc lập, không chịu tác động bởi tư duy giáo điều đang chi phối quan điểm và nhận

thức của đại đa số các nhà khoa học và quản lý lúc đó.

Giá trị lý luận và thực tiễn

Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta đang đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước, chúng ta đang đang tiến hành mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế... những luận điểm nổi bật thể hiện sự sáng tạo của tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh thì lại càng được phát huy hơn bao giờ hết, những luận điểm sáng tạo ấy của Người tiếp tục đóng vai trò kim chỉ nam để Đảng ta đề ra đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Như chúng ta đã biết, nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu. Để phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, Đảng ta đang từng bước xây dựng cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng tỷ trọng và số lượng lao động công nghiệp và dịch vụ ngày càng mở rộng, tỷ trọng và số lượng lao động nông nghiệp ngày càng thu hẹp. Mặc dù vậy, do đặc điểm về điều kiện tự nhiên nên đối với nước ta nông nghiệp vẫn giữ một vị trí quan trọng và quan điểm lấy “nông nghiệp làm gốc” của Bác vẫn còn nguyên giá trị. Vấn đề phát triển nông nghiệp vẫn được Đảng ta hết sức coi trọng. Sở dĩ như vậy là vì nước ta là một nước có thế mạnh về nông nghiệp, nhưng sản

phẩm từ nông nghiệp trở thành những thứ hàng hóa để bán ra thị trường thế giới mà không phải quốc gia nào cũng có được, điều này không chỉ góp phần nâng cao tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu cho đất nước ta mà còn đóng góp một phần lớn vào việc bảo đảm an ninh lương thực thế giới và đất nước. Tư tưởng nóng vội đi lên công nghiệp, chưa coi trọng nông nghiệp đúng mức của Đảng ta những năm trong thời bao cấp hậu quả là nền kinh tế nước ta trong những năm đó vô cùng khó khăn, thiếu thốn. Thực tế đó đã để lại cho Đảng ta một bài học lớn là từ một điểm xuất phát thấp đi lên chủ nghĩa xã hội như nước ta thì không thể xem nhẹ nông nghiệp. Đến đây tư tưởng lấy “nông nghiệp làm gốc” của Hồ Chí Minh được Đảng ta vận dụng và phát huy cao độ. Đại hội VI (1986) của Đảng xác định đổi mới toàn diện, trong đó lấy đổi mới tư duy kinh tế làm trọng tâm. Thực hiện nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Để khắc phục sự khó khăn thiếu thốn về lương thực và hàng hóa, những năm đầu của thời kỳ đổi mới Đảng ta đề ra 3 chương trình kinh tế lớn: Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước ta chủ trương mở rộng khoán

trong nông nghiệp, phát huy vai trò làm chủ cho nông dân. Chính sách khoán trong nông nghiệp đã trở thành đòn bẩy kích thích nông dân hăng hái lao động sản xuất. Kết quả là chỉ sau 3 năm (đến năm 1989) thực tiễn đường lối đổi mới đất nước ta đã khắc phục được sự thiếu đói. Từ năm 1989, Việt Nam đã có lúa gạo xuất khẩu, từ chỗ không những có lúa gạo xuất khẩu mà còn trở thành một nước xuất khẩu gạo lớn nhất nhì thế giới trong nhiều năm liền. Bên cạnh xuất khẩu gạo, Việt Nam còn có nhiều hàng nông sản khác để xuất khẩu có giá trị. Hiện nay nước ta đang thực hiện nền kinh tế thị trường, chúng ta đang mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, nhận thức được lợi thế so sánh của nước ta so với các nước khác trên thế giới, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục có những chủ trương, chính sách quan tâm hơn về nông nghiệp như miễn thuế nông nghiệp cho nông dân, tạo điều kiện cho nông dân vay vốn để sản xuất nông nghiệp, chuyển giao khoa học, kỹ thuật cho nông dân, định hướng đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp... tất cả những việc làm ấy nhằm nâng cao năng suất, sản lượng nông nghiệp, và nâng cao sức cạnh tranh của hàng nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Bên cạnh việc nhấn mạnh tầm quan trọng của nông nghiệp, Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh tầm quan trọng

của công nghiệp, Người xem nông nghiệp và công nghiệp là hai chân của nền kinh tế. Trong giai đoạn ngày nay, đối với nước ta, mặc dù đất nước đã trải qua nhiều năm cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội nhưng vì xuất phát từ một nước nông nghiệp lạc hậu nên ngành công nghiệp ở nước ta vẫn còn thấp kém. So sánh tỷ trọng giữa công nghiệp và nông nghiệp vẫn chưa chênh lệch nhau đáng kể trong khi xu thế của các nước trên thế giới là chuyển dịch cơ cấu của nền kinh tế phát triển theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ. Từ xu thế của thế giới, từ quan điểm coi trọng công nghiệp của Hồ Chí Minh, trong giai đoạn hiện nay Đảng ta đã hết sức quan tâm đến công nghiệp, chúng ta đang đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, nhằm từng bước phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

Từ quan điểm nhấn mạnh tầm quan trọng trong việc xây dựng cơ cấu nhiều thành phần kinh tế, mở cửa nền kinh tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh, bắt nhịp với xu thế của thời đại, Đảng ta đã chủ trương mở cửa nền kinh tế. Đảng ta đã từng bước thay đổi tư duy trong việc xác đường lối đối ngoại theo hướng ngày càng rộng mở đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại và không ngừng mở rộng đường lối đối ngoại theo phương

châm tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Mức độ hội nhập của đất nước ta ngày càng sâu rộng. Kết quả là sau hơn 20 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trên nhiều mặt. Vị thế của nước ta trên trường quốc tế ngày càng được đặt ở vị trí quan trọng, đất nước ta đã được nhiều nước trên thế giới tin tưởng và gửi gắm nhiều công việc trọng trách của quốc tế. Ngày nay, xu thế chung của thế giới là mở cửa, hội nhập, chúng ta muốn phát triển thì cũng không thể đứng ngoài xu thế đó.

Tóm lại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi xa, nhưng hệ thống quan điểm của Người về cách mạng Việt Nam vẫn còn nguyên giá trị. Những quan điểm của Người không chỉ soi sáng cho với cách mạng Việt Nam mà còn là tài sản vô giá, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của nhân loại. Trong hệ thống quan điểm đó, những quan điểm sáng tạo của Người trên lĩnh vực kinh tế vẫn còn nguyên giá trị, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, vẫn là cơ sở lý luận hết sức quan trọng để Đảng ta hoạch định đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chúng ta tin tưởng rằng, có lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh làm nền tảng và kinh chỉ nam cho hành động thì cách mạng Việt Nam nói chung và nền kinh tế của

nước ta nói riêng sẽ ngày càng phát triển.

CHÚ THÍCH

1. Hồ Chí Minh, *toàn tập*, tập 1, tr.9
2. Hồ Chí Minh, *toàn tập*, tập 4, tr.479
3. Hồ Chí Minh, *toàn tập*, tập 4, tr.80
4. Hồ Chí Minh, *toàn tập*, tập 4, tr.80
5. Hồ Chí Minh, *toàn tập*, tập 4, tr.369
13. Hồ Chí Minh, *toàn tập*, tập 7, tr.380

6. Hồ Chí Minh, *toàn tập*, tập 4, tr.215
7. Hồ Chí Minh, *toàn tập*, tập 5, tr.687
8. Hồ Chí Minh, *toàn tập*, tập 10, tr.180
9. Hồ Chí Minh, *toàn tập*, tập 10, tr.619
10. Hồ Chí Minh, *toàn tập*, tập 10, tr.41
11. Hồ Chí Minh, *toàn tập*, tập 11, tr.352
12. Hồ Chí Minh, *toàn tập*, tập 10, tr.159

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH ĐỊNH GIÁ ĐẤT ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

Th.S Đinh Văn Tới

GD TT Tin học – Ngoại ngữ

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghệ An là một tỉnh nghèo so với cả nước; thu ngân sách của tỉnh chưa đáp ứng đủ cho chi thường xuyên và chi cho đầu tư phát triển. Trong điều kiện đó tiền sử dụng đất là nguồn thu rất quan trọng giúp cho bổ sung vào nguồn Ngân sách Tỉnh. Thực tế cho thấy trong những năm qua tiền sử dụng đất thường chiếm hơn 30% tổng thu nội địa của tỉnh Nghệ An. Khai thác quỹ đất để tăng nguồn thu cho Ngân sách Tỉnh là một mục tiêu trong phát triển kinh tế của Tỉnh, trong đó các dự án sử dụng đất để xây dựng các khu đô thị, khu chung cư, căn hộ liền kề, ... rất được quan tâm ưu tiên phát triển. Phát triển các dự án khu đô thị ngoài việc thu tiền sử dụng đất để bổ sung ngân sách

thì nó còn giúp phát triển cơ sở hạ tầng, ổn định nguồn cung về nhà ở, đất ở, đảm bảo công ăn việc làm và góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh những thành công trong phát triển các dự án sử dụng đất, quá trình thực hiện cho thấy còn có những bất cập cần được hoàn thiện: Các khu đất để phát triển dự án các khu đô thị, khu chung cư, căn hộ liền kề, ... thường chỉ có một chủ đầu tư thực hiện lập dự án xin giao đất nên không tổ chức đấu thầu vì vậy làm mất tính cạnh tranh cũng như thiếu khách quan trong đầu tư dự án; quá trình định giá đất (ĐGD) chủ yếu sử dụng phương pháp so sánh nhưng không có sự hiệu chỉnh phù hợp do đó kết quả ĐGD chưa sát với giá thị trường cũng như chưa tính đến khả

năng sử dụng tối ưu nhất của khu đất thực hiện dự án; bộ máy ĐGD công kênh, quy trình định giá thiếu khoa học, lãng phí và mất thời gian làm ảnh hưởng đến tiến độ của các dự án.

Từ những lý do trên, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách ĐGD đối với các dự án trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Tình hình thực hiện các dự án sử dụng đất

Hiện nay, thu tiền sử dụng đất là nguồn thu rất quan trọng giúp cho bổ sung vào nguồn Ngân sách Tỉnh, chiếm hơn 30% tổng thu nội địa hàng năm. Khai thác quỹ đất để tăng nguồn thu cho Ngân sách Tỉnh là một mục tiêu trong phát triển kinh tế của Tỉnh. Để khai thác quỹ đất có hiệu quả, các dự án sử dụng đất để xây dựng các khu đô thị, khu chung cư, căn hộ liền kề, ... rất được quan tâm ưu tiên phát triển, bởi phát triển các dự án khu đô thị ngoài việc thu tiền sử dụng đất để bổ sung ngân sách thì nó còn giúp phát triển cơ sở hạ tầng, tiết kiệm quỹ đất, ổn định nguồn cung về nhà ở, đất ở, đảm bảo công ăn việc làm và góp phần phát triển kinh tế xã hội. Từ 2010 đến 2012 trên địa bàn tỉnh Nghệ An có 20 dự án đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu chung cư, nhà liền kề với tổng diện tích gần 270 ha.

2.2. Tình hình nộp tiền sử dụng đất

Trong thời gian qua, mặc dù các dự án sử dụng đất thực hiện trên địa bàn tỉnh Nghệ An được tạo điều kiện thuận lợi tối đa nhất về cơ chế ưu đãi, về giá đất, về thủ tục hành chính nhưng nhìn chung tiến độ nộp tiền sử dụng đất của các dự án rất chậm. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, các chủ dự án đã nộp vào ngân sách Tỉnh số tiền trên 750 tỷ đồng (trong khi tổng số tiền phải nộp là gần 960 tỷ đồng). Tình trạng chậm nộp tiền sử dụng đất có thể nói là tình trạng chung của các dự án sử dụng đất trên toàn quốc, vì đối với các nhà đầu tư càng chậm nộp thì họ càng có lợi. Tuy nhiên, ở Nghệ An nguyên nhân gây ra chậm nộp tiền còn do năng lực tài chính hạn chế, không đủ khả năng để thực hiện dự án. Hiện nay các chủ đầu tư chỉ nộp một phần nhỏ để đối phó với các cơ quan quản lý nhà nước và dư luận địa phương, phần còn lại có thể chỉ được nộp khi thị trường bất động sản nóng trở lại hoặc chủ đầu tư có thể sang nhượng cho người có năng lực thực sự để kiếm lời.

2.3. Thực trạng công tác ĐGD các dự án sử dụng đất

2.3.1. Quy định của tỉnh Nghệ An về ĐGD

Ngoài việc áp dụng các quy định của Trung ương về quản lý đất đai, ĐGD, để cụ thể hóa các quy định liên quan đến công tác ĐGD các dự

án trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật cũng như các văn bản chỉ đạo điều hành, giúp cho công tác ĐGD được thực hiện đúng quy định, phù hợp với thực tế địa phương. Bên cạnh đó hàng năm UBND tỉnh đã ban hành kịp thời bảng giá các loại đất cho từng phường, xã, thị trấn trong tỉnh để áp dụng từ 01 tháng 01 hàng năm. Về cơ bản mức giá đất tại bảng giá đã dung hòa được các mục đích theo quy định, đảm bảo sự công bằng giữa quyền lợi và nghĩa vụ của người dân. Bảng giá đất được ban hành công khai, rõ ràng, dễ hiểu, dễ áp dụng.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được trên, công tác chỉ đạo điều hành cũng như việc ban hành bảng giá các loại đất vẫn còn nhiều bất cập, cụ thể như sau:

- Trong phân công trách nhiệm tham mưu vẫn còn chồng chéo trách nhiệm của Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Mức giá đất phi nông nghiệp vẫn còn có sự chênh lệch giữa các lô thửa có vị trí và cơ sở hạ tầng tương đương trong cùng địa phương;

- Nhiều lô, thửa đất chưa được xây dựng giá hoặc xây dựng giá chưa phù hợp với thực tế sử dụng đất; ở một số địa phương mức giá còn quá thấp so với giá thị trường;

- Phương pháp xác ĐGD đối với thửa đất có chiều sâu bám đường lớn hơn 30m chưa có cơ sở khoa học.

2.3.2. Thực trạng công tác ĐGD của các dự án sử dụng đất

2.3.2.1. Trình tự ĐGD

Trình tự thực hiện công tác ĐGD các dự án trên địa bàn tỉnh Nghệ An cụ thể như sau:

- Sau khi khu đất được giải phóng mặt bằng, Chủ đầu tư có Công văn đề nghị Sở Tài chính xác định giá khu đất.

- Sau khi nhận được Công văn đề nghị xác định giá của Chủ đầu tư, Sở Tài chính tiến hành kiểm tra giá đất trong bảng giá các loại đất; khảo sát giá thị trường khu vực tại thời điểm; chia khu đất cần định giá ra các lớp khác nhau theo các vị trí bám đường; định giá 20m đầu bám đường (Vị trí 1) của khu đất; xác ĐGD các vị trí còn lại theo tỷ lệ so với 20m đầu bám đường gửi Sở Tài nguyên và Môi trường xin ý kiến.

- Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra mức giá đề xuất của cơ quan trên, khảo sát giá đất thị trường tại thời điểm, xác định giá khu đất (bao gồm giá của từng phần diện tích đất theo kết quả cắt lớp của Sở Tài chính và giá bình quân toàn bộ khu đất) trả lời Sở Tài chính.

- Sau khi nhận được ý kiến về mức giá của Sở Tài nguyên và Môi

trường, Sở Tài chính có Công văn trình Hội đồng Tư vấn định giá đất Tỉnh, UBND tỉnh.

- Hội đồng ĐGD tỉnh Nghệ An tổ chức họp bàn mức giá khu đất và trình UBND tỉnh Nghệ An giá bình quân của khu đất.

- UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt giá bình quân của khu đất để làm căn cứ thu tiền sử dụng đất của nhà đầu tư

2.3.2.2. Căn cứ ĐGD

- Căn cứ vào thị trường:

Theo quy định của Nhà nước thì giá đất phải được định sát với thị trường, vì vậy giá cả thị trường là căn cứ quan trọng để thực hiện ĐGD thu tiền sử dụng đất các dự án trên địa bàn tỉnh Nghệ An, trong điều kiện giá đất trên thị trường có biến động mạnh thì giá đất cũng được xác định theo biến động của thị trường một cách phù hợp.

- Mức giá quy định tại bảng giá đất được UBND tỉnh Nghệ An công bố hàng năm:

Trong điều kiện bình thường như các năm gần đây (không có sự biến động giảm về giá đất trên thị trường) thì mức giá đất được quy định trong bảng giá các loại đất là mức giá tối thiểu dùng để so sánh với mức giá khu đất cần định giá. Giá đất của các dự án được xác định không được thấp hơn giá đất cùng mục đích sử dụng

của các khu đất có vị trí tương đương quy định tại bảng giá đất công bố ngày 01 tháng 01 hàng năm .

- Vị trí của khu đất:

Khả năng sinh lời do yếu tố vị trí khu đất mang lại càng cao thì giá trị của khu đất càng lớn. Những khu đất nằm tại trung tâm đô thị hay một vùng nào đó sẽ có giá trị lớn hơn những bất động sản nhà đất cùng loại nằm ở các vùng ven trung tâm. Những khu đất nằm tại các ngã 4 hay ngã 3 các trục lộ giao thông quan trọng được xác định mức giá cao hơn ít nhất là 10% so với mức giá đất các vị trí liền kề trên cùng tuyến đường .

III. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT

3.1. Định hướng sử dụng đất

3.1.1. Áp lực của phát triển kinh tế xã hội đối với sử dụng đất đai

Trong những năm tới dân số Nghệ An tiếp tục tăng theo quy luật chung. Áp lực của sự gia tăng dân số đối với việc sử dụng đất cũng tăng theo do lấy đất dùng vào xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống.

Để đạt được mục tiêu cơ cấu kinh tế như phương hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đề ra thì các cơ sở kinh tế công nghiệp và dịch vụ phải có quỹ đất tương đối lớn để xây dựng các công trình sản xuất. Ngoài việc tận dụng các cơ sở sản xuất công

ng nghiệp và cấu trúc hạ tầng hiện có để cải tạo mở rộng thì cũng vẫn lấy vào đất nông nghiệp. Do đó việc xây dựng và phát triển các công trình trong thời gian tới phải hết sức tiết kiệm đất theo hướng sử dụng triệt để không gian.

Để thu hút lực lượng lao động sử dụng vào các lĩnh vực kinh tế công nghiệp và dịch vụ thì hệ thống đô thị và các điểm dân cư sẽ tiếp tục mở rộng với tốc độ lớn. Sự phát triển không thể tránh làm mất đất nông nghiệp.

Để nền kinh tế phát triển thì hệ thống cơ sở hạ tầng sẽ được đầu tư phát triển. Nhiều hệ thống đường giao thông, bến cảng, kho tàng đã và sẽ được xây dựng. Việc dành một quỹ đất để nâng cấp, cải tạo, mở rộng các tuyến đường hiện có và xây dựng mới các tuyến đường khác, xây dựng mới một số công trình thủy lợi, hệ thống mương máng, hồ đập trong thời gian tới sẽ là một sức ép rất lớn về quỹ đất sử dụng vào các mục đích trên.

Để cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân thì hàng loạt các công trình phục vụ đời sống, văn hóa, giáo dục, thể thao, giải trí, nghỉ ngơi cũng sẽ được cải tạo mở rộng kết hợp với xây dựng mới. Việc dành đất cho các công trình này sẽ diễn ra ở hầu hết khắp nơi trong tỉnh và không thể không đáp ứng.

3.1.2. Định hướng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Sử dụng đất đai phải đảm bảo ưu tiên cho nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, thực hiện chiến lược an toàn lương thực, nâng cao hệ số sử dụng đất. Bố trí hợp lý cơ cấu đất nông nghiệp, chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, phù hợp với hệ sinh thái trên những vùng địa hình khác nhau theo phương thức nông lâm kết hợp, đảm bảo cho sự phát triển bền vững, ổn định diện tích đất trồng lúa, hạn chế lấy đất canh tác chuyển sang các mục đích khác. Mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản. Ứng dụng các tiến bộ về công nghệ sinh học, từng bước thực hiện một nền nông nghiệp sạch.

Dành quỹ đất hợp lý cho sự phát triển công nghiệp, nhất là những ngành công nghiệp có khả năng khai thác những tiềm năng sẵn có, tạo ra sức tăng trưởng mạnh mẽ trong công nghiệp cũng như trong nền kinh tế của tỉnh. Hình thành các khu công nghiệp tập trung nhằm sử dụng có hiệu quả hạ tầng, tạo môi trường thu hút vốn đầu tư của các thành phần kinh tế. Thúc đẩy hình thành những trung tâm đô thị, dịch vụ, cải thiện bộ mặt kinh tế của tỉnh, gắn sự phát triển công nghiệp hóa với quá trình đô thị hóa.

Sử dụng đất phải đáp ứng được nhu cầu đất ở của nhân dân, đảm bảo chất lượng môi trường sống. Đất ở cần được tập trung trên cơ sở mở rộng khu dân cư cũ hoặc hình thành khu dân cư dân cư mới, khu chung cư ở đô thị để tiết kiệm đất xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng cần tiến hành đồng bộ trước khi mở rộng các thành phố, thị xã, thị trấn, hình thành khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn. Ưu tiên xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng, kinh tế kỹ thuật phục vụ sản xuất nhưng không coi nhẹ các cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống, văn hóa - xã hội của người dân.

Khai thác sử dụng đất phải được chú ý đến bảo vệ môi trường và tăng dần độ phì nhiêu của đất để sử dụng ổn định và bền vững, kết hợp giữa trước mắt và lâu dài, phù hợp với chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa của đất nước. Điều chỉnh dần và tiến tới chấm dứt những bất hợp lý trong quản lý, sử dụng đất đai.

3.1.3. Định hướng phát triển các dự án đầu tư sử dụng đất

Dự án sử dụng đất giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, phát triển các dự án gắn với quy hoạch phát triển tổng thể có

tính chất lâu dài. Quy hoạch phát triển các khu đô thị, chung cư, nhà liên kề phải coi trọng sự phân bố hợp lý giữa các vùng miền đảm bảo cho các dự án trên địa bàn phát triển bền vững, đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

Phát triển các dự án phải tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, trên cơ sở các quy định của Nhà nước và thực tế địa phương để xây dựng quy định về trình tự thực hiện các dự án sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An đảm bảo đúng quy định của pháp luật, triệt để các cách hành chính, dân chủ, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các nhà đầu tư.

Phát triển dự án trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất và điều kiện quỹ đất của địa phương. Bố trí đất thực hiện các dự án hợp lý, hạn chế tối đa việc thu hồi đất nông nghiệp. Các dự án phải chú ý phát triển hạ tầng xã hội phục vụ cộng đồng chung nhằm thỏa mãn nhu cầu vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân theo sự phát triển của kinh tế xã hội lâu dài.

Phát triển các dự án phải kết hợp với đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho cộng đồng, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, tạo điều kiện để phát triển hệ thống hạ tầng xã hội của tỉnh theo hướng kiến trúc hiện đại gắn với bản sắc văn hóa dân tộc, bảo đảm môi

trường đô thị sinh thái đô thị, bảo vệ thiên nhiên trong khu vực.

Mở cửa, kêu gọi, khuyến khích đầu tư các dự án sử dụng đất đi đôi với công bằng đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các nhà đầu tư nhằm phát triển thị trường bất động sản Nghệ An theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Đảm bảo các dự án có tính khả thi, xóa bỏ tình trạng xin - cho trong đầu tư dự án sử dụng đất, tránh tình trạng các nhà đầu tư lợi dụng cơ chế khuyến khích đầu tư của Tỉnh để ôm đất các dự án và sang nhượng dự án kiếm lời.

3.1.4. Phương hướng, nhiệm vụ hoạt động ĐGD các dự án

- Trên cơ sở quy định của Luật Đất đai 2003 và các quy định của Trung ương, tỉnh Nghệ An cần xây dựng cơ chế ĐGD phù hợp. Đảm bảo công tác ĐGD thực hiện đúng nguyên tắc, có đầy đủ căn cứ, với một quy trình khoa học và ứng dụng các phương pháp khoa học vào công tác ĐGD để công tác ĐGD ngày càng hoàn thiện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

- Đảm bảo xây dựng giá đất phù hợp, đáp ứng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước đồng thời phải đảm bảo quyền lợi hợp lý, chính đáng của nhà đầu tư và người tiêu dùng.

- Tạo môi trường lành mạnh để các doanh nghiệp, các nhà đầu tư

trong và ngoài nước đầu tư vào Nghệ An có thể cạnh tranh công bằng trong hoạt động kinh doanh bất động sản, phát triển các dự án xây dựng các khu đô thị, chung cư. Các nhà đầu tư được đối xử công bằng với đầy đủ quyền lợi và nhận thức được các nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước theo đúng quy định. Góp phần hạn chế cơ chế xin - cho trong giao đất thực hiện các dự án, xây dựng thị trường bất động sản Nghệ An phát triển theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

3.2. Giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý, thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất để phát triển các dự án

Để đảm bảo tính khách quan trong thực hiện các dự án đầu tư, hướng tới một môi trường đầu tư chuyên nghiệp, đảm bảo sự cạnh tranh cao, lựa chọn được nhà đầu tư có năng lực thực sự, hạn chế các dự án không khả thi và tăng nguồn thu cho ngân sách cần minh bạch thông tin các dự án: về quy mô thực hiện, địa điểm thực hiện, về quy hoạch, yêu cầu về tiến độ thực hiện... đồng thời cần tổ chức đấu thầu các dự án sử dụng đất công khai theo đúng quy định. Đối với các dự án đã làm đầy đủ các thủ tục đầu tư nếu trong vòng 3 năm nhà đầu tư vẫn chưa triển khai hoặc chỉ triển khai cầm chừng hoặc dấy dora

trong nộp tiền sử dụng đất thì cần kiểm tra lại năng lực thực sự của nhà đầu tư để có biện pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, trường hợp cần thiết có thể thu hồi đất và tổ chức đấu thầu để chọn nhà đầu tư phù hợp hơn thực hiện dự án.

3.2.1. Củng cố và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác ĐGD

Mặc dù đã triển khai công tác ĐGD từ năm 1995, tuy nhiên đến thời điểm hiện nay, nguồn nhân lực để thực hiện công tác ĐGD ở tỉnh Nghệ An vẫn chưa đáp ứng kịp với yêu cầu của công tác ĐGD. Để hoàn thiện công tác ĐGD cần củng cố, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đối với cán bộ làm công tác ĐGD tại các cấp. Trước hết là tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức về ĐGD cho các cán bộ làm công tác ĐGD toàn tỉnh, bao gồm: nguyên tắc, quy trình, phương pháp ĐGD... Có chính sách cán bộ hợp lý để thu hút nhân tài bổ sung vào biên chế cán bộ làm công tác ĐGD; kết hợp với các trường đại học, cao đẳng đào tạo chuyên ngành ĐGD để bổ sung vào biên chế cán bộ ĐGD những người được đào tạo chính quy, được trang bị đầy đủ kiến thức khoa học về ĐGD.

3.2.2. Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho công tác ĐGD

Cơ sở vật chất hiện tại vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác. Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật là yêu cầu cấp thiết hiện nay nhất là đối với các huyện, xã vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Bản đồ địa chính là cơ sở vật chất rất quan trọng trong quản lý đất đai, tuy nhiên trong những năm qua công tác đo đạc, quản lý bản đồ địa chính tại Nghệ An vẫn còn nhiều bất cập. Hệ thống bản đồ để thực hiện công tác ĐGD vừa thiếu lại không được cập nhật kịp thời. Để khắc phục những tồn tại nêu trên cần phải ưu tiên đo đạc lập mới bản đồ địa chính quy phạm hiện hành cho tất cả các xã, phường, thị trấn. Tăng cường công tác chỉnh lý biến động đất đai cho phù hợp với bản đồ địa chính và hồ sơ địa chính đã lập. Tăng cường cơ sở vật chất cho việc lưu giữ và bảo quản hồ sơ địa chính tại các cấp.

3.2.3. Giảm bớt các thủ tục hành chính trong tổ chức thực hiện công tác ĐGD

Để công tác ĐGD đảm bảo rút ngắn thời gian, tránh phiền hà, triệt để cải cách hành chính cần đổi mới công tác tổ chức và áp dụng quy trình định giá một cách khoa học vào quá trình ĐGD, cụ thể như sau:

- Về tổ chức bộ máy làm công tác ĐGD cho các dự án:

Khi có dự án yêu cầu phải định giá để giao đất, UBND tỉnh thành lập Hội đồng ĐGD cụ thể cho dự án, Hội đồng ĐGD bao gồm:

- + Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách kinh tế làm Chủ tịch Hội đồng.
- + Lãnh đạo Sở Tài chính làm Phó chủ tịch Hội đồng.
- + Các ủy viên Hội đồng định giá gồm lãnh đạo các cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục thuế, UBND huyện (thành phố, thị xã) có dự án, UBND xã (phường, thị trấn) có dự án.

Hội đồng ĐGD thành lập tổ chuyên viên giúp việc ĐGD đại diện cho các ngành, các cấp có thành viên trong Hội đồng ĐGD do đại diện Sở Tài chính là tổ trưởng. Tổ chuyên viên trực tiếp thực hiện công tác ĐGD, sau khi có kết quả thì báo cáo Hội đồng ĐGD để Hội đồng tổ chức cuộc họp, đại diện tổ chuyên viên sẽ trình bày cơ sở khoa học, tình hình hình thực tế khu đất, các thông tin thị trường, kết quả áp dụng các phương pháp ĐGD và kết quả định giá khu đất. Hội đồng ĐGD cho ý kiến về kết quả thực hiện của tổ chuyên viên và thống nhất mức giá khu đất để trình UBND tỉnh quyết định.

- *Về quy trình định giá đất:*

Khi có quyết định thành lập tổ chuyên viên giúp việc ĐGD, tổ

chuyên viên tiến hành ĐGD theo các bước như sau:

- + Bước 1: Xác định vấn đề (xác định khu đất cần định giá)
- + Bước 2: Lên kế hoạch thực hiện
- + Bước 3: Khảo sát hiện trường và thu thập thông tin
- + Bước 4: Phân tích thông tin
- + Bước 5: Xác định giá đất
- + Bước 6: Báo cáo kết quả định giá đất

3.2.4. Ứng dụng các phương pháp ĐGD phù hợp cho mục đích ĐGD

Để đảm bảo các khu đất phát triển các dự án được định giá sát với giá thị trường, phù hợp với mục đích ĐGD và có tính thuyết phục cao cần thiết phải áp dụng các phương pháp khoa học trong quá trình thực hiện ĐGD các dự án. Hiện nay giá đất của các dự án được xác định theo mức giá tại bảng giá các loại đất kết hợp với phương pháp so sánh trực tiếp. Theo lý thuyết về ĐGD thì phương pháp thặng dư là phương pháp ĐGD phù hợp nhất cần được áp dụng để xác ĐGD của các thửa đất trống có tiềm năng phát triển do thay đổi quy hoạch hoặc do chuyển mục đích sử dụng đất trong khi không có giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất tương tự trên thị trường để áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp.

3.2.5. Các giải pháp khác

Ngoài các giải pháp chủ yếu nêu trên, để công tác ĐGĐ trên địa bàn tỉnh Nghệ An hoạt động có hiệu quả cần tăng cường công tác kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án, thanh tra kiểm tra công tác quản lý dự án, công tác ĐGĐ. Kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án giúp cho cơ quan quản lý có thể xác định được năng lực của các nhà đầu tư, xác định được hiệu quả của dự án đồng thời có những biện pháp điều chỉnh kịp thời khi có sự bất hợp lý trong thực hiện dự án đầu tư. Thanh tra kiểm tra công tác quản lý dự án, công tác ĐGĐ để đảm bảo các dự án được thực hiện công khai, công bằng, dân chủ, đúng pháp luật và có hiệu quả. Đồng thời đối với những lô đất có giá trị sinh lợi cao, tiềm năng thì giao Sở Tài thuê thuê doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá để định giá khu đất trước khi xin ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường và trình Hội đồng tư vấn ĐGĐ tỉnh, UBND tỉnh xem xét, quyết định.

IV. KẾT LUẬN

Chính sách ĐGĐ là một khâu rất quan trọng trong quá trình quản lý các dự án đầu tư ở địa phương ; kết quả định giá là căn cứ để xác định mức đóng phí của các dự án. Nghệ An là một tỉnh nghèo. Vì vậy, nguồn thu từ tiền sử dụng đất là nguồn bổ sung đáng kể cho Ngân sách tỉnh. Bên cạnh đó, Nghệ An là một tỉnh không thực

sự có điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế vì vậy chủ trương chung của tỉnh là kêu gọi, khuyến khích các nhà đầu tư vào tỉnh để đầu tư sản xuất kinh doanh. Với các nhà đầu tư, mục tiêu lớn nhất trong sản xuất kinh doanh là tạo ra giá trị lợi nhuận lớn nhất . Do đó, một trong những biện pháp mà các nhà đầu tư thực hiện là tối thiểu hóa chi phí. Đất đai là một yếu tố tạo ra chi phí đầu vào trực tiếp hoặc gián tiếp của các dự án đầu tư nên để giảm chi phí các nhà đầu tư luôn yêu cầu một mức giá đất thấp cho dự án. Chính sách ĐGĐ ở Nghệ An bên cạnh yêu cầu về thu ngân sách thì đảm bảo giá đất sát giá thị trường là áp lực về khuyến khích đầu tư. Để đảm bảo cơ sở khoa học cũng như độ tin cậy và tính thuyết phục của kết quả ĐGĐ, đòi hỏi phải hoàn thiện chính sách ĐGĐ trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2004), Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, Hà Nội.
2. Chính phủ (2004), Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về phương pháp xác ĐGĐ, khung giá các loại đất, Hà Nội.
3. Chính phủ (2006), Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 về sửa đổi, bổ sung Nghị định 181/2004/NĐ-CP, Hà Nội.

4. Chính phủ (2007), Nghị định 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 188/2004/NĐ-CP, Hà Nội.

5. Hoàng Văn Cường, Nguyễn Thế Phán, Nguyễn Minh Ngọc, Vũ Thị Thảo (2006),

Thị trường Bất động sản, Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội.

6. Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên, Tập bài giảng môn Định giá của lớp ngân hạn (2008), trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

CÁCH HỌC TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN (STUDENTS' LEARNING STYLES OF NGHE AN COLLEGE OF ECONOMICS)

Th.S Nguyễn Thị Bích Thủy

TK. Cơ sở - Cơ bản

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngoại ngữ, trong đó tiếng Anh được lựa chọn là môn học bắt buộc ở hầu hết các trường Đại học, Cao đẳng tuy nhiên hiệu quả của chương trình tiếng Anh ở các trường chưa thực sự cao. Trường Đại học Kinh tế Nghệ An là một trong các trường không nằm trong ngoại lệ đó.

Chương trình tiếng Anh đang được giảng dạy tại trường Đại học Kinh tế Nghệ An cho hệ cao đẳng theo giáo trình New Headway (Pre-intermediate) và tiếng Anh chuyên ngành theo từng lĩnh vực, hệ trung cấp theo giáo trình New Headway

(Elementary). Tiếng Anh là môn học bắt buộc ở trường với mục đích giúp sinh viên đạt được trình độ A cho khối trung cấp và trình độ B cho khối cao đẳng để sinh viên có đủ kiến thức có thể sử dụng tiếng Anh vào các mục đích nghề nghiệp như đọc các tài liệu tham khảo và tài liệu bằng tiếng Anh. Sinh viên của trường đến từ nhiều vùng khác nhau như Vinh, Tân Kỳ, Kỳ Sơn vv. Vì vậy trình độ tiếng Anh của các em cũng khác nhau. Qua quá trình giảng dạy và kết quả thi học kỳ kết thúc môn học, kết quả môn tiếng Anh chưa được cao, nhóm giáo viên bộ tiếng Anh luôn đối mặt với những

khó khăn trong quá trình giảng dạy vì phải giảng dạy với các nhóm sinh viên có trình độ khác nhau, bên cạnh đó số sinh viên trong một lớp lại quá đông, đặc điểm và cách học của các em hoàn toàn khác nhau. Giáo viên gặp nhiều khó khăn để thực hiện các hoạt động trong lớp giúp sinh viên thực hành tiếng Anh, điều đáng quan tâm là có những giáo viên chưa chú ý đến cách học của sinh viên. Mặc dù đã cố gắng nhưng trong thực tế sinh viên tốt nghiệp ra trường có chứng chỉ B vẫn không thể sử dụng tiếng Anh tốt để phục vụ cho công việc của mình. Điều này đặt ra cho các giáo viên giảng dạy nhiều câu hỏi như có phải do trình độ giảng dạy của các giáo viên còn hạn chế không? Sinh viên thiếu động cơ trong học tập môn tiếng Anh? Sự không phù hợp giữa cách học và cách dạy? Sự bất phù hợp giữa chương trình và nhu cầu của sinh viên? Tính bất phù hợp giữa qui trình đánh giá? Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học tiếng Anh của sinh viên trường Đại học Kinh tế Nghệ An. Trong bài viết này tác giả nhằm xem xét thực tế cách học tiếng Anh và xác định những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của việc dạy và học ngoại ngữ của sinh viên trường Đại học Kinh tế Nghệ An, nâng cao nhận thức về cách học, khuyến khích giáo viên cần hiểu được tầm quan trọng đối với

cách học ưa thích của sinh viên đồng thời cung cấp việc hướng dẫn việc phát triển và mở rộng các cách học và mức độ quan tâm của giáo viên đối với cách học của sinh viên, giáo viên nhận thấy tính hữu ích trong việc xây dựng giáo án bài giảng thực sự có hiệu quả để giảm thiểu sự không phù hợp giữa cách giảng và cách học của sinh viên.

Từ những lý do trên, tác giả cho rằng cách học ưa thích đóng vai trò quan trọng trong quá trình học tập, cách học ưa thích giúp tiếp thu, lưu trữ hay sử dụng thông tin và làm tăng sự tự tin.

Nhận biết và hiểu được cách học của mình sẽ đem lại thành công vì sinh viên nắm được mặt mạnh cũng như mặt yếu của mình để tập trung vào những vấn đề cần thiết trong quá trình học tập. Nó cũng quan trọng cho cả sinh viên và giáo viên hiểu cách học của sinh viên để tránh các tình huống có vấn đề. Hiểu cách sinh viên học và cách sinh viên tiếp cận với xã hội như thế nào sẽ giúp họ có sự lựa chọn thông minh hơn, phù hợp hơn, họ sẽ thành công trong công việc của mình.

1. Định nghĩa về cách học (Definition of learning styles)

Thế nào là cách học? Các nghiên cứu gần đây cho thấy rằng sinh viên có những cách học khác

nhau, cách học và cách xử lý thông tin được dạy là một trong những yếu tố hình thành nên cái riêng biệt của cá nhân đó. Có người học nhanh bởi bản thân họ được thao tác (learn quickly by performing a task for themselves), có người học tốt hơn khi được theo dõi ai đó làm mẫu, hoặc có người chỉ thích học bằng cách được người khác giảng giải (others learn better by watching someone do the task or simply hearing the task explained). Phương pháp mà mỗi người thích học hơn được xem là cách học riêng biệt của người đó. Các nhà nghiên cứu đã định nghĩa cách học theo những cách khác nhau và mỗi cách tập trung vào những lĩnh vực khác nhau như về mặt tâm lý hay tính cách, chức năng não bộ, giác quan, tri nhận. Blackmore cho rằng một trong những điều đầu tiên mà các nhà giáo dục có thể thực hiện để hỗ trợ quá trình giảng dạy đơn giản chỉ là việc nhận biết những cách học khác nhau có trong đối tượng sinh viên. (Blackmore (1996) suggested that one of the first things educators can do to aid the learning process is to simply be aware that there are diverse learning styles in the student population)

Có nhiều định nghĩa về cách học Theo Rêđ định nghĩa cách học là cách thức học được ưa thích mang tính tự nhiên, theo thói quen để tiếp

thu, xử lý, và thu nhận thông tin, hay cách học đề cập đến một phương pháp chung của một cá nhân cho việc học và giải quyết vấn đề (Rêđ, 1995)

Reid (1987) defined learning style as " an individual's natural, habitual and preferred way of absorbing, processing, and retaining new information and skills "or" learning style refers to a person's general approach to learning and problem-solving" (Reid, 1995)

2. Phân loại cách học (Classification of learning styles)

Có nhiều cách để xem xét về cách học, mỗi nhà nghiên cứu về cách học phân loại cách học dựa trên những khuynh hướng thay đổi khác nhau. Theo Rêđ (1995), cách học được chia làm 3 phạm trù chính :

Cách học tri nhận, cách học dựa vào các giác quan, và cách học dựa vào tính cách. Cách học dựa vào các giác quan được chia làm 3 nhóm phân loại chính: Cách học thuộc khả năng nhận thức (Perceptual learning styles), cách học phụ thuộc vào môi trường (Environmental learning styles), cách học thuộc tính cách (Personality learning styles). Trong phạm vi bài viết này tác giả chỉ đề cập đến cách học thuộc về khả năng nhận thức. Cách học thuộc về khả năng nhận thức đề cập đến nghe (Auditory), thị giác (Visual), xúc giác

(Tactile), Vận động (Kinesthetic), nhóm (group) và cá nhân (Individual)

Cách học ưa thích dựa vào thị giác (Visual learning style preference): Thuộc về những người có thể học tốt nhất bằng cách nhìn thấy, hiểu và nhớ nhanh thông tin qua tranh ảnh (Pictures), biểu bảng (Charts), hay sơ đồ (Diagrams). Người học thuộc nhóm này có thể đưa ra những hình ảnh trong đầu về thông tin mà họ đang đọc. Những hình ảnh đó thường sinh động và chi tiết. Các kỹ năng thị giác thuộc không gian (Visual-spatial skills) như kích thước (sizes), hình dáng (shape), bề dày (texture), góc (angles), và chiều sâu ba chiều. Nhóm đối tượng này thường chú ý đến ngôn ngữ cơ thể (body language) của người khác như nét mặt, ánh mắt, tư thế Nhóm người học này cũng thích tìm hiểu và đánh giá cái đẹp, cái đẹp của môi trường tự nhiên và các hình ảnh qua băng đĩa hoặc nghệ thuật.

Cách học ưa thích nghe nhìn (Auditory Learning Style preference): người học (learners) học thông qua kỹ năng nghe, thông qua các bài giảng bằng lời (verbal lectures), thảo luận, nghe những vấn đề người khác nói thông qua âm điệu của giọng nói, cường độ, tốc độ, và các sắc thái khác, họ thích hướng dẫn bằng lời nói, hiếm khi họ ghi chép, họ thích nghe giảng

hơn tự làm các bài tập được giao. Họ nhận thấy hiểu hơn khi đọc bài và sử dụng băng đĩa (tape recorder). Nhóm này đề cập đến những người học có hiệu quả hơn qua việc nghe, nhìn, thực hành, học với người khác và đặc biệt là học một mình (learning alone)

Cách học dựa vào các cơ quan xúc giác (The Tactile learning style): là cách học lấy thông tin thông qua giác quan (sense) của xúc giác và cảm nhận, nói chung là có sự kết hợp giữa tay và mắt. Nhóm đối tượng này có bàn tay linh lợi, họ cảm nắm các vật tròn và các nút bấm, khám phá các vật, xem xét và đánh giá các đặc điểm của các sự vật. Khi được học ở trong phòng thực hành họ thích được sờ mó các vật và khám phá nhiều sự vật để hiểu các đặc điểm của sự vật. Học thực hành là phương pháp chủ yếu đối với việc giảng dạy những người học ưa thích qua xúc giác. Những người học cảm nhận qua xúc giác thích các hoạt động thao tác, sử dụng các hình ảnh khác nhau như vẽ tay, tranh ảnh nghệ thuật, công trình xây dựng, hình khối. các trải nghiệm thực hành, các trò chơi.

Cách học ưa thích thông qua nhóm (Group learning style preference): đối tượng học thích nói chuyện với mọi người và tham gia vào trong các nhóm. Họ học và nhớ thông tin dễ dàng hơn khi họ được

học ít nhất với một người khác, Họ sẽ hoàn thành công việc tốt hơn khi làm việc với những người khác, những người thích học theo nhóm (group learners) giới giao tiếp với những người khác, hướng dẫn những người khác, và tổ chức các hoạt động trong lớp. Sự tương tác trong nhóm hoặc sự khuấy động nhận được trong nhóm sẽ giúp nhóm người học này hiểu bài học dễ dàng hơn và tiếp thu được thông tin mới nhiều hơn.

Cách học ưa thích cá nhân (Individual learning style preference): là những sinh viên thích làm việc độc lập. Họ có khả năng tự học. Nhóm này có thể tự học, nhớ bài tốt hơn, tiến bộ khi học tập một mình.

3. Mối quan hệ giữa cách dạy và cách học

Cách dạy ảnh hưởng đến cách học của sinh viên, để hiểu rõ hơn về vai trò của cách dạy và mối liên hệ giữa cách học và cách dạy, vấn đề này sẽ được tác giả đề cập ở kỳ tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Why is it important to understand my own learning style? (www.beginners-guide.com/.../learning-styles/why-is-it-important-to-.) work in group situations and manage various interpersonal roles. 2.3L:

The Southeast Asian Journal of English Language Studies – Vol 18(1): 61 - 74 64 \ cognitive le

2. EFL Learners' Learning Styles and Their Attributes Luu Trong Tuan National University of Ho Chi Minh City, E-mail: luutrongtuan@vnn.vn

3. pdf LANGUAGE LEARNING STYLES AND STRATEGIES: AN OVERVIEW
web.ntpu.edu.tw/~language/workshop/read2.pdfSimilar

4. Patsy M.Lightbown and Nina Spada. *How languages are learned*. Oxford university press, second edition

5. Hoang Van Hoat (1998) M.A. *The learning style preferences of vietnamese students of English as a foreign language(EFL)*. Hội nghị khoa học giáo viên khoa tiếng Anh-25/9/1999

6. Jo McDonough and Christopher Shaw.*Materials and Methods in ELT.A teacher's guide*. Oxford UK & Cambridge USA

7. NuNan,D.(1992). *Research Methods in Language Learning*. Cambridge :. Cambridge University Press.

8. Brown, D. (1994). *Principles of language learning and teaching*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall.

LỖI CỦA NGƯỜI VIỆT KHI HỌC TIẾNG ANH

Th.S Nguyễn Thị Lan Hương

GV khoa Cơ sở - Cơ bản

1. Một vài cơ sở lí luận

Lỗi (error), theo quan điểm tri nhận, là một hiện tượng đương nhiên trong quá trình người học thu đắc một ngoại ngữ. Lỗi không phải là hiện tượng tiêu cực trong quá trình học ngoại ngữ, lỗi là chứng cứ rõ ràng nhất về hệ thống ngôn ngữ đang phát triển của người học - ngôn ngữ trung gian (Interlanguage). Ngôn ngữ trung gian này luôn biến đổi trong quá trình người học thu đắc ngôn ngữ đích và tiệm tiến đến ngôn ngữ đích nhưng không thể trở thành ngôn ngữ đích hoàn toàn. Người khởi xướng cho quan niệm "cách mạng" về lỗi này là Pit Corder với hàng loạt công trình đề lại những dấu ấn rõ nét và giúp định hướng cho ngành phân tích lỗi (Error Analysis) (Corder, 1973, 1981...).

Những nhà ngôn ngữ học ứng dụng có cách nhìn mới đối với lỗi bao gồm L. Selinker (1992), J.C. Richards (1985) và R. Ellis (1992)... Có 2 loại lỗi chính xuất hiện trong quá trình học một ngoại ngữ. Đó là lỗi tự ngữ đích (Intralingual Error) và lỗi giao thoa (Interlingual Error). Lỗi tự ngữ đích là loại lỗi sinh ra do những yếu tố trong nội bộ ngôn ngữ đích và do người học "mượn" những tri thức đã biết về ngôn ngữ đích. Lỗi giao thoa là lỗi sinh ra do người học mượn những tri thức có trước từ tiếng mẹ đẻ. Có mấy nguyên nhân sau có thể tạo ra lỗi trong quá trình thu đắc ngoại ngữ:

1. Vượt tuyến (Overgeneralization), chiến lược người học nói rộng những quy tắc ngôn ngữ ra ngoài phạm vi của nó. Ví

dụ có người học nói: “chào anh” khi gặp phụ nữ, mà lẽ ra phải nói “chào chị”. Người học đã vượt tuyến, tức sử dụng tri thức đã biết để “khám phá” tiếng Việt.

2. Chuyển di (Transfer), chiến lược người học mượn những tri thức đã có trong tiếng mẹ đẻ để khám phá ngôn ngữ đích. Ví dụ người Nhật có thể nói một câu tiếng Việt theo trật tự tiếng Nhật như sau: “sắp tàu đến” trong khi tiếng Việt thì phải nói là “tàu sắp đến”.

3. Chiến lược giao tiếp (Communication strategies), chiến lược người học tìm mọi cách để giao tiếp mặc dù câu nói có sai ngữ pháp. Ví dụ một người do không biết từ “nạo vét” nên đã nói “Người ta đang giặt hồ Thiền Quang”.

4. Chuyển di giảng dạy (Transfer of training), đây là trường hợp các tài liệu giảng dạy và các lời giải thích không bao quát hết hoặc giải thích chưa chính xác cách dùng và ý nghĩa của các đơn vị ngôn ngữ,

làm cho người học mắc lỗi. Ví dụ từ “đã”, có người nước ngoài nói: “Hôm qua tôi đã dậy lúc bảy giờ, sau đó tôi đã rửa mặt, đã ăn sáng, đã uống cà phê, đã đánh răng, đã đi học.”

2. Lỗi của người Việt khi học tiếng Anh

2. 1. Một số âm trong tiếng Anh người Việt thường đọc sai.

Có lẽ ta nên bắt đầu từ nguồn gốc của 'cái gọi là tiếng Việt'. Tiếng Việt thuộc hệ ngôn ngữ Nam Á (austrasiatic), nhóm Mon-khmer, nhánh Việt Mường. Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm, tuy nhiên nó cũng có từ ghép gồm nhiều âm cộng lại mới có nghĩa hoàn chỉnh. Có lẽ do có tiếng mẹ đẻ là một ngôn ngữ đơn âm nên người Việt khó mà học tốt tiếng Anh hoặc ngôn ngữ đa âm khác. Cũng do quen thuộc với ngôn ngữ đơn âm, phát âm từng tiếng gây gọn nên người Việt thường bỏ đi các âm tiết cuối cùng trong khi phát âm các từ tiếng Anh. Đồng thời, tiếng Anh có một số âm tiết mà tiếng Việt không có.

Một số âm trong tiếng Anh người Việt thường đọc sai.

Âm tiếng Anh	Ví dụ từ tiếng Anh	Phát đúng	âm sai	Phát âm sai	Lý do sai
θ	Think	θɪŋk		thɪŋk	Âm gần giống của tiếng Việt là /th/ (thờ)
ð	This	ðɪs		dɪs	Âm gần giống của tiếng Việt là /d/ (đờ)
l	Old	əʊld		əʊnd	Âm /l/ được chuyển thành /n/

s	House	haʊs	haʊ	Bỏ mất âm /s/ ở cuối từ
---	-------	------	-----	-------------------------

Bảng này đưa ra vài lỗi thông thường trong khi đọc tiếng Anh của người Việt. Do vốn âm tiếng Việt bị thiếu một vài âm có trong tiếng Anh, người Việt thường có khuynh hướng dùng âm gần nhất trong tiếng Việt để gần vào.

2.2. Quá tập trung vào ngữ pháp

Đây là lỗi lớn nhất và phổ biến nhất và cũng là lỗi tồi tệ nhất mà người học tiếng Anh gặp phải. Nhiều nghiên cứu gần đây cho thấy rằng chính việc học ngữ pháp trên thực tế đã ảnh hưởng rất lớn đến khả năng nói tiếng Anh. Tại sao vậy? Ngữ pháp tiếng Anh khá phức tạp để có thể nhớ và sử dụng một cách có hệ thống nhưng những cuộc hội thoại lại diễn quá nhanh và bạn không có đủ thời gian để nghĩ, nhớ hàng trăm hàng nghìn cấu trúc ngữ pháp, lựa chọn cấu trúc nào cho phù hợp và sắp xếp sử dụng chúng trong văn cảnh. Tránh tư duy ngữ pháp trong giao tiếp theo lối mòn như vậy. Bạn phải học ngữ pháp bằng trực quan và vô thức giống như một đứa trẻ đang học nói bằng cách lắng nghe nhiều cấu trúc ngữ pháp chính xác – và dần dần bạn sẽ sử dụng ngữ pháp chính xác một cách tự nhiên nhất.

2.3. Ép nói

Cả học viên và giáo viên tiếng Anh thường cố gắng thực hiện các bài luyện tập speaking hay presentation trước khi học viên thực sự sẵn sàng. Kết quả là phần lớn học viên nói tiếng Anh rất chậm, không trôi chảy và thiếu tự tin. Thực hành nói quá sớm quả là một sai lầm lớn. Thay vì “ép” mình phải nói, trước tiên bạn nên tập trung vào kỹ năng nghe và hãy kiên nhẫn. Chỉ nói khi bạn đã sẵn sàng!

2.4. Chỉ học sách giáo khoa

Hầu hết học viên chỉ học những gì có trong sách giáo khoa và học tiếng Anh ở trường học. Vấn đề ở chỗ là những người bản địa không sử dụng thứ tiếng Anh trong sách trong cuộc sống hàng ngày.

Trong giao tiếp, người bản địa sử dụng rất nhiều thành ngữ, cụm động từ hay từ lóng để giao tiếp, khác hẳn với những gì bạn học trên sách vở. Do đó, để giao tiếp tốt với người bản xứ, bạn cần học tiếng Anh thông thường.

2.5. Cố gắng thật hoàn hảo

Học viên và giáo viên thường chú ý vào những lỗi sai và lo lắng rất nhiều về việc mắc lỗi và sửa lỗi. Họ cố gắng nói thật hoàn hảo, thế nhưng không có ai là hoàn hảo cả bởi vì người bản xứ cũng có thể thường xuyên mắc lỗi. Vì vậy, thay vì tập

trung vào việc sửa những lỗi sai của mình thì bạn nên tập trung vào việc giao tiếp. Mục tiêu của bạn không phải là nói thật “hoàn hảo”, mà có thể thể hiện được các ý tưởng giao tiếp, thông tin và cảm giác thật rõ ràng và dễ hiểu. Tập trung vào việc giao tiếp một cách tích cực thì những lỗi sai của bạn sẽ dần dần được cải thiện.

2. 6. *Chỉ học tiếng Anh ở trường*

Hầu hết những người học tiếng Anh nghĩ rằng học tiếng Anh ở trường là đủ và cho rằng giáo viên và trường học chịu trách nhiệm cho sự tiến bộ của họ. Điều này hoàn toàn không chính xác bởi vì người học tiếng Anh phải tự chịu trách nhiệm cho trình độ của chính mình, giáo viên chỉ là người hỗ trợ cho việc học của bạn mà thôi. Bạn nên tìm kiếm bài học và thiết bị thật hiệu quả, luyện tập nghe, nói, đọc, viết hàng ngày.

3. **Kết luận**

Những lỗi được đề cập ở trên khá phổ biến nhưng bạn hoàn toàn có thể sửa chữa được nếu mắc phải. Và điều quan trọng hơn là bạn sẽ có nhiều hơn cơ hội khám phá nhiều điều thú vị trong việc học tập và thực hành tiếng Anh. Việc đọc và nghe bạn đều có thể tự thực hiện được một mình với một vài quyển sách, một cái ti vi, một đầu máy video và vài đĩa DVD. Chúc các bạn thành công!

ong đồng:

Lời khuyên khi học TA:

1. Tích cực xem truyền hình, video, nghe đài, đọc báo chí tiếng Anh hoặc nói chuyện với người bản ngữ bất cứ khi nào bạn có cơ hội.
2. Sử dụng tiếng Anh ở nhiều nơi chứ không phải chỉ trong lớp học
3. Chơi trò chơi và tập các bài hát tiếng Anh.
4. Khi nói chuyện bằng tiếng Anh, cố gắng diễn đạt bằng mọi cách có thể được kể cả dùng điệu bộ.
5. Nên hỏi lại hoặc đề nghị người nói nhắc lại nếu chưa hiểu rõ nghĩa.
6. Đừng bao giờ sợ mắc lỗi khi nói và viết tiếng Anh.
7. Áp dụng từ và cấu trúc mới học được trong nhiều tình huống khác nhau.
8. Đọc các bài viết khác nhau về cùng một chủ điểm. Tập nói và viết theo các chủ điểm đó.
9. Cố gắng đoán nghĩa của từ, câu bằng cách căn cứ nội dung bài đọc, bài nghe hoặc tình huống giao tiếp (không nên quá phụ thuộc vào từ điển).
10. So sánh để hiểu được sự khác nhau giữa tiếng Anh và tiếng Việt.
11. Tự chữa lỗi trước khi được bạn hoặc thầy chữa.
12. Học theo nhóm hoặc theo cặp là tốt nhất.
13. Học thuộc các quy tắc ngữ pháp, từ mới hay các đoạn hội thoại mẫu.

14. Nghe băng và tập viết chính tả thường xuyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Lê Viết Dũng, *Tìm hiểu phong cách giao tiếp của người Việt Nam qua tục ngữ*, Kỷ yếu Hội thảo Ngữ học trẻ 2003, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, tr. 387-391, 2003.

[2] Nguyễn Quang, *Một số vấn đề giao tiếp và giao tiếp văn hoá*, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.

[3] Richards, J.C. (Ed.) (1985). *Error analysis*. London: Longman.

[4] Tarone, E. (1994). Interlanguage. In R.E. Asher (Ed.) *The Encyclopedia of language and linguistics. Volume 4*, (pp. 1715-1719). Oxford: Pergamon Press.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CNTT) VÀO VIỆC ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN

Th.S Đào Thị Nha Trang

GV khoa Cơ sở - Cơ bản

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, theo chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tất cả các trường Đại học và Cao đẳng có thể chuyển đổi phương thức đào tạo từ đào tạo niên chế sang đào tạo theo Hệ thống tín chỉ. Chuyển đổi từ đào tạo theo học chế niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ đang là một yêu cầu bức thiết đối với tất cả các trường Đại học và Cao đẳng của nước ta. Mô hình đào tạo này đã tỏ rõ nhiều ưu điểm, tuy nhiên việc áp dụng nó cũng đặt ra nhiều vấn đề phải giải quyết. Một trong những vấn đề đó là cần phải ứng dụng CNTT trong việc dạy và học.

II. NỘI DUNG

Đào tạo theo học chế tín chỉ là phương thức đào tạo tiên tiến, việc ứng dụng CNTT để chuyển đổi và nâng cao chất lượng giảng dạy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Nghệ An hiện nay là rất cần thiết và cách tiếp cận phương pháp giáo dục này cần triển khai càng sớm càng tốt. Theo đó, với phương thức đào tạo này thì tâm lý người học cảm thấy mình được chủ động, người học có thể tự xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân, từ đó nâng cao được tính dân chủ trong đào tạo, tôn trọng người học, xem người học là trung tâm của quá trình đào tạo. Hiện nay, rất nhiều trường Đại học, Cao đẳng hệ chính quy trong cả nước đã quyết

định chuyển đổi việc tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên từ học chế niên chế sang học chế tín chỉ và đã đạt được nhiều kết quả tốt đẹp. Theo đánh giá của nhiều tổ chức thì đào tạo theo Hệ thống tín chỉ không chỉ có hiệu quả đối với các nước phát triển mà còn rất hiệu quả đối với các nước đang phát triển.

2.1. Thực trạng về việc ứng dụng CNTT trong việc dạy và học hiện nay tại trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

Nhận thức rõ vai trò , tầm quan trọng và hiệu quả của ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy học, ngay từ những ngày đầu thành lập , Trường Cao đẳng Kinh tế -Kỹ thuật Nghệ An (Nay là Trường Đại học Kinh tế Nghệ An) đã đặc biệt quan tâm và quyết tâm đưa CNTT vào công tác quản lý và giảng dạy . Với sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, sự nỗ lực không ngừng của nhà trường , đến nay , hầu hết các khoa , phòng ban chức năng , trung tâm và giảng viên của nhà trường đều đã áp dụng CNTT vào quản lý, giảng dạy, cũng như các thiết bị hỗ trợ để phục vụ công tác chuyên môn. Tính đến thời điểm hiện nay , trường Đại học Kinh tế Nghệ An đã khai thác , sử dụng thành công hàng loạt các ứng dụng CNTT phục vụ việc quản lý, tiêu biểu có thể kể đến như :

Hệ thống phần mềm quản lý điểm; Phần mềm quản lý tuyển sinh; Hệ thống Website; Hệ thống mạng wifi; Hệ thống mạng nội bộ ; Thư điện tử; Bài giảng điện tử... Những ứng dụng này đã mang lại những hiệu quả cao trong công việc cũng như trong công tác giảng dạy.

Bên cạnh đó, nhà trường còn xây dựng, mua sắm thêm nhiều trang thiết bị dạy học như xây dựng thư viện điện tử, lắp máy chiếu ở các phòng học, phòng Lap... từ đó giúp giảng viên và sinh viên có nhiều cơ hội tiếp cận thông tin và đổi mới phương pháp dạy và học, cho phép giảng viên , cán bộ quản lý có thể làm việc ở mọi nơi , mọi lúc. Các cấp quản lý giáo dục có thể nắm được tình hình, số liệu thống kê một cách nhanh chóng, kịp thời. Thông qua hệ thống Website công tác quản lý đào tạo đã đáp ứng được các yêu cầu từ phía sinh viên, cán bộ giảng viên và các đơn vị trong trường một số vấn đề như: xem lịch giảng dạy, lịch coi thi, lịch thi, lịch học lại, cung cấp các thông tin công khai của trường theo quy định của BGD&ĐT và cũng là nơi quảng bá hình ảnh của trường tới các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước...

Mặc dù đã có rất nhiều cố gắng trong việc xây dựng và mua sắm trang thiết bị cơ sở vật chất cũng như việc học tập trau dồi chuyên môn nghiệp

vụ của cán bộ, giảng viên, sinh viên trong nhà trường, tuy nhiên vẫn chưa thể đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu cho việc đổi mới phương pháp dạy học, đặc biệt đào tạo theo Hệ thống tín chỉ. Chúng ta không có nhiều phòng học đa dạng với những trang thiết bị đầy đủ để đổi mới phương pháp dạy học, hệ thống phòng học, phòng thực hành chưa đáp ứng được việc tổ chức các lớp học phần. Tài liệu học tập tại thư viện còn thiếu ở một số ngành học...

2.2 Ứng dụng CNTT vào việc đào tạo theo học chế tín chỉ tại trường Đại học kinh tế Nghệ An.

Xuất phát từ đào tạo theo niên chế học phần, hầu hết các cán bộ giảng viên chưa được tiếp cận với quy trình, quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Để đẩy nhanh quá trình chuyển từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ thì ngoài việc cần phải tạo được sự đồng thuận từ các cấp lãnh đạo đến toàn thể cán bộ công chức về chủ trương triển khai đào tạo theo Hệ thống tín chỉ, xây dựng lộ trình chi tiết về việc chuyển đổi từ đào tạo theo niên chế học phần sang đào tạo tín chỉ, xây dựng đề cương chi tiết học phần, đội ngũ cố vấn học tập, đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với đào tạo theo tín chỉ, tổ chức các đoàn tham quan học hỏi ở các trường bạn, các đoàn

tham gia tập huấn do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, mở các lớp tập huấn tại trường, tổ chức các hội thảo về giảng dạy trong đào tạo theo Hệ thống tín chỉ v.v...thì việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo Hệ thống đào tạo tín chỉ cũng là một vấn đề rất cần thiết, đặc biệt là việc ứng dụng E-learning, thiết kế bài giảng qua các phần mềm ứng dụng, làm việc nhóm trực tuyến, ứng dụng CNTT trong giảng dạy thực hành, thực hiện công tác đánh giá học phần và thu thập ý kiến sinh viên qua mạng. Việc ứng dụng CNTT sẽ góp phần phát huy khả năng tự học của sinh viên, tạo điều kiện cho sinh viên sử dụng tốt 02 giờ tự học theo thiết kế chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ, đồng thời phát huy tính sáng tạo của giảng viên trong việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy và đổi mới phương pháp.

Để làm được những bước đầu tiên đó thì ngay từ bây giờ cần thiết phải cải thiện, tăng cường cơ sở hạ tầng CNTT của nhà trường như lắp đặt, mua sắm thêm các công cụ hỗ trợ giảng dạy (máy tính, máy chiếu, camera, video, các điểm có kết nối mạng không dây...), xây dựng thêm các phòng học đa phương tiện, trang bị hệ thống tăng âm cho các phòng học lớn, thư viện kết hợp với các khoa

lên kế hoạch trang bị thêm sách, tài liệu, băng video chuyên ngành và có thể mở cửa để phục vụ ngoài giờ...

Bên cạnh đó, việc xây dựng được phần mềm quản lý đào tạo là điều không thể thiếu và việc quản lý đào tạo của nhà trường cần phải được tin học hóa 100%. Từ đó có thể xây dựng được hệ thống dạy - học trực tuyến qua Internet, mỗi giáo viên, sinh viên được cấp tài khoản và mật khẩu để tham gia hệ thống dạy, học trực tuyến của trường. Các bài giảng được giáo viên phụ trách môn học đưa lên và cập nhật thường xuyên; sinh viên nắm bắt thông tin môn học, học tập và nộp bài tập, làm bài kiểm tra, tham gia các diễn đàn thảo luận trực tuyến...

Ngoài ra, để ứng dụng CNTT vào việc đào tạo theo hệ thống tín chỉ có hiệu quả thì ngoài việc xây dựng được cơ sở vật chất tốt thì việc thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng học tập và nâng cao phẩm chất năng lực nghề nghiệp cũng như khả năng ứng dụng CNTT trong công việc, giảng dạy và học tập của cán bộ, giảng viên, học sinh - sinh viên trong toàn nhà trường là điều không thể thiếu. Từ đó

nâng cao được chất lượng và tinh thần trách nhiệm, sự hiểu biết của việc đào tạo theo học chế tín chỉ, giúp cho bộ máy vận hành một cách suôn sẻ, đồng bộ, đạt được hiệu quả tối ưu trong công tác giảng dạy và học tập.

III. KẾT LUẬN

Tầm quan trọng và hiệu quả của ứng dụng CNTT trong quản lý , dạy học tại các trường đại học đã được chứng minh rõ nét bằng thực tiễn giáo dục ở trong và ngoài nước những năm qua . Chính thực tiễn đã cho thấy rằng , việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy, học tập và quản lý là xu thế tất yếu của các trường đại học nói chung , trong đó có Trường Đại học Kinh tế Nghệ An nói riêng , góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng giáo dục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] *Qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT*, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT
- [2] *Assist.Prof. Suwat Banlue - Tổng quan hệ thống phần mềm Quản lý và hỗ trợ đào tạo*-Trường Đại học Rajabhat Ubon Ratchathani, Thailand.

HIỂU THẾ NÀO VỀ LÃI SUẤT “DANH NGHĨA” VÀ LÃI SUẤT “THỰC”

*Th.S Phạm Thị Mai Hương
GV khoa Tài chính – Ngân hàng*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ.

Nội dung và ý nghĩa của các thuật ngữ kinh tế có tầm quan trọng rất lớn đối với sự vận hành của một nền kinh tế, nhất là đối với nền kinh tế Việt Nam khi nó đang cùng hòa mình vào nền kinh tế thế giới. Trong thực tế, có nhiều thuật ngữ khi dịch ra từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt Nam vẫn còn ít nhiều có những sai lệch về nội dung và ý nghĩa của chúng. Hiện nay, trong hầu hết các tài liệu khi viết về lãi suất vẫn chưa đề cập thích đáng đến tính chất danh nghĩa hay thực của thuật ngữ; nếu có thì cũng chỉ đề cập đến khái niệm, giải thích thuật ngữ chứ cũng chưa phân tích được về mặt nội dung và ý nghĩa của chúng. Đặc biệt là việc

phân biệt giữa “thực” và “danh nghĩa” cũng chưa mạch lạc, thậm chí có thể bị nhầm lẫn và sai sót. Đối với tỷ giá hay lãi suất thì việc nghiên cứu đến yếu tố thực của nó mới là quan trọng, vì chỉ khi nó thay đổi thì nó có tác động trực tiếp đến nền kinh tế.

Chính vì vậy, việc hiểu thấu đáo nội dung và ý nghĩa của các thuật ngữ là hết sức quan trọng đối với chúng ta, đặc biệt là đối với các nhà phân tích, nhà quản lý hay các nhà giáo dục.

II. NỘI DUNG.

2.1. Các khái niệm.

Trước hết, *lãi suất* là gì?

Về mặt lượng hóa, lãi suất được hiểu là tỷ lệ biểu thị sự gia tăng của tiền hay hiện vật sau một khoảng thời gian nhất định (thường là 1 năm).

Ví dụ: Giả sử một hộ gia đình gửi số tiền 100 triệu đồng vào một ngân hàng trong vòng 1 năm, sau 1 năm họ nhận được số tiền lãi 10 triệu đồng và lúc này số dư trên tài khoản của họ là 110 triệu đồng. Trong trường hợp này, lãi suất danh nghĩa là 10%/năm. Tỷ lệ này được xác định bằng cách lấy tổng số tiền lãi chia cho tổng số tiền gốc trong một thời gian nhất định (thường là 1 năm) và nhân với 100%.

Tiếp đến, *thế nào là lãi suất danh nghĩa và lãi suất thực?*

Lãi suất danh nghĩa là tỷ lệ biểu thị sự gia tăng của tiền sau một thời gian nhất định (thường là 1 năm) mà chưa tính đến sự thay đổi sức mua của đồng tiền trong khoảng thời gian đó. (Vì chưa đề cập đến sức mua nên gọi là danh nghĩa).

Lãi suất thực (real interest rate): Là tỷ lệ biểu thị sự gia tăng của hiện vật (thường được quy đổi về mặt giá trị) sau một khoảng thời gian nhất định (thường là 1 năm). (Vì tỷ lệ gia tăng liên quan đến hiện vật nên gọi là thực).

2.2. Mối quan hệ giữa lãi suất danh nghĩa và lãi suất thực.

Giữa lãi suất danh nghĩa và lãi suất thực có mối quan hệ mật thiết với nhau. Vì tiền tệ có sức mua nên giữa hai phạm trù này có mối liên hệ lượng hóa với nhau thông qua nhân tố lạm phát. Do đó, một cách khác có thể hiểu lãi suất danh nghĩa là lãi suất tính theo giá trị danh nghĩa của tiền tệ vào thời điểm nghiên cứu hay nói cách khác là loại lãi suất chưa loại trừ đi tỷ lệ lạm phát (lãi suất danh nghĩa thường được thông báo chính thức trong các quan hệ tín dụng). Còn lãi suất thực là lãi suất danh nghĩa được điều chỉnh lại cho đúng theo những thay đổi về lạm phát (hay nói cách khác là lãi suất đã trừ đi tỷ lệ lạm phát). Để rõ hơn, chúng ta sẽ xem xét giả định như sau:

Ví dụ: Giả sử nếu gọi mức lãi suất danh nghĩa là r (1 năm), tỷ lệ lạm phát sau 1 năm là i , thì mức lãi suất thực r_r (1 năm) được xác định thông qua bảng sau:

Thời điểm	Tiêu chí	Giá trị danh nghĩa (đơn vị tiền tệ)	Giá một đơn vị hàng hóa	Giá trị thực (đơn vị hàng hóa)
Thời điểm đầu năm		1 (gốc danh nghĩa)	P	1/P (gốc thực)

Thời điểm cuối năm	$(1+r)$ (gốc+lãi danh nghĩa)	$P + P \times i$ $= P(1+i)$	$(1+r)/P(1+i)$ (gốc + lãi thực)
--------------------	---------------------------------	--------------------------------	------------------------------------

Căn cứ vào “gốc thực” tại thời điểm đầu năm và “gốc + lãi thực” tại thời điểm cuối năm, mức lãi suất thực được tính như sau:

$$r_r = \frac{[(1+r)/P(1+i)] - 1/P}{1/P}$$

$$r_r = \frac{(1+r) - (1+i)}{(1+i)}$$

$$r_r = \frac{(r - i)}{(1 + i)}$$

Vì i là tỷ lệ lạm phát của năm (%/năm), trong điều kiện ổn định, nó là một số rất nhỏ so với 1 đơn vị. Một số chia cho một số gần bằng một thì

bằng chính nó, do đó ta có dạng gần đúng của lãi suất thực là:

$$r_r = r - i$$

Và dạng kỳ vọng của lãi suất thực là: (kí hiệu r_r^e)

$$r_r^e = \frac{r - i^e}{(1 + i^e)}$$

$$\text{và } r_r^e = r - i^e$$

Trong đó, e là từ viết tắt của từ “expected”.

Ví dụ cụ thể như sau:

Nếu mức lãi suất cho vay của VND là 12%/năm (r); tỷ lệ lạm phát là 6,25%/năm (i) thì:

$$r_r = \frac{0,12 - 0,0625}{1 + 0,0625} \times 100 \% = 5,41 \%$$

Mức lãi suất thực gần đúng sẽ là:

$$r_r = 12 \% - 6,25 \% = 5,75 \%$$

Trong thực tế, chúng ta còn bắt gặp một thuật ngữ về lãi suất nữa đó là “Effective interest rate”, đây không phải là loại lãi suất thực mà nó vẫn thuộc lãi suất danh nghĩa. Khi dịch ra tiếng Việt, không nên dịch với nghĩa là

lãi suất hiệu quả, vì nó chưa phản ánh đúng thực chất của thuật ngữ trên. Để dịch nghĩa chính xác thì chúng ta phải xem xét nội dung của thuật ngữ này.

Ở một góc độ khác, lãi suất danh nghĩa (với hàm ý chưa điều chỉnh ảnh

hưởng của việc tính lãi gộp là lãi suất được công bố cho một kỳ nào đó của đơn vị thời gian cơ sở (đơn vị thời gian cơ sở thường là năm). Lãi suất được công bố sẽ không có ý nghĩa đầy đủ nếu không đi kèm với số kỳ được tính gộp lãi. Hai mức lãi suất danh nghĩa được công bố với kỳ hạn khác nhau sẽ không thể so

Trường hợp 1: Khi lãi suất danh nghĩa được công bố là 1 năm.

$$r = (1 + i/n)^n - 1$$

Trường hợp 2: Khi lãi suất danh nghĩa được công bố dưới 1 năm.

$$r = (1 + i/n)^n - 1$$

Cá

ch tính toán này khác về căn bản với cách tính lãi suất đơn giản hay thường được gọi là lãi suất đơn ở chỗ nó tính gộp cả lãi suất tính trên phần lãi được hưởng (lãi mẹ đẻ lãi con). Cách tính trên cũng cho thấy khi số kỳ được tính gộp lãi lớn thì sự khác biệt giữa lãi suất thực và lãi suất danh nghĩa sẽ rất lớn. Về bản chất, lãi suất thực cho biết tỷ lệ lãi thực tế trên một khoản cho vay hoặc đầu tư mà người cho vay hoặc nhà đầu tư thu được trên giá trị của khoản vay hoặc đầu tư đó trong một chu kỳ cho vay so với chu kỳ của lãi suất danh nghĩa. Trong thực tế, các ngân hàng đều công bố lãi suất danh

$$[(1 + \frac{0,13}{4})^4 - 1] \times 100\% = 13,65\%$$

Như vậy, thuật ngữ “effective interest rate” cần được dịch là mức lãi suất thực trả thì mới sát với nội dung của nó.

sánh được với nhau nếu không quy về cùng một kỳ được tính gộp lãi. Lúc này, lãi suất thực cho phép làm điều đó bằng cách quy đổi lãi suất danh nghĩa về lãi suất kép theo công thức sau: Nếu r là lãi suất thực, i là lãi suất danh nghĩa và n là số kỳ được tính gộp lãi trong năm.

nghĩa và tính toán lãi suất

thực dựa trên số kỳ tính gộp lãi.

Xem xét một ví dụ như sau:

Ví dụ: Một hợp đồng tài chính có thời hạn là 1 năm với mức lãi suất là 13%/năm, lãi tính 3 tháng một lần và được nhập vào gốc. Hãy tính mức lãi suất thực trả của hợp đồng này?

Trong hợp đồng trên, mức lãi suất 13%/năm là mức lãi suất danh nghĩa ghi trên hợp đồng, còn mức lãi suất thực trả (effective interest rate) sẽ là mức lãi suất cao hơn vì còn chứa đựng yếu tố lãi sinh ra lãi. Do đó, mức lãi suất thực trả (effective interest rate) của hợp đồng trên là (tính theo trường hợp 1, số kỳ trả là 4 kỳ):

III. KẾT LUẬN.

Tóm lại, nội dung và ý nghĩa của các thuật ngữ kinh tế thị trường đang ngày càng trở nên rất quan trọng

đối với Việt Nam trong tiến trình hội nhập nền kinh tế quốc tế. Do đó, việc hiểu và dịch ra các thuật ngữ kinh tế để đúng sát với nội dung, ý nghĩa, phù hợp với các giai đoạn lịch sử của nền kinh tế là rất quan trọng và cần được hoàn thiện hơn. Với những phân tích ở trên cũng cho phép chúng

ta hình dung một cách rõ ràng và sâu sắc hơn về 2 thuật ngữ rất phổ biến trong nền kinh tế hiện đại./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình *Lý thuyết tài chính – Tiền tệ* (Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội).
2. www.worldbank

SO SÁNH TỶ LỆ SỐNG VÀ KHẢ NĂNG SINH TRƯỞNG CỦA MỘT SỐ GIỐNG TÁO GHÉP MẮT TẠI VƯỜN THỰC NGHIỆM TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT NGHỆ AN.

ThS. Nguyễn Hoàng Tiến
GV khoa Nông – Lâm - Ngư

I. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Ở nước ta có điều kiện sinh thái đa dạng với chế độ khí hậu nhiệt đới ẩm và á nhiệt đới, cùng với sự phân hoá của địa hình đã tạo nên những vùng khí hậu đặc thù có thể phát triển được nhiều loại cây ăn quả khác nhau.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần thì nghề trồng cây ăn quả được chú ý tới trong nền sản xuất nông nghiệp, cây ăn quả vẫn đang hình thành nhiều trang trại tư nhân và tập thể có quy mô lớn với đa dạng cây trồng đặc sản. Tuy việc trồng cây ăn quả đã mang nhiều lợi ích cho người nông dân và

đang được phát triển rộng rãi, nhưng về năng suất cũng như chất lượng còn tồn tại nhiều hạn chế.

Nghề trồng cây ăn quả muốn tăng năng suất và chất lượng sản phẩm đáp ứng cho tiêu dùng và xuất khẩu thì công tác tạo ra nhiều giống tốt để mở rộng diện tích và thâm canh cao là vấn đề quan trọng hàng đầu. Như vậy, vấn đề đặt ra cho chúng ta là phải tạo ra những giống tốt cung cấp giống cây ăn quả với số lượng lớn cho các vùng, đồng thời phát huy thế mạnh về tiềm năng cây ăn quả cho mỗi vùng và làm tăng các sản phẩm cây ăn quả đặc sản.

Để có được cây giống tốt giá thành rẻ thì người sản xuất ngoài việc nắm rõ được nguồn gốc, đặc tính của cây đầu dòng còn phải biết được thời vụ ghép thích hợp và phương pháp ghép hiệu quả nhất cho từng loại cây. Chính vì vậy chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: ***“So sánh tỷ lệ sống và khả năng sinh trưởng của một số giống táo ghép mắt tại vườn thực nghiệm Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An”***.

II. VẬT LIỆU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu, dụng cụ nghiên cứu

- Giống táo H₁₂, Gia lộc, Đại táo.
- Cây gốc ghép được gieo từ hạt táo chua địa phương.
- Phân bón: Đạm Urê, Supe lân, Kali clorua, phân chuồng, vôi bột
- Giây nilong ghép, dao ghép và các dụng cụ khác

Các chỉ tiêu đánh giá.

$$\text{Tỷ lệ cây ghép sống (\%)} = \frac{\text{Tổng số cây ghép sống}}{\text{Tổng số cây ghép thí nghiệm}} \times 100$$

- Xác định tỷ lệ bật mầm qua các giai đoạn; 25 ngày, 30 ngày, 35 ngày sau khi ghép, quan sát tất cả các cây ghép sống.

$$\text{Tỷ lệ cây bật mầm (\%)} = \frac{\text{Tổng số cây ghép bật mầm}}{\text{Tổng số cây ghép sống}} \times 100$$

- Theo dõi động thái sinh trưởng của mầm ghép 7 ngày/ lần. Bắt đầu theo dõi sau khi ghép 25 ngày.

- + Chiều dài mầm (cm)
- + Đường kính mầm (mm)

- Các dụng cụ đo đường kính và chiều dài

2.2. Nội dung nghiên cứu

- Tỷ lệ cây ghép sống của các giống táo ghép mắt.
- Tỷ lệ cây bật mầm của các giống táo ghép mắt.
- Động thái sinh trưởng mầm ghép của các giống táo ghép mắt.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Phương pháp bố trí thí nghiệm

Thí nghiệm được bố trí ba công thức, ba lần nhắc lại thành 9 ô. Mỗi ô thí nghiệm ghép 30 cây, tổng số cây ghép là 270 cây.

Thí nghiệm được bố trí theo khối ngẫu nhiên.

2.3.2. Các chỉ tiêu theo dõi

- Xác định tỷ lệ sống của mắt ghép qua các giai đoạn; 10 ngày, 15 ngày và 20 ngày, quan sát tất cả các ô, tính tỷ lệ cây ghép sống.

+ Số lá trên mầm (lá/ mầm)

2.3.4. Phương pháp xử lý số liệu.

Các số liệu được xử lý trên phần mềm Microsoft Excel 2003 và IRRISTAT for Windows Version 5.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tỷ lệ ghép sống, tỷ lệ bật mầm của các tổ hợp ghép

3.1.1. Tỷ lệ cây ghép sống của các tổ hợp ghép

Số liệu ở bảng 1 chúng tôi thu được sau 10 ngày ghép là thời điểm chúng tôi tháo bỏ giầy nilong ghép, cắt bỏ ngọn cây gốc ghép và là thời điểm thu thập số liệu về tỷ lệ sống lần đầu tiên. Thời điểm này những mắt ghép nào chết sẽ bị khô đen ngay trong nilong ghép, khi tháo giầy nilong mắt ghép sẽ rơi ra nên dễ dàng xác định được mắt ghép sống và chết. Kết quả thấy tổ hợp ghép Gia lộc/ táo

chưa có số cây sống cao nhất là 89 cây đạt 98,89%, số cây ghép sống thấp nhất là tổ hợp ghép Đại táo/ táo chưa chỉ có 84 cây và đạt 93,33%, tổ hợp ghép H₁₂/ táo chưa tỷ lệ ghép sống tương đối cao đạt tới 97,87% (có 88 cây sống). Sau 15 ngày ghép chúng tôi tiến hành xác định tỷ lệ sống lần 2 thì thấy số cây sống có xu hướng giảm. Chứng tỏ sau khi tháo bỏ giầy nilong ghép thì các mắt ghép phải thích ứng với môi trường sống bên ngoài, trong thời gian này còn ảnh hưởng của gió Lào nên một số mắt ghép tiếp hợp kém bị khô dính trên gốc ghép.

Bảng 1: Tỷ lệ ghép sống của các tổ hợp ghép.

Tổ hợp ghép	Tỷ lệ ghép sống sau 10 ngày		Tỷ lệ ghép sống sau 15 ngày		Tỷ lệ ghép sống sau 20 ngày	
	Số cây	Tỷ lệ (%)	Số cây	Tỷ lệ (%)	Số cây	Tỷ lệ (%)
H ₁₂ /táo chua	88	97,78	85	94,44	85	94,44
Gia Lộc / táo chua	89	98,89	87	96,67	87	96,67
Đại táo / táo chua	84	93,33	81	90,00	80	88,89

Sau 20 ngày ghép chúng tôi theo dõi tỷ lệ sống lần cuối thì thấy trên tổ hợp ghép Gia lộc/ táo chua và tổ hợp ghép H₁₂/ táo chua vẫn đạt tỷ lệ sống như khi theo dõi sau ghép 15 ngày, chỉ có trên tổ hợp ghép Đại táo/ táo chua giảm đi một cây ghép sống (còn 80 cây) chỉ đạt tỷ lệ sống 88,89%.

3.1.2. Tỷ lệ bật mầm của các tổ hợp ghép

Ngoài tỷ lệ cây ghép sống thì tỷ lệ bật mầm cũng là những chỉ tiêu quan trọng để đánh giá khả năng tiếp hợp ban đầu của các tổ hợp ghép.

Bảng 2: Tỷ lệ bật mầm của các tổ hợp ghép.

Tổ hợp ghép	Tỷ lệ bật mầm sau 25 ngày ghép	Tỷ lệ bật mầm sau 30 ngày ghép	Tỷ lệ bật mầm sau 35 ngày ghép
-------------	--------------------------------	--------------------------------	--------------------------------

	Số cây	Tỷ lệ (%)	Số cây	Tỷ lệ (%)	Số cây	Tỷ lệ (%)
H₁₂/táo chua	35	41,18	69	81,18	83	97,65
Gia Lộc / táo chua	49	56,32	80	91,95	87	100
Đại táo / táo chua	38	47,50	68	85,00	77	96,25

Số liệu ở bảng 2 cho thấy tỷ lệ bật mầm của các tổ hợp trên đều tăng cao dần qua các lần theo dõi. Sau 25 ngày ghép chúng tôi tiến hành xác định tỷ lệ bật mầm lần đầu tiên thì thấy rằng trên tổ hợp ghép Gia Lộc/ táo chua có tỷ lệ nảy mầm cao nhất là 56,32% (có 49 cây bật mầm), tổ hợp ghép có số cây bật mầm thấp nhất là H₁₂/ táo chua chỉ có 35 cây đạt tỷ lệ 41,18%. Như vậy, sau 15 ngày mở giây nilong ghép thì các mắt ghép đã thích ứng được với môi trường sống và bắt đầu bật mầm mạnh. Lần cuối cùng chúng tôi xác định tỷ lệ bật mầm là sau khi ghép 35 ngày, thời điểm này một số cây bật mầm sớm đã có

chiều dài mầm 9- 10 cm, tuy nhiên cũng có những cây mới bắt đầu bật mầm. Tỷ lệ bật mầm cao nhất vẫn là tổ hợp ghép Gia Lộc/ táo chua đạt 100% cây ghép sống bật mầm (87 cây), tỷ lệ bật mầm thấp nhất là tổ hợp ghép Đại táo/ táo chua chỉ có 77 cây bật mầm đạt tỷ lệ 96,25%. Trên tổ hợp ghép Đại táo/ táo chua và H₁₂/ táo chua có một số mắt ghép không bật mầm được đã bị phản tượng tăng của gốc ghép đẩy ra hoặc dính chặt vào gốc ghép tạo thành vỏ của gốc ghép.

3.2. Động thái sinh trưởng của các tổ hợp ghép.

3.2.1. Động thái sinh trưởng về chiều dài mầm của các tổ hợp ghép

Bảng 4: Động thái sinh trưởng về chiều dài mầm ghép của các tổ hợp

Ngày theo dõi	Chiều dài mầm (cm)						CV%	LSD _{0,05}
	GL/TC	Tốc độ cm/ngày	H ₁₂ /TC	Tốc độ cm/ngày	ĐT/TC	Tốc độ cm/ngày		
28/7	4,85a		4,47a		2,63b		4,9	0,55
4/8	13,56a	1,74	13,44a	1,79	9,33b	1,34	3,7	0,91
11/8	22,38a	1,76	22,79a	1,79	19,21b	1,98	2,9	1,23
18/8	32,10a	1,94	30,47b	1,62	28,21c	1,80	2,0	1,21
25/8	41,47a	1,87	39,02b	1,71	37,62c	1,88	1,6	1,27
1/9	50,00a	1,71	47,73a	1,74	45,17b	1,51	2,4	2,31

(Trong phạm vi hàng, các chữ cái khác nhau biểu thị mức độ sai khác với $p < 0,05$)

Qua số liệu ở bảng 4 cho thấy tổ hợp ghép Gia Lộc/ táo chua có khả năng sinh trưởng mạnh nhất chiều dài

mầm biến động từ 4,85 – 50cm. Còn sinh trưởng yếu nhất là tổ hợp ghép Đại táo/táo chua có chiều dài biến

động từ 2,63 – 45,17cm. Nhìn vào bảng trên ta thấy sự chênh lệch về chiều dài mầm giữa các tổ hợp ghép là tương đối lớn cụ thể ở tổ hợp ghép Gia lộc/ táo chua và Đại táo/ táo chua. Ngày 28/7 theo dõi tổ hợp ghép Gia lộc/ táo chua được 4,85cm, tổ hợp ghép H₁₂/ táo chua 4, 47cm còn Đại táo/ táo chua chỉ 2,63cm. Đến ngày 1/9 là ngày cuối cùng theo dõi thì tổ hợp ghép Gia lộc/ táo chua được 50,00cm, tổ hợp ghép H₁₂/ táo chua 47,73cm còn Đại táo/ táo chua chỉ 45,17cm. Như vậy, tổ hợp ghép Gia

Lộc/ táo chua có khả năng sinh trưởng về chiều dài mầm mạnh nhất, sinh trưởng kém nhất là tổ hợp ghép Đại táo/ táo chua.

3.2.2. Động thái sinh trưởng về số lá trên mầm của các tổ hợp ghép.

Qua kết quả theo dõi ở bảng 5 cho thấy số lá/ mầm ghép cao nhất là tổ hợp ghép Gia Lộc/ táo chua, có biến động số lá từ 3,6 – 21,27 lá. Còn tổ hợp ghép có số lá/ mầm ghép thấp nhất là Đại táo / táo chua có biến động số lá từ 2,76 – 17,00 lá.

Bảng 5: Động thái sinh trưởng về số lá trên mầm của các tổ hợp ghép

Ngày theo dõi	Số lá trên mầm (lá)						CV%	LSD _{0,05}
	GL/TC	Tốc độ	H ₁₂ /TC	Tốc độ	ĐT/TC	Tốc độ		
		Lá/ngày		Lá/ngày		Lá/ngày		
28/7	3,60a		3,27a		2,67b		4,0	0,49
4/8	8,43a	0,97	7,83a	0,91	6,90b	0,85	4,9	0,74
11/8	14,17a	1,15	12,03b	0,84	9,97c	0,61	0,9	0,21
18/8	16,63a	0,49	15,10b	0,61	13,17c	0,64	3,9	1,18
25/8	19,03a	0,48	17,90b	0,56	15,17c	0,40	1,7	0,59
1/9	21,27a	0,45	20,07b	0,43	17,00c	0,37	1,7	0,66

(Trong phạm vi hàng, các chữ cái khác nhau biểu thị mức độ sai khác với $p < 0,05$)

Như vậy, ta thấy tốc độ ra lá giữa các giống chênh lệch nhau không lớn lắm, tuy nhiên lại có sự chênh lệch khá lớn về số lá. Ngày 28/7 theo dõi số lá trên các tổ hợp ghép thì thấy trên tổ hợp ghép Gia lộc/ táo chua có số lá là 3,60 lá, tổ hợp ghép H₁₂/ táo chua có số lá là 3,27 lá, còn tổ hợp ghép Đại táo/ táo chua có số lá thấp nhất là 2,67 lá. Như vậy số lá của cây có thể là do đặc tính di truyền

của giống quyết định, là yếu tố ít bị ảnh hưởng của khí hậu thời tiết nhưng tốc độ ra lá lại khá ảnh hưởng. Đến ngày 1/9 là ngày cuối cùng theo dõi thì số lá chênh lệch nhau rõ rệt, trên tổ hợp ghép Gia lộc/ táo chua có số lá là 21,27 lá, trên tổ hợp ghép H₁₂/ táo chua có số lá là 20,07 lá, còn tổ hợp ghép Đại táo/ táo chua có số lá thấp nhất là 17,00 lá.

3.2.3. Động thái sinh trưởng về đường kính mầm của các tổ hợp ghép.

Qua bảng 6 cho ta thấy tốc độ tăng trưởng đường kính mầm của 3 giống có sự biến động liên tục. Nhìn chung thì giống táo Gia lộc vẫn là giống táo có đường kính lớn nhất, biến động từ 2,64 – 5,94 mm. Vào ngày 28/7 ta thấy trên tổ hợp ghép H₁₂/ táo chua có đường kính mầm là 3,01 mm, trong khi đó trên tổ hợp ghép Gia lộc / táo chua đường kính mầm chỉ đạt 2,64 mm và tổ hợp ghép Đại táo/ táo chua đường kính mầm chỉ đạt 2,57 mm. Do đặc tính sinh học của từng giống táo mà đường kính mầm về sau thường sinh trưởng có sự khác

nhau. Ngày 1/9 theo dõi số liệu lần cuối cùng chúng tôi thấy tổ hợp ghép Gia lộc/ táo chua đường kính mầm lớn nhất đạt 5,94 mm, tổ hợp ghép Đại táo/ táo chua đường kính mầm đạt 5,76 mm, nhưng trên tổ hợp ghép H₁₂/ táo chua đường kính mầm chỉ đạt 5,74 mm. Trên tổ hợp ghép H₁₂/ táo chua đường kính mầm sinh trưởng với tốc độ chậm, ban đầu khi mới bật mầm thì mầm to khỏe nhưng về sau tốc độ sinh trưởng về đường kính giảm mà tập trung sinh trưởng về chiều dài mầm và số lá. Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng về đường kính của các tổ hợp ghép có sự sai khác nhau nhưng chênh lệch về kích thước cũng không lớn lắm.

Bảng 6: Động thái sinh trưởng về đường kính mầm của các tổ hợp ghép

Ngày theo dõi	Đường kính mầm (mm)						CV%	LSD _{0,0} 5
	G/L/TC	Tốc độ (mm/ngày)	H ₁₂ /TC	Tốc độ mm/ngày	ĐT/TC	Tốc độ mm/ngày		
28/7	2,64b		3,01a		2,57b		1,7	0,94
4/8	3,38b	0,15	3,65a	0,13	3,29b	0,14	2,2	0,15
11/8	3,90b	0,10	4,36a	0,14	4,08b	0,16	3,1	0,26
18/8	4,40a	0,10	4,68a	0,06	4,53a	0,09	4,2	0,47
25/8	5,16a	0,15	5,09a	0,08	5,20a	0,13	2,5	0,26
1/9	5,94a	0,16	5,74b	0,13	5,76b	0,11	0,8	0,95

(Trong phạm vi hàng, các chữ cái khác nhau biểu thị mức độ sai khác với $p < 0,05$)

Như vậy, thông qua tình hình sinh trưởng về chiều dài mầm, số lá trên mầm, đường kính mầm của các tổ hợp ghép chúng ta đã phân nào đánh giá được tình hình sinh trưởng của các tổ hợp ghép và qua đây chúng ta cũng sẽ tìm ra được tổ hợp ghép sinh trưởng tốt nhất.

IV. KẾT LUẬN

- Tổ hợp ghép có tỷ lệ ghép sống cao nhất là giống táo Gia lộc/ táo chua còn tỷ lệ ghép sống thấp nhất là giống táo Đại táo/ táo chua.

- Tổ hợp ghép có tỷ lệ bật mầm thấp nhất là Đại táo/ táo chua còn tổ

hợp Gia lộc/ táo chua địa phương có tỷ lệ bất mầm đạt 100%.

- Tổ hợp ghép có chiều dài mầm và tốc độ tăng trưởng cao nhất là táo Gia lộc/ Táo chua còn thấp nhất là Đại táo/ Táo chua.

- Số lá trên mầm và tốc độ ra lá đạt cao nhất là tổ hợp ghép táo Gia lộc/ Táo chua còn thấp nhất là Đại táo/ Táo chua.

- Có đường kính và tốc độ tăng trưởng lớn nhất là Gia lộc/ Táo chua còn thấp nhất là H₁₂/ Táo chua.

QUAN NIỆM CỦA MỘT SỐ HỌC THUYẾT KINH TẾ CẬN, HIỆN ĐẠI VỀ VAI TRÒ NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ SỰ VẬN DỤNG Ở VIỆT NAM

Th.S Trần Thị Bình

GV Tổ Bộ môn Lý luận- Chính trị

Đặt vấn đề

Trong suốt chiều dài lịch sử học thuyết kinh tế, mỗi trường phái đều có những đặc điểm lý luận riêng, nó được quy định và chi phối bởi phương pháp luận và điều kiện lịch sử kinh tế riêng. Tuy nhiên, đứng ở góc độ quan niệm về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường, thì lịch sử học thuyết kinh tế kể từ khi hình thành phát triển của CNTB đến nay, đó là sự tranh luận giữa một bên đề cao vai trò của thị trường và một bên đề cao vai trò của nhà nước đối với nền kinh tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS. TS. Phạm Văn Côn, *Kỹ thuật ghép cây rau - hoa- quả*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội 2007.
2. Lê Huy Hào, *Tuyển chọn giống và giống cây ăn quả*, NXB Thanh Hoá 2005
3. GS. Vũ Công Hậu, *Nhân giống cây ăn trái*, NXB Nông nghiệp, TP. Hồ Chí Minh 1999.
4. PGS. TS. Hoàng Ngắc Thuần, *Chiết ghép, giâm cành, t, ch chồi c©y ăn quả*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội 2009.

Trong bài viết này, tác giả hệ thống hóa quan niệm về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở một số học thuyết kinh tế từ đầu thế kỷ XX đến nay, chỉ ra tính quy luật của sự thay đổi các quan niệm về vai trò của nhà nước đối với kinh tế thị trường, từ đó đề xuất một số ý kiến về giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường trong sự phát triển kinh tế Việt Nam hiện nay.

1. Quan niệm về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở một số học thuyết kinh tế cận, hiện đại.

1.1. Quan niệm của trường phái Tân cổ điển.

Trường phái “Tân cổ điển” giữ vai trò thống trị vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, được phát triển ở nhiều nước cùng với những tác giả tiêu biểu, như trường phái “Giới hạn” thành Viene (Áo), trường phái “Giới hạn” Mỹ, trường phái thành Lausanne (Thụy Sĩ)... Ở mỗi nước đều có một số đại biểu tiêu biểu.

Giống như trường phái cổ điển, các nhà kinh tế của trường phái Tân cổ điển *ủng hộ tự do cạnh tranh, chống lại sự can thiệp của nhà nước vào kinh tế*, tin tưởng vững chắc vào kinh tế thị trường tự phát sẽ bảo đảm cân đối cung – cầu, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển.

Theo họ cạnh tranh tự do không bao giờ nảy sinh một cách tự nhiên, nó xuất hiện và phát huy tác dụng khi được đảm bảo bởi nguyên tắc số một: Sở hữu tư nhân, chính chế độ sở hữu tư nhân là nhân tố cơ bản làm cho nền kinh tế thị trường luôn khôi phục được sự cân bằng chung, vì vậy nếu nhà nước không tạo điều kiện để khu vực kinh tế tư nhân phát triển chắc chắn sẽ dẫn đến sự phát triển mất cân đối, chế độ tư hữu là cơ sở đảm bảo cho sự hòa hợp tự nhiên, do vậy không cần đến sự can thiệp chính phủ hay các cơ quan điều tiết khác. Với quan niệm trên đây, trường phái

Tân cổ điển cho rằng nhà nước nên dừng ở những chức năng chính sau:

- Duy trì ổn định chính trị.
- Tạo môi trường pháp luật ổn định và chính sách thuế khóa hợp lý, khuyến khích người tiêu dùng.
- Sử dụng hợp lý ngân sách quốc gia, hướng chỉ tiêu ngân sách cho mục tiêu phát triển phát triển kinh tế như đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu cơ bản để đổi mới công nghệ, hỗ trợ cho những ngành sản xuất có triển vọng cạnh tranh cao trên thị trường thế giới...

Ngoài những chức năng cơ bản đó, nhà nước không nên can thiệp gì thêm, hãy để cho giới kinh doanh và người tiêu dùng quyết định những vấn đề còn lại.

1.2. Quan niệm của Keynes và trường phái Keynes.

Có thể thấy sự khác nhau căn bản trong quan niệm về vai trò của nhà nước giữa cách nhìn của Keynes và cách nhìn của Tân cổ điển.

Nếu Tân cổ điển cho rằng nhà nước không nên can thiệp trực tiếp mà chỉ dừng lại ở chức năng tạo môi trường, thì Keynes khẳng định và nêu lên quan điểm về vấn đề khủng hoảng, thất nghiệp và vai trò điều tiết của nhà nước. Theo ông giữa cung và cầu ít khi có sự cân bằng, bởi vì chúng chịu tác động của hàng loạt nhân tố (thu nhập, xu hướng tiêu dùng

giới hạn, tiết kiệm, hiệu quả giới hạn của tư bản, lãi suất, xu hướng ưa chuộng tiền mặt...) và trong hầu hết các trường hợp thì tổng cầu luôn nhỏ hơn tổng cung. Tình hình đó gây nên hiện tượng thừa hàng hóa, làm sản xuất bị thu hẹp, thất nghiệp gia tăng. Keynes thừa nhận sự phát triển có tính chu kỳ của nền kinh tế TBCN và coi đó là một hiện tượng vô cùng phức tạp, một căn bệnh nan giải và để khắc phục không thể dựa vào sự điều tiết của thị trường cũng như dựa vào những sáng kiến cá nhân. Ông khẳng định *cần có vai trò nhà nước trong điều tiết nền kinh tế*. Vai trò đó được thể hiện tập trung ở việc điều chỉnh tổng cầu.

Tổng cầu hiệu quả gồm có cầu tiêu dùng và cầu đầu tư. Cầu tiêu dùng giảm do tác động của khuynh hướng tiêu dùng giới hạn và thu nhập. Thu nhập tăng lên khi việc làm tăng, song do sự tác động của khuynh hướng tiêu dùng giới hạn nên tiêu dùng tăng chậm hơn thu nhập (còn tiết kiệm lại tăng nhanh) điều này làm cho tiêu dùng giảm tương đối.

Cầu đầu tư giảm do sự tác động của hiệu quả giới hạn của tư bản. Hiệu quả giới hạn của tư bản giảm xuống làm mất niềm tin của doanh nhân vào thu nhập tương lai, do vậy họ từ bỏ việc đầu tư, làm cho việc thu hút việc làm bị ngừng trệ, thất

nghiệp tăng. Cầu đầu tư còn phụ thuộc vào sự biến động lãi suất, khối lượng tiền tệ và khuynh hướng chuộng tiền mặt, tất cả các nhân tố tác động tới tổng cầu hiệu quả đều tác động tới việc làm. Do vậy, để chống thất nghiệp phải dùng các biện pháp để tác động vào tổng cầu hiệu quả. Việc này cần phải có bàn tay của chính phủ, không thể phó mặc cho thị trường.

Theo Keynes, chính phủ có thể can thiệp vào nền kinh tế thông qua công cụ chính sách tài khóa, bao gồm thuế và chi tiêu ngân sách. Keynes nhấn mạnh vấn đề chi ngân sách và cho rằng chính phủ nên cung ứng những kích thích ban đầu bằng những công trình kinh tế công cộng. Những công trình kinh tế công cộng đó, một mặt tạo ra việc làm, mặt khác dẫn đến tăng cầu về tư liệu sản xuất, nó còn có thể dẫn đến sự xuất hiện của những hình thức hoạt động dịch vụ thu hút khối lượng lao động lớn, làm tăng hơn nữa số lượng việc làm, nhu cầu tiêu dùng của cá nhân có khả năng thanh toán tăng tạo lực đẩy, kích thích khu vực kinh tế tư nhân phát triển, tạo niềm tin cho doanh nghiệp trong kinh doanh, cách thức can thiệp của chính phủ như vậy sẽ dẫn đến hiệu ứng cho nền kinh tế.

Để nâng cao cầu tiêu dùng, Keynes cho rằng sự điều tiết của

chính phủ cũng rất quan trọng. Muốn kích cầu tiêu dùng trước hết phải điều chỉnh chính sách thuế theo hướng giảm thuế thu nhập, thậm chí Keynes còn đưa ra biện pháp “thực hiện tín dụng tiêu dùng” – nhà nước khuyến khích mọi người mua chịu hàng hóa và trả dần, nhờ đó mà tiêu dùng hàng hóa nhanh. Nếu đầu tư cùng tăng với tiết kiệm, kết quả có được là tăng mức tổng cầu làm thu nhập quốc dân tăng.

Từ những quan điểm và cách lập luận của Keynes có thể khẳng định rằng, nền kinh tế thị trường không có khả năng tự điều tiết. Vì vậy, để thúc đẩy sự phát triển đều đặn, nhà nước phải trực tiếp can thiệp và điều tiết vào kinh tế.

1.3. Quan điểm của Chủ nghĩa tự do mới.

Chủ nghĩa tự do mới là một trong những trào lưu tư tưởng kinh tế lớn, xuất hiện từ những năm 1930 và phát triển cho tới nay. Xuất hiện ở nhiều nước tư bản với các tên gọi khác nhau, trong đó điển hình là các khuynh hướng ở Mỹ và chủ nghĩa tự do mới ở Đức (lý thuyết về nền kinh tế thị trường xã hội), lý thuyết trọng tiền, lý thuyết trọng cung ở Mỹ...

Đặc trưng của hệ thống lý luận này, họ áp dụng và kết hợp các quan điểm cũng như các phương pháp luận của chủ nghĩa tự do cũ, trường phái trọng thương mới, trường phái

Keynes để hình thành hệ tư tưởng mới nhằm điều tiết nền kinh tế CNTB. Tư tưởng cơ bản của nó là cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước ở một mức độ nhất định. Khẩu hiệu của họ là “*thị trường nhiều hơn, nhà nước can thiệp ít hơn*”.

Lý thuyết tự do kinh tế ở Mỹ, nổi bật là phái Trọng tiền, ra đời vào những năm 40 và 50 của thế kỷ XX ở Hoa Kỳ, đại diện tiêu biểu là Milton Friedman. Tư tưởng cơ bản của phái này là đề cao vai trò của các đại lượng tiền tệ đối với các biến động kinh tế vĩ mô. Theo họ, về bản chất nền kinh tế TBCN là tương đối ổn định, với giá cả và tiền công tương đối linh hoạt, cơ chế thị trường tự nó sẽ bảo đảm cân bằng cung - cầu và không nhất thiết phải trải qua các chu kỳ kinh doanh. Sở dĩ trong nền kinh tế đã xảy ra những đợt suy thoái hay lạm phát cao là do nhà nước đã cung ứng quá nhiều hoặc quá ít tiền cho nền kinh tế. M.Friedman chủ trương, để cho nền kinh tế thị trường tự do điều tiết, nhà nước can thiệp chỉ làm xấu thêm tình hình của thị trường, vì nếu thị trường có khuyết tật thì bản thân nhà nước cũng có những khuyết tật. Nếu cần thiết phải điều chỉnh khi nền kinh tế vận động sai lệch, nhà nước chỉ áp dụng chính sách tiền tệ, chủ yếu là điều chỉnh khối lượng tiền tệ cần thiết cho lưu thông.

Cũng là một khuynh hướng của chủ nghĩa tự do mới, ở Đức khuynh hướng này có tên là “kinh tế thị trường xã hội”, trong đó tác giả Alfred Muller – Armack là nổi bật hơn cả. Cách nhìn nhận của phái kinh tế thị trường xã hội về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế có sự khác biệt so với các phái tự do mới của Mỹ. Trong nền kinh tế thị trường xã hội, các quá trình kinh tế - xã hội vận hành trên nguyên tắc cạnh tranh có hiệu quả và phát huy cao độ tính chủ động và sáng kiến của cá nhân, do đó chính phủ chỉ can thiệp vào nơi nào cạnh tranh không có hiệu quả, ở nơi cần phải bảo vệ và thúc đẩy cạnh tranh có hiệu quả. Nền kinh tế thị trường xã hội đòi hỏi nhà nước phải mạnh, song chỉ can thiệp với mức độ cần thiết và phải dựa trên hai nguyên tắc hỗ trợ và tương hợp. Nguyên tắc hỗ trợ xác định chức năng của nhà nước phải khơi dậy và bảo vệ các nhân tố của thị trường, ổn định hệ thống tài chính – tiền tệ, duy trì chế độ sở hữu tư nhân và giữ gìn trật tự an ninh, công bằng xã hội. Nguyên tắc tương hợp làm cơ sở để nhà nước hoạch định các chính sách kinh tế phù hợp với sự vận động của các quy luật trong nền kinh tế thị trường, đồng thời phải đảm bảo được các mục tiêu kinh tế - xã hội của mình, trong đó bao gồm các chính sách, toàn dụng nhân lực, tăng trưởng,

chống chu kỳ, thương mại và chính sách đối với các ngành và các lãnh thổ.

Với quan điểm nêu trên, các tác giả của học thuyết nền kinh tế thị trường xã hội ở Đức đã đưa nhà nước lên tầm cao hơn hẳn Chủ nghĩa tự do cũ. Trong mô hình nền kinh tế thị trường xã hội, về nguyên tắc, nguyên lý nhà nước tối thiểu vẫn có giá trị với việc duy trì hiện nay và tạo ra những cân bằng xã hội bên ngoài nền kinh tế; trong nền kinh tế đó mọi hoạt động của nhà nước phải chịu sự kiểm soát của các công cụ pháp lý, đồng thời nhà nước phải đưa ra được các chính sách thống nhất, không đối đầu, không đi ngược lại thị trường nhưng có trách nhiệm sửa chữa được các sai lệch của thị trường và đảm bảo không thay thế các sai lệch của thị trường bằng các sai lệch của nhà nước.

1.4. Quan điểm trường phái chính hiện đại.

Ra đời vào những năm 60, 70 của thế kỷ XX, đại biểu cho trào lưu này là P.A.Samuelson (người Mỹ), theo ông để đảm bảo được ba tiêu chí cơ bản của nền kinh tế: hiệu quả, công bằng và ổn định, cách tốt nhất là phải hình thành nên một “nền kinh tế hỗn hợp”. Trong “nền kinh tế hỗn hợp” có cả thị trường lẫn chính phủ. Cơ chế thị trường xác định giá cả và sản lượng trong nhiều lĩnh vực, trong khi

đó chính phủ điều tiết thị trường bằng các chương trình thuế, chi tiêu, luật lệ. Cả hai bên thị trường và chính phủ đều có tính chất thiết yếu.

2. Đánh giá quan niệm của các trường phái kinh tế trong lịch sử về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường.

Qua phân tích tìm hiểu vai trò của nhà nước trong nền kinh tế từ các học thuyết kinh tế tư sản, ta thấy trên thực tế chưa bao giờ tồn tại kiểu kinh tế thị trường hoàn toàn không có nhà nước, thoát ly khỏi nhà nước. Nhìn một cách khách quan, nhà nước luôn là một bộ phận hữu cơ nằm trong cấu trúc tổng thể của kinh tế thị trường, sự tồn tại của nhà nước trong cấu trúc đó là một tất yếu kinh tế, tất yếu lịch sử, ở đó nhà nước vừa có thể là một chủ thể sở hữu, bên cạnh những chủ thể sở hữu khác, đồng thời là một chủ thể quản lý.

Tuy nhiên sự khác biệt giữa các giai đoạn lịch sử và các quốc gia chỉ ở chỗ tính chất của nhà nước như thể nào, cách thức can thiệp, quản lý và điều tiết, hiệu quả của sự can thiệp này ra sao đối với nền kinh tế. Do vậy, sự tác động thúc đẩy hay kìm hãm sự phát triển kinh tế thị trường của mỗi cách tiếp cận đều có những giới hạn nhất định.

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới từ 2008 đến nay là một bài toán

để soi vào cuộc đấu tranh giữa hai trường phái chủ yếu; trường phái Keynes đánh giá cao của điều tiết nhà nước, còn trường phái Tân cổ điển, nhấn mạnh vai trò của cạnh tranh tự do và đề cao quyền lực của “bàn tay vô hình”, vậy cuộc khủng hoảng lần này cho thấy tính đúng đắn của lý thuyết Keynes. Khởi đầu cuộc khủng hoảng kinh tế đi từ nước Mỹ, do thả lỏng quá mức vai trò điều tiết của thị trường tự do, đồng thời việc khắc phục khủng hoảng bằng các gói kích cầu của nhà nước theo đúng đề xuất của Keynes thì mới đem lại hiệu quả, cuộc khủng hoảng này đòi hỏi nhìn nhận lại nguyên lý cân bằng, hài hòa trong việc giải quyết mối quan hệ giữa thị trường và nhà nước trong vận hành nền kinh tế thị trường. Đây là một sự gợi ý cho việc hoạch định chiến lược và chính sách phát triển cho Việt Nam, không được buông lỏng vai trò và chức năng quản lý của nhà nước đối với nền kinh tế thị trường, tuy nhiên, nếu nhà nước can thiệp quá mức cũng sẽ cản trở đến sự phát triển, mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung ở các nước xã hội chủ nghĩa theo mô hình cũ là một bài học đắt giá. Nhiều nhà kinh tế trong nghiên cứu đã khẳng định; sai lầm trong chính sách và điều hành của chính phủ cũng gây hậu quả cho nền kinh tế to lớn không kém gì sai lầm sự

phát triển tự phát của nền kinh tế thị trường.

3. Vai trò nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Từ những lý thuyết kinh tế chính trên thế giới và các mô hình thực tiễn về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở một số quốc gia, có thể kiểm nghiệm lại việc giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước với thị trường ở Việt Nam thời gian qua. Trải qua hơn 25 năm đổi mới, Việt Nam đã có những thành công bước đầu trong việc hoàn thành và hoàn thiện cơ chế thị trường, cũng như điều chỉnh vai trò tương ứng của nhà nước trong nền kinh tế

Thực tiễn phát triển nền kinh tế thị trường hơn 20 năm đổi mới cho thấy, nhà nước ta đã có nhiều tác động tích cực trong việc bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển nền kinh tế này. Việc từng bước hoàn thành hệ thống chính sách về chế độ sở hữu và cơ cấu thành phần kinh tế đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch theo hướng tạo động lực và điều kiện thuận lợi hơn cho khai thác các tiềm năng trong và ngoài nước để phát triển kinh tế - xã hội. Nhờ đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế, nhìn chung không ngừng được nâng cao: Thời kỳ 1986 – 1990, tăng trưởng GDP bình quân đạt 4,5%/năm;

1996 – 2000 : 7%/năm; 2001 – 2005: 7,5%/năm; năm 2007 đạt 8,48%. Năm 2008 dù phải đối mặt với không ít khó khăn, nhưng Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng GDP là 6,32%, năm 2013 một năm đầy khó khăn cho nền kinh tế thế giới song Việt Nam vẫn đạt được 5,5%. Nhà nước đã có nhiều chính sách phát huy vai trò các nhân tố nội lực, ngoại lực, trước hết là nhân tố con người rất được coi trọng, dân chủ được phát huy, giữ vững độc lập tự chủ, có nhiều tác động tích cực trong việc bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển nền kinh tế, hạn chế được nhiều mặt tiêu cực của kinh tế thị trường nhằm phát triển một xã hội dân chủ, văn minh, tiên bộ.

Tuy nhiên, việc phát huy vai trò của nhà nước đối với sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay cũng còn những hạn chế nhất định, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chưa được xây dựng đồng bộ, quản lý nhà nước về kinh tế còn nhiều yếu kém, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế thấp, chưa giải quyết tốt vấn đề tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả, hiệu lực tác động của nhà nước tới phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

hiện nay: Nhà nước cần sớm hoàn thiện thể chế của nền kinh tế thị trường, đặc biệt là hoàn thiện hệ thống pháp luật về sở hữu. Hệ thống luật này phải khẳng định và bảo vệ sự tồn tại khách quan, lâu dài tính đa dạng của các hình thức sở hữu; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu. Cần xác định rõ, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của nhà nước ta là cung cấp môi trường pháp lý tin cậy cho các chủ thể kinh tế phát huy tối đa năng lực của họ.

Cần tiếp tục phân định rạch ròi chức năng quản lý hành chính nhà nước đối với kinh tế và quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhà nước cần làm tốt chức năng hỗ trợ cho toàn xã hội sản xuất hàng hóa công cũng như tư, đặc biệt là kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội.

Nâng cao nhiều hơn nữa năng lực của bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế, cần cải cách thể chế xây dựng chính sách, tích cực đấu tranh chống các hành vi độc đoán, chuyên quyền, tề quan lưu, tham nhũng trong bộ máy nhà nước.

Thực hiện tốt chức năng của “nhà nước phúc lợi”, với nhiệm vụ xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhà nước không thể chỉ hạn chế phạm vi hoạt động của mình trong việc tôn trọng các quy luật và nguyên tắc của kinh tế

thị trường mà còn phải có trách nhiệm xây dựng bảo đảm thực thi có hiệu quả các chính sách cần thiết cho một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh với môi trường sống và phúc lợi xã hội tốt nhất.

Kết luận:

Nhà nước luôn là một tác nhân quan trọng trong nền kinh tế. Hoạt động của nhà nước luôn có những ảnh hưởng lớn tới toàn bộ nền kinh tế như một tổng thể cũng như tới hoạt động của các tác nhân kinh tế khác trong nền kinh tế. Tuy nhiên mức độ can thiệp, vai trò của nhà nước trong nền kinh tế ở mỗi xã hội, mỗi chế độ kinh tế, mỗi thời điểm, cũng như mỗi quốc gia không giống nhau. Sự khác nhau này không phải do ý chí chủ quan của con người mà do sự vận động phát triển của lực lượng sản xuất quyết định. Nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố như trình độ xã hội hóa của lực lượng sản xuất, lợi ích đòi hỏi của giai cấp thống trị... Chính vì vậy việc xác định vai trò và mức độ can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế luôn chiếm một vị trí quan trọng trong các học thuyết kinh tế.

Việt Nam đang trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn TBCN, với điểm xuất phát rất thấp về kinh tế. Vai trò điều tiết hướng dẫn của nhà nước để nền kinh tế phát triển theo đúng hướng xã hội

chủ nghĩa là rất cần thiết và quan trọng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. PGS.TS.Trần Bình Trọng (2010), *Giáo trình Lịch sử học thuyết kinh tế*, Nxb Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.

3. NGU'TS.Nguyễn Thị Lan (2013), *Giáo trình lịch sử học thuyết kinh tế*, Nghệ An.

CÁC GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ VÙNG MIỀN NÚI TỈNH NGHỆ AN ĐẾN NĂM 2020

Th.S Nguyễn Thị Thúy Cường

GV Tổ BM Lý luận Chính trị

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vùng miền núi tỉnh Nghệ An có diện tích rộng gần 1,4 triệu ha, chiếm 83% diện tích toàn tỉnh. Là vùng có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh của tỉnh và cả nước; có tiềm năng lớn về tài nguyên đất trồng cây công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, phát triển rừng, thủy điện, khoáng sản, phát triển thương mại, du lịch. Bên cạnh đó, vùng miền núi còn có nhiều khó khăn như địa hình hiểm trở, chia cắt, kết cấu hạ tầng kém phát triển, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trong vùng còn thấp tỷ lệ hộ đói nghèo cao. Nguyên nhân chính của tình trạng nghèo ở vùng miền núi là

do sản xuất chủ yếu vẫn là nông nghiệp, mà điều kiện sản xuất lại bất lợi đối với người nghèo, thiên tai và điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, địa hình hiểm trở, chia cắt, bị cô lập do thiếu hoặc không có đường giao thông. Nguyên nhân nghèo mang tính chủ quan là do sự ỷ lại, trông chờ của các hộ nghèo, không muốn tự nguyện vươn lên, thiếu vốn sản xuất...

Những năm gần đây, Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát triển kinh tế xã hội vùng miền núi, đặc biệt đã dành nhiều nguồn lực cho việc thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, ban hành nhiều chính sách đầu tư hỗ trợ trực tiếp cho người

nghèo, xã nghèo, nhất là các xã đặc biệt khó khăn.

Song, để hiện thực được các chỉ tiêu này, đòi hỏi phải đánh giá một cách khách quan thực tế chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế từ đó lựa chọn được đường đi và các giải pháp thúc đẩy việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nhằm xoá đói giảm nghèo một cách bền vững trong những năm tới.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ VÙNG MIỀN NÚI TỈNH NGHỆ AN

2.1. Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng

Trong những năm qua, cơ cấu kinh tế của miền núi Nghệ An chuyển dịch chậm. Một trong những nguyên nhân cơ bản của thực trạng này là hệ thống giao thông vùng miền núi rất yếu kém. Vì vậy để tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng miền núi, Nghệ An phải tập trung cao độ vào phát triển hệ thống giao thông trong tỉnh. Khi hạ tầng giao thông phát triển, vận chuyển hàng hoá và hành khách thuận lợi là điều kiện hàng đầu cho sự phát triển kinh tế xã hội của Nghệ An nói chung và miền núi nói riêng những năm tới.

2.2. Tăng cường huy động và sử dụng các nguồn vốn đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Với việc tập trung phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông như nói trên, và xây dựng các khu công nghiệp tập trung và đô thị hoá, nhu cầu nguồn vốn đầu tư cho miền núi là rất lớn. Giải pháp chủ yếu huy động nguồn lực cho đầu tư:

Một là, rà soát, bổ sung cơ chế chính sách thu hút các nguồn đầu tư, phát triển giao thông nông thôn, khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng.

Hai là, tranh thủ nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước, nguồn trái phiếu Chính phủ để đầu tư vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng.

Ba là, đối với các tuyến đường liên huyện, liên xã, thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", thực hiện cơ chế ngân sách hỗ trợ 30-40%, huy động sức dân 60-70%.

Bốn là, đối với nguồn vốn tín dụng: Tăng cường hoạt động của các tổ chức tín dụng, xây dựng cơ chế gắn bó giữa ngân hàng, các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp để tăng tỷ trọng vốn tín dụng trong cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội.

Năm là, đối với vốn từ doanh nghiệp Nhà nước. Có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp Nhà nước tăng cường đầu tư và tái đầu tư từ vốn tự có nhằm nâng tỷ trọng đầu tư từ vốn doanh nghiệp trong tổng số vốn đầu tư toàn xã hội. Đẩy nhanh tiến độ cổ phần hoá doanh nghiệp, chuyển

đổi hình thức sở hữu, đa dạng hoá hình thức sở hữu... tăng cường thu hút vốn từ các hoạt động này.

Sáu là, đổi với vốn từ khu vực dân doanh. Tích cực cải cách môi trường kinh doanh, tạo tâm lý tin tưởng đầu tư của nhân dân, gỡ bỏ các rào cản đối với khu vực kinh tế tư nhân. Khuyến khích người dân đầu tư và liên doanh đầu tư phát triển sản xuất với các tổ chức kinh doanh.

Bảy là, đổi với vốn từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cần làm tốt công tác giải phóng mặt bằng tạo điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án. Hoàn thiện các chính sách ưu đãi về thuế, phí, dịch vụ đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

Tám là, xúc tiến đầu tư, kêu gọi các dự án sản xuất có nguồn thu lớn như xi măng, khai thác và chế biến đá trắng, chế biến gỗ, lâm sản và các sản phẩm hàng hoá phục vụ xuất khẩu. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, đề cao trách nhiệm của chủ đầu tư. Xây dựng cơ cấu đầu tư hợp lý tạo ta khả năng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh.

2.3. Phát triển vùng để tạo động lực lan toả cho sự phát triển vùng miền núi

Đầu tư có lựa chọn phát triển để tạo ra cực tăng trưởng trong vùng có tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ

chung của vùng, từ đó tạo động lực và lan toả tác dụng ra các vùng, khu vực xung quanh. Xây dựng và phát huy tối đa tác động của các tuyến giao thông quan trọng trên địa bàn miền núi (đường vành đai biên giới, đường nối, các tuyến đường nhánh, đường Hồ Chí Minh), tuyến cửa khẩu (Nậm Cắn - Kỳ Sơn, Thanh Thủy - Thanh Chương, Thông Thụ - Quế Phong) để giao lưu với nước bạn Lào và các nước trong khu vực.

2.4. Đầu tư ứng dụng khoa học tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm

Tập trung nghiên cứu giải quyết căn bản được các loại giống cây trồng (mía, dứa, sắn...), vật nuôi (trâu, bò, lợn...) có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp, thích nghi với điều kiện tự nhiên và thổ nhưỡng của từng vùng. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ tiên tiến trong công nghiệp chế biến, trước hết là chế biến nông lâm sản cho xuất khẩu và phục vụ nhu cầu trong nước.

2.5. Mở rộng phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm

Một là, đẩy mạnh phát triển các loại thị trường: Thực hiện chủ trương phát triển các loại thị trường, cần có sự nghiên cứu để phát triển mạnh hơn nữa thị trường đầu vào và thị trường đầu ra. Đối với thị trường đầu vào, cần có những quy định cụ

thể để cho vốn, đất đai, lao động được giao dịch như những hàng hoá phục vụ cho sự phát triển của các doanh nghiệp.

Đối với thị trường sản phẩm đầu ra, cần nghiên cứu để phân từng thị trường, sao cho sản phẩm tiêu dùng do các doanh nghiệp sản xuất ra trước hết phải thuyết phục được cầu tiêu dùng của nhân dân trong tỉnh.

Hai là, tổ chức lại hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh: Hoạt động thương mại cần được tổ chức thành một mạng lưới rộng khắp, có hiệu quả ở cả khu vực thành phố, vùng đồng bằng và miền núi.

Ba là, đổi mới phương thức quản lý hoạt động thương mại, dịch vụ: Các cơ quan chức năng cần chuyển mạnh phương thức hoạt động theo hướng tăng cường chức năng dự báo, làm tốt công tác thống kê và cung cấp ngày càng đầy đủ số liệu thống kê với độ chính xác cần thiết cho các doanh nghiệp. Mặt khác, giúp đỡ tốt nhất cho việc phát triển hoạt động tiêu thụ của các doanh nghiệp chính là việc tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng cho mọi doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hướng dẫn thực hiện luật pháp về bảo hộ sở hữu công nghiệp, chống hàng giả, hàng nhái, chống gian lận thương mại trên địa bàn tỉnh. Tổ chức lại sản xuất, khuyến khích hỗ trợ phát triển

kinh tế hộ, kinh tế trang trại, kinh tế tư nhân theo hướng sản xuất quy mô lớn tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động.

2.6. Tăng cường đào tạo nghề, bồi dưỡng nguồn nhân lực

Nghệ An cần hình thành một hệ thống đào tạo nghề theo hướng hình thành hệ thống đào tạo kỹ thuật thực hành với 3 cấp độ đào tạo là đào tạo công nhân bán lành nghề, công nhân lành nghề và công nhân lành nghề trình độ cao. Muốn vậy, cần chú ý đến những vấn đề sau:

Một là, có chính sách phân luồng học sinh vào học nghề và điều chỉnh cơ cấu hợp lý của trình độ đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật.

Hai là, có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào việc đào tạo nghề trên phạm vi toàn tỉnh.

Ba là, tổ chức lại hệ thống dạy nghề theo hướng gắn kết giữa tuyển dụng, đào tạo với việc chuẩn bị chỗ làm việc cho học sinh sau khi tốt nghiệp.

Bốn là, tăng cường đào tạo nghề tại doanh nghiệp. Tăng cường và đa dạng hoá các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức kinh tế kỹ thuật phổ thông cho các tầng lớp xã hội. Coi đây là một bộ phận quan trọng của giáo dục và đào tạo.

Bên cạnh việc mở rộng mạng lưới dạy nghề, cần chú trọng tới việc đào tạo, đào tạo lại, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước, đặc biệt những kiến thức mới về kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước để đủ sức tham mưu cho lãnh đạo các cấp trong việc quản lý nền kinh tế theo cơ chế thị trường và thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hội nhập quốc tế và khu vực.

2.7. Xây dựng và hoàn thiện các chính sách Nhà nước ưu đãi, trợ giúp công nghiệp vừa và nhỏ, đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn

2.7.1. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ công nghiệp vừa và nhỏ.

Một là, chính sách hỗ trợ tài chính

Hai là, hỗ trợ đào tạo nhân lực

Ba là, chính sách đảm bảo đất đai

2.7.2. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn.

Để đẩy mạnh CNH, HĐH nông thôn trong thời gian tới cần tập trung giải quyết các vấn đề cơ bản sau đây:

Một là, hình thành các trung tâm công nghiệp chế biến lớn trước hết ở các vùng trọng điểm

Hai là, phát triển các vùng nguyên liệu

Ba là, phát triển cơ sở hạ tầng ở nông thôn như điện, đường, trường, trạm, thủy lợi và nước sạch.

Bốn là, phát triển các dịch vụ kỹ thuật trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp bao gồm từ dịch vụ giống cây trồng, vật nuôi, các dịch vụ tưới tiêu, thức ăn, phân bón, các dịch vụ kỹ thuật phòng dịch; các dịch vụ bảo quản, chế biến sau thu hoạch.

Năm là, phát triển mạnh mẽ các ngành nghề thủ công truyền thống nhằm khai thác tốt nhất thế mạnh nghề nghiệp của địa phương, chuyển mạnh một bộ phận lao động sang sản xuất phi nông nghiệp...

Sáu là, xây dựng các chính sách thuế thích hợp kích thích phát triển sản xuất, chính sách ưu đãi thuê đất trong các khu công nghiệp vừa và nhỏ.

III. KẾT LUẬN

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đang là vấn đề bức xúc hiện nay ở Nghệ An nói chung và vùng miền núi nói riêng. Những năm qua, Nghệ An đã có nhiều chủ trương, biện pháp nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở miền núi Nghệ An vẫn còn chậm, những biện pháp nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế vẫn chưa khai thác hết tiềm năng, lợi thế của vùng miền núi, để cơ cấu ngành kinh tế vùng miền núi Nghệ An chuyển dịch bắt nhịp với tình hình chung của tỉnh và

cả nước, cần có sự quan tâm đặc biệt hơn nữa của các cấp lãnh đạo Trung ương và Tỉnh nhà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hoài Nam (1996), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành và phát triển các ngành trọng điểm, mũi nhọn ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội.

2. Phạm Quang Phan, Trần Mai Phương (2000), *"Tác động của công nghiệp đối với sự phát triển nông nghiệp ở nông thôn nước ta hiện nay"*, Tạp chí kinh tế phát triển, 41.

3. Lê Du Phong - Nguyễn Thành Độ (1999), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong điều kiện hội nhập với khu vực và thế giới*, Nxb Chính trị Quốc gia.

4. Sở Công nghiệp Nghệ An (2005), *Chương trình phát triển công nghiệp chế biến nông lâm hải sản Nghệ An đến năm 2010*.

5. Sở Công nghiệp Nghệ An (2002), *Đề án phát triển ngành nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp trong nông thôn Nghệ An giai đoạn 2002- 2005 và 2010*.

TÁC ĐỘNG TRÀN CẢM CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI – FOREIGN DIRECT INVESTMENT) ĐẾN KHU VỰC KINH TẾ TRONG NƯỚC

Th.S Hồ Thị Hiền

GV khoa Quản trị - Kinh doanh

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đầu tư trực tiếp nước ngoài là một loại hình di chuyển quốc tế về vốn, trong đó chủ đầu tư trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động sử dụng vốn đầu tư. Kênh huy động nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là một trong những kênh huy động vốn nhằm giải quyết khó khăn về nhu cầu vốn cho nền kinh tế.

Tiếp nhận vốn FDI là quá trình chịu sự tác động hai mặt, cả tích cực lẫn tiêu cực. Về mặt chính trị, nước tiếp nhận có thể lệ thuộc vào nước chủ đầu tư do họ đưa ra những điều kiện ràng buộc trước khi được tiếp nhận vốn.

Về mặt kinh tế, chủ đầu tư có thể buộc bên nhận đầu tư phải tiếp nhận những công nghệ ấn định trước hay bắt buộc thực hiện những ưu đãi kinh tế hoặc các biện pháp can thiệp kinh tế không có lợi. Nước tiếp nhận không hoàn toàn chủ động trong việc bố trí các dự án đầu tư dẫn đến sự mất cân đối cơ cấu đầu tư theo vùng và theo ngành. Bên cạnh đó, bên nước tiếp nhận có thể đối mặt với tình trạng ô nhiễm môi trường khi bên chủ đầu tư khai thác tài nguyên quá mức do chạy theo lợi nhuận, gây cạn kiệt nguồn tài nguyên, đặc biệt là những tài nguyên không có khả năng tái

sinh, tái sinh cần có thời gian dài, khó tái sinh hoặc tiếp nhận công nghệ lạc hậu; Ngoài ra, tiếp nhận đầu tư vào lãnh thổ khác nhau gây ra sự chênh lệch giàu nghèo giữa các khu vực; sự gia tăng tệ nạn xã hội do ảnh hưởng lối sống người nước ngoài đến thuần phong mỹ tục nước nhận đầu tư.

II. NỘI DUNG

Sự có mặt của các doanh nghiệp FDI, ngoài tác động trực tiếp đến sự tăng trưởng của cả nền kinh tế, còn có tác động gián tiếp tới các doanh nghiệp trong nước như làm tăng áp lực cạnh tranh buộc các doanh nghiệp trong nước phải nâng cao hiệu quả hoạt động, thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ... Tác động tràn của FDI chính là các tác động gián tiếp này.

Tác động tràn xuất hiện do có sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp FDI mà ưu thế thuộc về các công ty đa quốc gia có thế mạnh về vốn và công nghệ. Sự xuất hiện của các doanh nghiệp FDI sẽ buộc các doanh nghiệp trong nước phải điều chỉnh hành vi của mình nhằm duy trì thị phần và lợi nhuận. Vì vậy, tác động tràn có thể coi là kết quả của hoạt động của các doanh nghiệp FDI diễn ra đồng thời với quá trình điều chỉnh hành vi của các doanh nghiệp trong nước.

Có thể phân ra bốn loại tác động tràn: (1) tác động liên quan tới cơ cấu đầu ra - đầu vào của doanh nghiệp, (2) tác động liên quan đến phổ biến và chuyển giao công nghệ, (3) tác động liên quan đến thị phần trong nước hay tác động cạnh tranh, (4) tác động liên quan đến trình độ lao động (hay vốn con người).

2.1. Tác động tràn do cơ cấu đầu ra – đầu vào của doanh nghiệp

Tác động tràn loại này xuất hiện khi có sự trao đổi/hoặc mua bán nguyên vật liệu hoặc hàng hoá trung gian giữa các doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp trong nước. Loại tác động này có thể sinh ra theo hai chiều: tác động xuôi chiều (forward effect) xuất hiện nếu doanh nghiệp trong nước sử dụng hàng hoá trung gian của doanh nghiệp FDI và ngược lại tác động ngược chiều (backward effect) có thể xuất hiện khi các doanh nghiệp FDI sử dụng hàng hóa trung gian do các doanh nghiệp trong nước sản xuất. Việc các doanh nghiệp trong nước cung cấp hàng hoá trung gian cho doanh nghiệp FDI sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp này mở rộng sản xuất và giảm chi phí trên 1 đơn vị sản phẩm. Đồng thời để duy trì mối quan hệ bán hàng lâu dài, các doanh nghiệp trong nước phải đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp FDI, nhất là về chất lượng sản

phẩm nên có xu hướng áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng mới trong sản xuất. Chính hành vi này giúp doanh nghiệp trong nước tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường sản phẩm trong trung và dài hạn.

Nhiều nghiên cứu thực tiễn cho rằng hầu hết các doanh nghiệp trong nước khó trở thành nhà cung cấp nguyên liệu/hàng hoá trung gian đầu vào cho doanh nghiệp FDI do không đáp ứng được yêu cầu do phía cầu đưa ra. Tuy nhiên, nếu tác động ngược chiều xảy ra thì các doanh nghiệp trong nước có khả năng bứt lên và tiến hành xuất khẩu hoặc chiếm lĩnh dần thị phần sản phẩm mà trước đây do các doanh nghiệp FDI thống lĩnh. Vì vậy, tác động ngược chiều này là mong muốn và rất có ý nghĩa đối với các nước chậm phát triển.

2.2. Tác động tràn liên quan đến phổ biến và chuyển giao công nghệ

Tác động tràn liên quan đến phổ biến và chuyển giao công nghệ thường được coi là một mục tiêu quan trọng của các nước nghèo. Thông qua FDI, các công ty nước ngoài sẽ đem công nghệ tiên tiến hơn từ công ty mẹ vào sản xuất tại nước sở tại thông qua thành lập các công ty con hay chi nhánh. Sự xuất hiện của các công ty nước ngoài tuy nhiên xuất phát từ mục tiêu lợi nhuận trên

cơ sở tận dụng những lợi thế có được từ công ty mẹ để sẵn sàng cạnh tranh với doanh nghiệp trong nước. Vì vậy, hoạt động của các doanh nghiệp FDI sẽ khuyến khích nhưng cũng gây áp lực về đổi mới công nghệ nhằm tăng năng lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp trong nước. Về phía doanh nghiệp trong nước, một mặt do năng lực yếu kém về đổi mới công nghệ, mặt khác công nghệ tiên tiến đều do các công ty qui mô lớn có tiềm năng công nghệ trên thế giới nắm giữ, để vượt qua yếu điểm này họ có xu hướng muốn được áp dụng ngay công nghệ tiên tiến hoặc trực tiếp thông qua thành lập các liên doanh với đối tác nước ngoài hoặc gián tiếp thông qua phổ biến và chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI. Các doanh nghiệp FDI mặc dù không muốn tiết lộ bí quyết công nghệ cho đối thủ trong nước nhưng cũng sẵn sàng bắt tay với đối tác trong nước để thành lập liên doanh, qua đó diễn ra quá trình rò rỉ công nghệ.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra đối với các nước nghèo là liệu các điều kiện trong nước có đủ để đón nhận phổ biến và chuyển giao công nghệ hay không. Kết quả từ nhiều mô hình lý thuyết cũng rút ra là mức độ phổ biến và chuyển giao công nghệ còn

phụ thuộc vào khả năng hấp thụ của doanh nghiệp trong nước.

2.3. Tác động tràn do cạnh tranh

Loại tác động tràn này cũng được coi là rất quan trọng đối với các nước chậm phát triển là sự có mặt của doanh nghiệp FDI tạo ra tác động cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, tác động này lại phụ thuộc vào cấu trúc thị trường và trình độ công nghệ của nước nhận đầu tư. Đối với các nước chậm phát triển, trong nhiều trường hợp tác động cạnh tranh của FDI là rất khốc liệt trước khi nó mang lại tác động tràn tích cực khác. Ví dụ, các doanh nghiệp FDI tung ra thị trường một loại sản phẩm mới có tính chất thay thế cho sản phẩm trước đây sản xuất bởi doanh nghiệp trong nước, qua đó ảnh hưởng lớn tới sự tồn tại của doanh nghiệp trong nước.

Sự hiện diện của FDI chính là một tác nhân thúc đẩy cạnh tranh và trong nhiều trường hợp, tác động tràn có thể dẫn đến tình trạng giảm sản lượng của doanh nghiệp trong nước trong ngắn hạn. Kết quả là các doanh nghiệp trong nước bị tác động hoặc phải rời khỏi thị trường hoặc sống sót nếu vượt qua được giai đoạn điều chỉnh cơ cấu để thích nghi với môi trường cạnh tranh.

2.4. Tác động tràn liên quan đến trình độ lao động

Ngoài việc tạo thêm việc làm, FDI còn là một tác nhân truyền bá kiến thức quản lý và kỹ năng tay nghề cho lao động của nước nhận FDI. Tác động tràn này xuất hiện khi các doanh nghiệp FDI tuyển dụng lao động nước sở tại đảm nhận các vị trí quản lý, các công việc chuyên môn hoặc tham gia nghiên cứu và triển khai. Việc truyền bá kiến thức cũng diễn ra thông qua kênh đào tạo công nhân kỹ thuật ở trong nước và tại công ty mẹ. Tác động tràn tuy nhiên chỉ phát huy tác dụng khi đội ngũ lao động có trình độ này ra khỏi doanh nghiệp FDI và chuyển sang làm việc tại các doanh nghiệp trong nước hoặc tự thành lập doanh nghiệp và sử dụng những kiến thức tích lũy được trong quá trình làm việc cho các công ty con hoặc liên doanh với nước ngoài vào công việc kinh doanh tiếp đó. Song mức độ di chuyển lao động còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như sự phát triển của thị trường lao động, cầu về lao động có trình độ kỹ năng cũng như các điều kiện gia nhập thị trường khi muốn khởi sự doanh nghiệp. Đây cũng chính là cản trở lớn mà các nước chậm phát triển đang phải đối mặt.

Trên thực tế, loại tác động tràn do di chuyển lao động rất khó đánh giá với nhiều lý do. Chẳng hạn, doanh nghiệp trong nước tiếp nhận

lao động chuyển sang không có điều kiện hoặc không tạo điều kiện cho số lao động này phát huy năng lực của mình. Năng suất lao động của doanh nghiệp tăng lên còn do nhiều yếu tố khác, phụ thuộc vào quy mô vốn, cơ hội thị trường và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

III. KẾT LUẬN

FDI có thể ảnh hưởng tới nền kinh tế ở tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá và xã hội. Tuy nhiên, đối với các nước đang phát triển, nhất là các nước nghèo, kỳ vọng lớn nhất của việc thu hút FDI chủ yếu là nhằm mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Kỳ vọng này dường như được thể hiện trong tư tưởng của các nhà kinh tế và các nhà hoạch định chính sách với 3 lý do chính. Một là, FDI góp phần làm tăng thặng dư của tài sản vốn, góp phần cải thiện cán cân thanh toán nói chung và ổn định kinh tế vĩ mô. Hai là, các nước đang phát triển thường có tỷ lệ tích lũy vốn thấp và vì vậy, FDI được coi là một nguồn vốn quan trọng để

bổ sung đầu tư trong nước nhằm mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Ba là, FDI tạo cơ hội cho các nước nghèo tiếp cận công nghệ tiên tiến hơn, dễ dàng chuyển giao công nghệ hơn, thúc đẩy quá trình phổ biến kiến thức, nâng cao trình độ của FDI, góp phần làm tăng năng suất của các doanh nghiệp trong nước và cuối cùng là đóng góp vào tăng trưởng kinh tế nói chung. Trên thực tế không phải nước nào cũng đạt được cùng một lúc hai kỳ vọng này. Một số nước thu hút được dòng vốn FDI khá lớn nhưng tác động tràn hầu như không xảy ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Thắng Lợi, *Giáo trình Kinh tế Phát triển (chuyên khảo dành cho cao học kinh tế)*, Bộ môn Kinh tế Phát triển – Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân - Hà Nội
2. Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng, *Giáo trình Kinh tế Quốc tế (Chương trình cơ sở)*, Khoa Thương mại và kinh tế quốc tế, Đại học Kinh tế quốc dân, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

ĐỜI NGƯỜI

TS. Dương Xuân Thao

Hiệu trưởng

BBT: Bài viết này đã được đăng ở tập san “50 năm xây dựng và trưởng thành” của trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An (nay là trường Đại học Kinh tế Nghệ An) vào tháng 11 năm 2010. Sau một thời gian sửa đổi, bổ sung, bài viết được đăng lại ở tập san nhân ngày công bố thành lập trường Đại học Kinh tế Nghệ An 22 tháng 3 năm 2014. Tuy nhiên logic của bài viết chưa cao, mang tính tản văn, và nó chỉ có ý nghĩa như là một lời tự sự, là quan điểm nhận thức của cá nhân.

Đời người không ai tròn trĩnh, có ai nắm tay qua đêm được đâu, cũng không có ai suốt đời là không mắc sai lầm, “ai nên khôn mà không đốt một đôi lần”, có làm thì có sai và thậm chí làm nhiều thì sai nhiều, chỉ đáng trách những ai có cơ hội làm được, được làm mà không làm, nhưng cái sai đó đừng vì vụ lợi, lợi ích cá nhân. Năm 1957 Bác Hồ đã khóc và nhận sai lầm trước Quốc hội trong việc chỉ đạo cải cách ruộng đất, Đảng và Nhà nước ta cũng có những sai lầm trong lãnh

đạo đất nước, những sai lầm đó là không thể tránh khỏi, vấn đề là nhận biết và sửa chữa, nhưng tốt nhất đừng để nhiệt tình cộng đốt nát thành phá hoại. Ở đời mọi việc phải thực hiện theo quy định, nhưng nhiều khi 100 cái lý không bằng một tý cái tình. Rủ nhau bước tới cửa quan, bên ngoài là lý bên trong là tình.

Cuộc đời con người chỉ là chớp nhoáng so với sự tồn tại vĩnh hằng, vô cùng vô tận của thời gian, không gian

và chỉ sống có một lần. Hãy đối xử với nhau cho có tình người, đừng rình rập nhau, một người làm chín người rình, người làm chưa về, người chê đã đến, đừng sống trong thách thức và nghi kỵ. Paplop nói: “Hoài nghi là hoạt động của tư duy, vì hoài nghi cho nên tôi tồn tại”, nhưng đó là hoài nghi trong khoa học, đừng nên hoài nghi trong cuộc đời, tuy nhiên phải biết cảnh giác trong cuộc sống hàng ngày. Bản năng gốc của con người ta là thích được khen, nhưng đừng khen thâm thúy, đừng chê vùi dập, phủ định sạch trơn. Hãy làm tròn bổn phận của mình, hãy nhìn lại mình trước khi chê bai người khác. Đừng thấy ai xung quanh mình cũng xấu, cũng sai phạm, cũng cần phải sửa cái này cái kia, ai cũng cần phải hoàn thiện hơn nữa. Nên biết ghi nhận những mặt tốt và tha thứ cho những mặt xấu của họ. Một con người dù có xấu đến đâu vẫn có những mặt tốt mà ta cần học tập. Đừng thấy bóng mình to mà tưởng mình vĩ đại, để khi về hưu còn lại những kỷ niệm đẹp, để lại nhớ nhung cho nhau. Tiền bạc là phù du, chức quyền là tạm thời, vinh quang là dĩ vãng, chỉ có sức khỏe và tình người là có thật, là của mình, thiết nghĩ phải sống với nhau cho tốt hơn, rồi tất cả sẽ trở về với cát bụi !

Vua Ngô ba sáu tấn vàng.
Chết xuống âm phủ chẳng mang được gì.
Chúa Chôm mắc nợ tỳ tỳ.
Chết xuống âm phủ kém gì Vua Ngô.

Chúng ta không hoàn toàn đồng tình với quan điểm này, nhưng đây là điều cần suy ngẫm.

Dù có giàu sang đến đâu, mỗi ngày cũng chỉ ăn được 3 bữa, mặc 3 bộ áo quần, tối chỉ ngủ được trên một chiếc giường. Tiền mua được ngôi nhà nhưng không mua được gia đình, mua được giường nhưng không mua được giấc ngủ, mua được mọi tiện nghi nhưng không mua được sự yên ổn, mua được thuốc nhưng không mua được sức khỏe, mua được người mình yêu nhưng không mua được tình yêu, mua được bằng cấp nhưng không mua được tri thức, mua được chức quyền nhưng không mua được lòng kính trọng. Có ai trước khi nhắm mắt xuôi tay vẫn tỉnh lại để đếm xem mình có bao nhiêu tiền được đâu. Lòng tham là nguyên nhân gây mọi tội lỗi, thù hận và bất an. Làm giàu là tốt thôi, nhưng đừng làm giàu bằng mọi giá. Con người ta nhiều khi biết đủ là đủ, nhiều khi phải biết tự bằng lòng với những gì mình có, khi không thể làm khác hơn, “đã mang cái nghiệp vào thân, thì chớ trách lẫn trời gần trời xa”. Cuộc đời đừng nên thù hận, lấy ân trả oán thì oán tiêu tan, nhiều khi oán biến thành ân. Lấy oán trả oán, thì oán chồng chất, ở đời để oán hận cho nhau làm gì, mà nên “lấy tình thâm trả nghĩa thâm”. Tại sao không để lại ân nghĩa cho nhau? và

nhiều khi năm sáu bỏ làm chín mười, gây khó khăn cho nhau làm gì. Nhà thơ Tố Hữu có viết "Người với người sống để yêu nhau", có người nói đó là sáo rỗng, đó là hoang tưởng, đó là lừa nhau... Nhưng tôi cho rằng sự thật thì nên như vậy. Con hổ không bao giờ ăn thịt hay đe dọa con của mình, không bao giờ làm hại đồng loại, hướng chỉ con người. Hãy để cho phần người chi phối phần con, mà đừng làm điều ngược lại. Hãy vươn tới những giá trị xa với bản năng gốc là phần con, mà hướng tới sự tốt đẹp phần người. Nếu phức tạp với cuộc đời, thì cuộc đời sẽ phức tạp với mình. Hãy bao dung với cuộc đời, thì cuộc đời sẽ bao dung với mình, "càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều, âu đó cũng là quy luật nhân quả của muôn đời. Câu chuyện ngụ ngôn "hai con dê đi qua một cái cầu, không con nào chịu nhường con nào và cả hai con đều rơi xuống nước" nhắc nhở chúng ta phải nhường nhịn nhau, phải tha thứ cho nhau, phải biết vui với niềm vui của người khác và buồn đau với những nỗi buồn đau của người khác. Cuộc đời ta sắc sắc không không, vô thường vô ngã. Khôn chết, dại chết, biết sống, nhưng biết là gì, biết là như thế nào lại rất khó? Phật giáo dạy không được làm điều xấu để đạt một điều tốt. Nhưng đại thi hào Nguyễn Du cho rằng, có những lúc phải "Hại một người cứu muôn người". Thực ra làm một điều xấu mà để đạt được những

điều tốt hơn nhiều thì không nên xem đó là một điều xấu. Câu chuyện rằng, một nhà sư đang ngồi thiền thì thấy một con khỉ bị thương nặng không thể sống được, đang giãy dụa một cách đau đớn và tuyệt vọng, nhà sư đã dùng cái gậy đánh chết con khỉ. Hành động của nhà sư giúp con khỉ giải thoát sự đau đớn, tuyệt vọng của nó thì không thể xem hành động nhà sư là xấu được. Nói dối nhìn chung là xấu nhưng nhiều khi là bổn phận thiêng liêng của con người để đạt được một cái tốt đẹp hơn. Như câu chuyện người mẹ trong lúc ốm nặng đang con nguy kịch lại bị mất con do thuyền chìm khi đi đánh cá, mọi người đã giấu đi để cứu sống bà mẹ, cần xem đây là một việc làm nhân đạo, cần thiết, và như vậy trong những điều kiện nhất định, việc không thỏa mãn yêu cầu một người hoặc một nhóm người vì muôn người là phải làm, là cần thiết. Nhiều khi có những việc muốn làm mà không làm được, có những việc không muốn làm nhưng cũng phải làm, phải "cẩn rằng bề một chữ đồng làm đôi". Khi không tìm được cái tốt, thì giữa hai cái tồi tệ, phải chọn một cái ít tồi tệ hơn.

Đời người nhiều khi "Đắm nát tay trước cửa cuộc đời; Cửa vẫn đóng và đời im ỉm khóa", nhưng đó mới là cuộc đời, không sống với quá khứ nhưng phải có một cái gì dờ dang để nuôi tiếc,

để nhớ nhưng, để có ý chí và nghị lực vươn lên. Nếu khi nhắm mắt xuôi tay chúng ta đã hoàn toàn thỏa mãn, không có gì để nhớ nhưng, nuôi tiếc, tôn thờ thì cuộc đời thật thiếu thi vị, và chẳng có gì mang đi về kiếp sau. Cuộc sống vốn không công bằng, hãy làm quen với điều đó. Đừng đếm nỗi buồn và sự thất bại, mà nên đếm có bao nhiêu niềm vui và sự hạnh phúc. Được thua giàu nghèo âu là số phận, suy nghĩ, dẫn vật làm chi cho khổ chút đời, hãy để cho tâm hồn thanh thản. Thói đời là vậy, nhưng hãy tránh xa những thói đời "Xưa trắng tay gọi nhau bằng hữu, giờ giàu sang quên kẻ tâm giao... Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử ; Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi...Thốt có tanh tào ruồi đổ đến; Ang không mặt mỡ kiến bò chi...".

Vẫn biết rằng nhiều khi giềng trong, nước ngọt sẽ bị cạn trước, cây cao gỗ tốt mọc thẳng sẽ bị chặt trước. Thẳng thẳng quá hay mất lòng, nguyên tắc quá hay lỡ việc. Khen chê phải chân thành, phải đúng mực, đừng khen thâm thúy, chê vui dập, phủ định sạch trơn, làm mười đúng chín không khen, chỉ sai một là chê vui dập, không ghi nhận bất cứ ai. Phê bình góp ý là cần thiết, nhưng cách góp ý phê bình còn quan trọng hơn. Cha ông ta nói "lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau", phê bình góp ý, làm sao người được góp ý nhận biết để sửa chữa sai lầm mà vẫn giữ được sự cảm thông quý trọng, tình đoàn

kết, tình đồng chí, đồng đội như những người lính chúng tôi ngày xưa. Trong cuộc sống không tránh khỏi những bon chen, kèn cựa của thói đời. Nhưng hãy biết chấp nhận nó để cố gắng tạo cho mình thanh thản. Bình thường hóa mọi chuyện, kể cả chuyện sống chết. Cuộc đời nếu biết hơn người thì tha thứ cho họ, khi họ mĩa mai nguyên rủa ta.

Ở đời đừng nên báo thù, hãy trao tặng nhau những nụ cười, một nụ cười bằng 10 thang thuốc bổ, đó là liều thuốc tốt nhất mà tạo hóa chỉ ban riêng cho con người. Nụ cười không mất tiền mua, nhưng không mua được, không vay được, không mượn được, không xin được hay ăn cắp được, nhưng cho được. Người cho không mất đi mà được lợi, người nhận lại càng được lợi nhiều hơn. Nếu ai không bao giờ nở một nụ cười, thì cần cho họ thật nhiều nụ cười? Nhưng chỉ cười vui tươi, cười hạnh phúc, đừng cười châm biếm, mỉa mai, đừng cười đau đớn, cười ra nước mắt. Một nụ cười thân thiện, một ánh mắt cảm thông, một lời nói an ủi, một bàn tay vỗ về đó là món quà vô giá mà biết bao người đang chờ đợi ở chúng ta. Tục ngữ nói, muốn ăn gấp bỏ cho người, những điều mình thích thì có lẽ mọi người đều thích, điều mình không thích thì có lẽ nhiều người đều không thích, đừng bắt người ta làm cái mà người ta không thích, như mình cũng vậy thôi.

Cuộc đời không được "dễ dàng" lên dư luận mà sống như quan điểm của một số người. Cần phải lắng nghe dư luận nhưng phải chọn lọc, nếu vì dư luận mà không dám quyết đoán một việc gì cả thì thật đáng buồn và suốt đời chỉ là lão thợ mộc kém cỏi, vụng về để cày giữa đường, nhiều người qua lại góp ý nên để thành cái dùi cui và không làm được một việc gì có ích cả.

Trong thực tế khó có một quyết định lại thỏa mãn được yêu cầu của tất cả mọi người. Ngay trong một gia đình đã khó, huống chi những vấn đề liên quan đến nhiều người, vấn đề phải giải quyết càng rộng lại càng khó thỏa mãn hơn, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước cũng vậy, không thể có một văn bản pháp luật, hay chính sách nào có thể thỏa mãn lợi ích của tất cả mọi người, chỉ có thể tiếp cận đến nó mà thôi. Phải chấp nhận cái chung, trong cái chung nào cũng có cái riêng, cái riêng rộng hơn cái chung, nó bao hàm cái chung, cái chung nằm trong cái riêng, không thể có một cái chung nào thỏa mãn mọi cái riêng. Không có bất cứ một vĩ nhân nào lại nhận mình được sự đồng thuận của tất cả mọi người. Chúng ta không quên quá khứ, nhưng đừng sống với quá khứ, với kỷ niệm. Quá khứ chỉ là cái đến trước tương lai, chúng ta không thể thay đổi được quá khứ, nhưng có thể thay đổi được

tương lai. Ngay bây giờ nếu có những quyết định đúng đắn cho tương lai, sẽ có một tương lai tốt đẹp, ngược lại sẽ có một tương lai đầy thất vọng cho chúng ta. Tất nhiên để có những quyết định chính xác cho tương lai, không phải là vấn đề dễ dàng.

Cuộc đời đừng nhìn thấy cây mà không nhìn thấy rừng. Hãy đối xử với nhau bằng tấm lòng nhân ái, vì đời người thì quá ngắn, nhưng kiếp người thì dài lê thê, đừng cho cuộc đời là bề khổ. Đừng tiêu cực với đời như Nguyễn Công Trứ: "Kiếp sau xin chớ làm người; Làm cây thông đứng giữa trời mà reo". Đừng như lão Hạc, "thế cũng xong một kiếp người". Vẫn biết rằng cuộc đời bây giờ đâu còn chuyện hoang đường, một túp lều tranh với hai trái tim vàng, vẫn biết rằng con người ta không thể có hạnh phúc trong nghèo nàn và túng quẫn. Giá trị của một con người chưa phải được đo bằng thời gian sống, quyền cao chức trọng, hay lắm của nhiều tiền..., mà thực ra được đo bằng những gì mình để lại cho đời. Tuy nhiên, hình như muốn làm được cái gì để lại cho đời thì phải có một vị trí nào đó trong xã hội, đó là điều kiện cần, phải chính danh, danh có chính thì ngôn mới thuận. Hãy cố gắng để lại cho đời một chút gì dù rất nhỏ, để mai sau được thanh thản khi trở về với cát bụi. Ở đời làm phúc cho ai được cái

gì thì hãy làm, cứu một mạng người phúc đặng hà sa.

Đời người ta, vay của cha mẹ để trả cho con cái, vậy nên hết cả cuộc đời ta vẫn mắc nợ mẹ cha ta, và cũng đừng mong chờ nhận lại, dựa dẫm nhiều vào con cái, nhất là về vật chất. Con cái chăm ngoan, biết thương yêu cha mẹ, thương con của chúng, và tốt hơn là thành đạt, đó là món quà báo đáp cho ta, là phần nào ta đã trả được sự thiếu thốn, sự ân hận của mình đối với mẹ cha ta. Chúng ta đừng buộc con cái của chúng ta phải suy nghĩ, làm việc, ứng xử... hoàn toàn theo lối tư duy cách đây mấy chục năm, ở cái thời thiếu thốn, nghèo đói của chúng ta, vì tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, tư tưởng và nhận thức của con người thay đổi theo từng thời đại. Sự đời là vậy, biết không công bằng, nhưng không thể làm khác hơn, đã là mẹ cha ai cũng “nuôi con những ước về sau, gieo tơ đúng chỗ giao cầu đúng nơi”. Vậy nên “dù cho đi trọn cuộc đời; Vẫn không đi hết những lời mẹ ru... Còn cha gót đỏ như son; Đến khi cha thác gót con đen sì... Đi khắp thế gian không ai tốt bằng mẹ; Gánh nặng cuộc đời không ai khổ bằng cha; Nước biển mênh mông không đong đầy tình mẹ; Mây trời lồng lộng không phủ kín tình cha”. Vì “duyên hội ngộ, đức cù lao, làm con trước phải đền ơn sinh

thành”, chúng ta phải “làm trọn chữ hiếu mới là đạo con”.

Bỏ đa sầu, đa cảm, điều vui tươi là liều thuốc sống. Trong điều kiện hiện nay khi khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin phát triển nhanh, các quan điểm sống về giá trị đạo đức có phần thay đổi, con cái có thể có nhiều suy nghĩ, quan điểm khác xưa, đó cũng là quy luật của tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội nói. Không thể giải quyết vấn đề mới bằng chuẩn mực cũ, trước đây chúng ta chỉ mong ăn no, mặc ấm, ngày nay thì cần phải ăn ngon, mặc đẹp và cao hơn là ăn kiêng mặc mốt. Ngày xưa, mơ ước ngôi nhà ngói và chiếc xe đạp, ngày nay mong ước biệt thự, xe hơi, đó là quyền tự nhiên và khát vọng chính đáng của mỗi người. Chúng ta cần phải hiểu và chia sẻ với con cái của chúng ta. Thân sinh của nhà cách mạng Hoàng Văn Thụ là một vị quan lớn của triều đình, nhưng Hoàng Văn Thụ vẫn quyết định không theo lời khuyên của cha, quyết tâm từ bỏ cuộc sống giàu sang nhưng lựa, để chấp nhận một cuộc sống gian khổ, thậm chí hy sinh để làm cách mạng vì dân, vì nước. Trong sự đấu tranh giữa chữ hiếu với tình thương nòi giống, Hoàng Văn Thụ đã xin lỗi cha: "...Thôi từ nay hai chữ cương thường; Con xin hạ để tôn thờ Tổ quốc...". Thời phong kiến người ta thường tự hào, con tôi học được năm ba

chữ, đó là tam cương ngũ thường. Theo đạo Khổng, các mối quan hệ tam cương, ngũ thường là những mối quan hệ quan trọng nhất trong ứng xử của người với người trong cuộc sống. Tam cương là mối quan hệ như dây cương, vua tôi, cha con, vợ chồng. Ngũ thường là quy phạm về chuẩn mực đạo đức: “Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín”. Đây là mối quan hệ để một số nhà tư tưởng cho rằng Nhà nước chỉ cần quản lý xã hội bằng đức trị, do các chuẩn mực đạo đức điều chỉnh mọi hành vi của con người.

Và như vậy, chúng ta phải luôn nhìn lại mình, tu sửa lại mình vì “trên

**TẢN MẠN KHI TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT NGHỆ AN
ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ KÝ QUYẾT ĐỊNH NÂNG CẤP
THÀNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN**

Th.S Đinh Chung Thành

CB Phòng Thanh tra – KT – KĐCL

Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật NA được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định nâng cấp thành trường ĐH Kinh tế Nghệ An đúng vào dịp đón xuân Giáp Ngọ 2014, niềm vui như được nhân đôi, mùa xuân như càng thêm lộc xanh sắc thắm.

Chúng tôi là những cán bộ-giáo viên, CNV đương nhiên là rất vui, bạn bè gần xa ai cũng gửi tin, gọi điện chúc mừng. Gặp lại những cán bộ, giáo viên của trường đã nghỉ hưu,

con đường tu thân và học vẫn dừng lại nghĩa là thụt lùi” và phải có niềm tin, dù một chút le lói và hi vọng vẫn phải có niềm tin “Tôi đã khóc khi không có giày để đi, cho đến khi thấy một người không có chân để đi giày”. Hãy quý trọng những gì mình đang có, ít nhất là hình hài người mà thượng đế và cha mẹ đã cho ta, rồi sẽ có nhiều hơn.

Hôm nay khi đi tập thể dục buổi sáng về, những dòng suy tư cứ vẫn vơ, tôi vội ghi lại những dòng này, cho kịp giờ đi làm ở cơ quan.

Đời người kỳ lạ lắm !

thấy nét mặt ai cũng rạng rỡ niềm vui. Bố Mẹ tôi thì khỏi phải nói, cả hai đều là giáo viên của nhà trường đã nghỉ hưu; riêng bố tôi từ ngày về với đời thường, ông sống gần như khép mình, chỉ giao lưu với những bạn bè tâm giao, ít quan tâm đến vấn đề chính trị - xã hội; tôi lắp truyền hình CAP cho ông có hơn 50 kênh, nhưng tôi thấy ông chỉ xem kênh Bóng đá TV và chương trình thể giới động vật, nhiều khi xem xong, ông còn nhận

xét: “Thế giới động vật thú vị thật: yêu, ghét, thù, bạn rõ ràng”. Nhưng khi tôi thông báo trường đã có quyết định nâng cấp lên thành Đại học, ông vui ra mặt, thậm chí còn bảo tôi mở mạng xem cho được mặt mũi cái quyết định ấy như thế nào, xem xong ông nói rõ từng lời: Quyết định số 205 do Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam ký ngày 27 tháng 1 – tức 27 Tết. Chiều hôm đó, trong bữa cơm tất niên bố tôi chỉ đàm luận xung quanh chủ đề trường lên đại học, ông nói say sưa như đang đứng trên bục giảng năm nào, cuối cùng ông thở phào: thế là con hơn bố mẹ rồi; bố mẹ là giảng viên của trường cao đẳng, các con là cán bộ - giảng viên của trường đại học. Tôi thành thực nói với ông rằng: bố mẹ nói như vậy chỉ đúng ở cái “danh” thôi, còn cái thực, cái chất của một cán bộ - giảng viên của một trường đại học, chúng con thực sự chưa xứng tầm. Để có được những ấn tượng tốt đẹp trong lòng sinh viên như lớp người thời bố mẹ, chúng con còn phải phấn đấu hơn nhiều.

Bố tôi bảo: “Bố mẹ mong đội ngũ trẻ của nhà trường cũng có được suy nghĩ như con. Để làm một người Thầy, Cô đủ tài, đủ tâm, đủ đức đâu

phải chỉ có một cái quyết định là xong. Với bề dày 54 năm xây dựng và trưởng thành. Trường là tổ hợp của hơn 10 trường trung cấp của 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, đó là các trường TC Tài chính Nghệ Tĩnh, trường TC Kinh tế Nghệ Tĩnh, Trường TC Thương mại Nghệ An, Trường TC Nông lâm, Trường TC Thủy lợi, Trường TC Nông nghiệp II Hà Tĩnh,... Đó là kết quả tất yếu của một quá trình phấn đấu không biết mệt mỏi của nhiều tổ chức – cá nhân, để có được quyết định của Chính phủ về việc nâng cấp thành trường ĐH Kinh tế Nghệ An trong điều kiện khó khăn như hiện nay là điều không hề đơn giản, mà công đầu thuộc về Thầy giáo TS. Dương Xuân Thao – Hiệu trưởng nhà trường, là người đứng mũi chịu sào hiện nay. Do đó, thế hệ trẻ chúng con cần phải giúp đỡ, hỗ trợ nhau để cùng nhau hoàn thiện mình, có những tham mưu cho lãnh đạo và phát triển nhà trường ngày càng vững mạnh, xứng đáng với bề dày truyền thống của nhà trường”.

Trường lên đại học, vui thật đó, mừng thật đó, nhưng tận đáy lòng mình, tôi vẫn thấy lo lo. Đội ngũ cán bộ - giảng viên kỳ cựu của nhà trường

như Thầy Tạo, Thầy Sỹ, Thầy Nam, Cô Hiền, Cô Huệ, cô Hoà, cô Giang,...rồi một vài năm tới, Thầy Quế, thầy Chất, cô Hải, cô Lan, cô Hường, cô Ngọc Dung, cô Yến, cô Hoàn,...rồi cũng đến tuổi nghỉ hưu. Trách nhiệm đang đặt lên vai đội ngũ trẻ chúng tôi, trẻ đến mức, một số giáo viên chỉ hơn sinh viên vài ba tuổi.

Nói tới đây, tôi nhớ tới hình ảnh bố tôi hồi còn đi dạy cách đây bảy, tám năm, ông được phân giảng dạy lớp tại chức tại huyện Hưng Nguyên, đối tượng là cán bộ xã và các phòng ban của huyện đi học, mặc dù ông có hơn 15 năm hoạt động trong quân đội và hơn 20 năm công tác giảng dạy, ông có đủ lý luận và thực tiễn để giảng ở một lớp như vậy, nhưng đêm trước đó, ông vẫn bắt mẹ tôi lên nghe ông giảng thử, ông không bao giờ thoả mãn với vốn kiến thức đã có để truyền thụ cho sinh viên, nhớ tới điều này, tôi thấy có khi tự xấu hổ với bản thân mình.

Với vai trò là một Đảng viên, một cán bộ phòng Thanh tra – Khảo thí – KĐCL, tôi thấy hơn lúc nào hết, đây là cơ hội để mình thể hiện trách nhiệm trước Đảng, trước nhà trường, để làm

được điều đó, tôi xin mạo muội đề xuất mấy ý kiến sau đây:

- Cần có biện pháp quảng bá thương hiệu của nhà trường một cách khoa học, tiết kiệm nhưng cụ thể thiết thực và hiệu quả, làm thế nào để nhân dân Nghệ An, Hà Tĩnh và các vùng phụ cận thấy được những thế mạnh của nhà trường. Các tỉnh Tây Nguyên là một địa bàn cũng cần được quan tâm, quảng bá hình ảnh của nhà trường; nhân dân 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh rất nhiều người sinh cơ lập nghiệp ở đây, con em họ được về học tập tại trường là về với ông bà, anh em ruột thịt, là cơ hội để những người xa quê có dịp gặp lại người thân, thăm lại quê hương bản quán. Đặc biệt, một số ngành nghề đào tạo của trường được gắn với Trung tâm tư vấn việc làm của nhà trường. Sau khi tốt nghiệp được nhà trường hỗ trợ vay vốn, đưa đi xuất khẩu lao động tại thị trường các nước có tình hình kinh tế - chính trị ổn định với mức thu nhập tương đối cao như Nhật Bản, Israel,...

- Đến với trường Đại học Kinh tế Nghệ An là đến với môi trường học thực, thi thực, không có chuyện học thay, mua điểm ở đây. Sinh viên tốt nghiệp ra trường sẽ có được năng lực

thực thụ, có được những kỹ năng để thi tuyển vào các công việc mà mình mong muốn.

- Đến với trường Đại học Kinh tế Nghệ An, đội ngũ giảng viên phải là những sinh viên tốt nghiệp có bằng loại giỏi hoặc có bằng Thạc sỹ của các trường uy tín tại Hà Nội.

- Lãnh đạo nhà trường làm thế nào để liên kết mở tại trường được các lớp đào tạo Thạc sỹ đúng chuyên ngành mà mình đào tạo để cho các sinh viên sau khi tốt nghiệp ĐH có thể tiếp tục được học tiếp nếu có nhu cầu và những giảng viên – cán bộ của nhà trường chưa có bằng Thạc sỹ có điều kiện vừa học vừa làm; không những vậy, nhà trường cần tập trung đào tạo đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học các ngành mũi nhọn, trọng điểm, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, tăng số lượng công trình khoa học công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín.

Những cái đã có là thế mạnh của trường ta, ít có trường ĐH nào trong tỉnh có được; là cái chúng ta có thể

khai thác để thu hút ngày càng đông đảo học sinh về học tại trường. Ở một góc độ nào đó, ta có thể nói: sinh viên là tài sản lớn nhất của nhà trường, có sinh viên – có lớp là môi trường trực tiếp cho giảng viên trẻ cọ xát rèn giũa nâng cao năng lực trình độ, và có sinh viên - có lớp thì đời sống của chúng ta mới có cơ may được cải thiện, nâng cao.

Làm thế nào để ngày càng thu hút được nhiều thí sinh thi tuyển vào trường??? Đó là một câu hỏi lớn! Tôi tự thấy một mình chưa đủ khả năng để trả lời nó. Và tôi mong tất cả Đảng uỷ, Ban giám hiệu nhà trường, lãnh đạo các phòng khoa, tổ bộ môn, cán bộ - giảng viên nhà trường có sự thống nhất cao, đồng lòng chung tay, góp sức để nhà trường ngày một phát triển hơn. Bắt tay đoàn kết xây dựng nhà trường ngày càng vững mạnh, xứng đáng với những gì các lớp Thầy cô ngày trước đã để lại, vừa có danh – vừa có thực.

Xin chân thành cảm ơn.

VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG VỚI SINH VIÊN THỜI ĐẠI MỚI

CN. Bùi Thị Ngọc Hà

CB phòng CT Học sinh – Sinh viên

Tôi vào trường một ngày giữa tháng tư năm 2011. Đây là ngôi trường tôi sẽ gắn bó cả cuộc đời cho một sự nghiệp cao quý. Đó là sự nghiệp trồng người. Ở đây, ngày ngày tôi được tiếp xúc với những đồng nghiệp gần gũi và dễ mến, với những em học sinh sinh viên thân thương. Và hơn hết tôi được hoàn thiện bản thân trên nhiều phương diện khác nhau. Ban đầu tôi tự hỏi có phải làm việc trong môi trường giáo dục sẽ làm tôi suy nghĩ sâu sắc hơn, chín chắn hơn không hay là tôi vẫn cứ là tôi của những năm trước đó. Nhưng rồi mọi câu hỏi đều dần dần được trả lời thông qua năm tháng. Mỗi ngày đến trường, tôi được học hỏi rất nhiều điều từ những thầy cô đi trước, được học cách làm việc cẩn thận, chuyên nghiệp và khoa học từ những công việc được giao hay được hoàn thiện tính cách trong những mối quan hệ giao tiếp với đồng nghiệp và với các bạn học sinh sinh viên. Từ đó tôi lại đặt ra trong mình một câu hỏi về Văn hóa học đường trong trường học. Thế nào là văn hóa học đường? và vận dụng văn hóa học đường vào môi trường giáo dục làm sao để đạt hiệu quả cao nhất. Từ những câu hỏi đó đã thôi thúc tôi viết lên những suy nghĩ của mình, đồng thời tôi đã tìm hiểu một số biện pháp để tổng hòa các mối quan hệ đã có, đang có và sẽ có trong nhà trường. Để rồi góp một phần nhỏ trong việc xây dựng nhà trường ngày một phát triển, văn minh và lịch sự hơn.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn hóa học đường là một nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, việc xây dựng

nền văn hóa tốt đẹp cho dân tộc, lối sống văn hóa lành mạnh cho toàn dân tộc, văn hóa ứng xử cho sinh viên là nhiệm vụ sống còn của cả hệ thống chính trị, các trường đại học, cao đẳng. Nhà trường là nơi ươm mầm cho sự phát triển toàn diện của con người, là cội nguồn của văn hóa học đường, học sinh, sinh viên và giáo viên là những người đem lại một nền văn hóa lớn của dân tộc, bên cạnh vẫn

còn xảy ra hiện tượng bạo lực học đường hay suy thoái đạo đức nhà giáo.....đó là hệ lụy mà xã hội ta ngày nay đang tìm ra giải pháp để giải quyết tối ưu nhất.

Trong các trường đại học, cao đẳng hiện nay, văn hóa học đường được xem như mục tiêu phấn đấu lâu dài. Chính vì thế, nghiên cứu thực trạng và đề ra giải pháp xây dựng văn hóa học đường là một việc làm cần thiết. Trường học là môi trường rất quan trọng để rèn luyện nhân cách và giáo dục thế hệ trẻ trở thành những chủ nhân tương lai của đất nước, trở thành những con người sống có hoài bão, có lý tưởng tốt đẹp, có nhân cách tốt, có đủ tri thức để trở thành những công dân tốt, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước phồn vinh. Vì vậy xây dựng văn hóa học đường phải được coi là có tính sống còn, tính cấp bách và thiết thực đối với từng nhà

trường, vì nếu thiếu nó thì không thể làm tốt những chức năng chuyển tải những kiến thức và nhân văn cho thế hệ trẻ.

Khi phát động phong trào thi đua “ Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Thiện Nhân đã nói rõ: phong trào này nhằm “ thiết lập lại môi trường sư phạm với 6 đặc trưng là trật tự kỷ cương, trung thực, khách quan, công bằng, tình thương và khuyến khích sáng tạo, hiệu quả”. Đây là nội dung rất cơ bản của văn hóa học đường. Tác dụng tích cực của văn hóa học đường là xây dựng nhân cách cho HSSV chống lại lối sống tiêu cực. Chính vì thế mỗi nhà trường cần phải xây dựng văn hóa học đường cho trường học của mình.

II. NỘI DUNG

Văn hóa học đường là một thuật ngữ còn khá mới mẻ, một cụm từ xuất hiện cách đây chưa lâu và cũng chủ yếu trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng nội dung của nó thì các nhà trường ở Việt Nam từ xa xưa đã có và trở thành các truyền thống quý báu của dân tộc ta như: Tôn sư trọng đạo, kính thầy yêu bạn, kính trên nhường dưới.....; Ngày nay các trường từ các cấp học mẫu giáo, phổ thông đến đại học đa số đều kiên trì xây dựng từ năm này

qua năm khác, từ thể hệ này qua thể hệ khác và thực tế đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc giáo dục nhân cách cho học sinh, sinh viên và cả cán bộ công nhân viên, giáo viên của nhà trường. Mục tiêu chung nhất của văn hóa học đường là xây dựng trường học lành mạnh. Nội dung của văn hóa học đường hiện nay rất phong phú nhưng có thể tóm tắt thành ba vấn đề cơ bản đó là: Xây dựng cơ sở vật chất trường học khang trang, đạt chuẩn; xây dựng môi trường giáo dục trong nhà trường, trong ký túc xá hay nhà trọ, ở gia đình, nơi công cộng; xây dựng “văn hóa ứng xử”, “văn hóa giao tiếp”.

Giáo dục văn hóa học đường là một việc làm cấp thiết nhất là khi giáo dục đào tạo luôn được xem là quốc sách hàng đầu. Bởi nó có tác động đến mọi khía cạnh sự phạm của giảng viên, là yếu tố lan tỏa khắp nhà trường và khó xác định. Giống như Freiberg mô tả văn hóa học đường “như không khí mà chúng ta thở, không ai nhận ra nó cho đến khi nó bị ô nhiễm”. Văn hóa học đường ảnh hưởng nhiều chiều tới chất lượng và hiệu quả của quá trình giáo dục trong nhà trường theo hướng phát triển con người toàn diện. Nó ảnh hưởng rõ rệt đến cách suy nghĩ, cảm nhận và hành động của mỗi thành viên trong nhà trường, do đó có thể nâng cao hoặc

cản trở động cơ, kết quả dạy, học của người dạy và người học. Văn hóa học đường lành mạnh và trong sáng giúp các thành viên trong nhà trường chia sẻ, trao đổi những kinh nghiệm và kiến thức, phát triển khả năng hợp tác giữa các thành viên trong mọi lĩnh vực của nhà trường. Văn hóa luôn đi liền với giáo dục, giáo dục đi liền với văn hóa. Tiến hành giáo dục trước hết và cuối cùng là nhằm phát triển con người, hình thành ở mỗi người nhân cách văn hóa, vì thế đòi hỏi một môi trường giáo dục tương ứng mà bây giờ gọi là “văn hóa học đường”. Tuy còn nhiều ý kiến khác nhau nhưng có thể khái quát văn hóa học đường là hệ các chuẩn mực, giá trị giúp các cán bộ quản lý nhà trường, các thầy cô giáo, các vị phụ huynh và các em học sinh sinh viên có cách thức suy nghĩ, tình cảm, hành động tốt đẹp. Văn hóa học đường có thể bao gồm những nội dung cụ thể sau đây:

- Làm cho mọi thành viên hiểu mục tiêu và giá trị của nhà trường;
- Làm cho học sinh sinh viên cam kết có trách nhiệm học tập tốt;
- Xây dựng quan hệ hợp tác trong nhà trường;
- Tạo cơ hội để cán bộ và nhà giáo phản ánh kịp thời tình hình; tập thể kiểm tra lẫn nhau và chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn với nhau;

- Rèn luyện đạo đức, hoàn thiện bản thân, nâng cao kiến thức, rèn dũa và cải tiến giảng dạy, tạo sự thống nhất giữa cán bộ và nhà giáo, giữa cán bộ, nhà giáo với học sinh sinh viên trong trường.

Mỗi trường có một hoàn cảnh riêng biệt trên nhiều phương diện về cơ sở vật chất, về trình độ chuyên môn, về số lượng HSSV..... Vì vậy xây dựng nền văn hóa học đường ở mỗi trường cũng có thể khác nhau về cách thức nhưng chung quy lại thì tất cả các trường học đều nhằm đem lại môi trường phát triển tốt nhất cho tất cả cán bộ công nhân viên, giáo viên và các em học sinh sinh viên thân yêu.

Văn hóa trong nhà trường chúng ta có thể gọi là “ văn hóa ứng xử”, “ Văn hóa giao tiếp” . Nhà trường gánh vác trách nhiệm nặng nề là dạy dỗ con em lễ phép, biết dùng lời hay ý đẹp, kính trên nhường dưới, lịch thiệp, thật thà, nề nếp, hợp tác, chia sẻ, khoan dung....Đó là những phẩm chất quý giá để chúng ta trở thành người chân chính, tạo nên tâm lực, trí lực, thể lực là các giá trị của mỗi người. Nói chung, phạm trù “ Văn hóa học đường” chưa được đưa vào phạm vi quản lý của các trường, chưa có tiêu chí, chưa ai khảo sát, đánh giá. Bên cạnh những mặt tốt còn có cả những điều chưa tốt và cần phải khắc phục.

Chính vì vậy mà văn hóa ứng xử, văn hóa giao tiếp trong nhà trường khắp nơi đều có vấn đề phải quan tâm. Để xây dựng văn hóa học đường chúng ta cần phải làm nhiều việc, bằng nhiều cách, nhiều phương thức khác nhau. Phải bắt đầu từ những chủ trương của lãnh đạo, có kế hoạch triển khai, có kiểm tra, nhắc nhở, đánh giá- đó là điều kiện tiên quyết. Sau đó, đội ngũ nhà giáo phải chú ý giáo dục văn hóa , đây là nhân tố rất quan trọng. Và tất nhiên là phải toàn trường, đến từng người học, ai cũng phải chú trọng đến sự hình thành và phát triển của nhân cách văn hóa.

Văn hóa học đường có vị trí hàng đầu trong quá trình hình thành nhân cách văn hóa cho con người Việt Nam trong nhiều năm qua. Khi mà khoa học công nghệ ngày càng phát triển, tri thức ngày càng trở nên quan trọng hơn thì văn hóa học đường ngày càng chiếm ưu thế, có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của xã hội trong tương lai. Trên thực tế biểu hiện của văn hóa học đường ở một số trường học đang còn nhiều vấn đề bức xúc, cần phải suy ngẫm. Chưa kể đến những phương diện khó khăn khác mà nhà trường còn phải đối mặt. Bất cứ ai quan tâm đến giáo dục cũng có thể nhận ra những khuyết điểm chưa thể khắc phục được của văn hóa học đường như nói dối, phát ngôn thiếu

văn hóa, cãi vã với người lớn tuổi, vô lễ với thầy cô giáo, xả rác bừa bãi, bỏ học, trốn học đi chơi, trộm cắp, đánh nhau, ăn mặc phản cảm không phù hợp, sống thử, coi thường luật pháp.....diễn ra thường xuyên và khá phổ biến trong hệ thống các trường học từ thấp đến cao. Và bộ phận trên ngày càng có xu hướng gia tăng. Về giao tiếp và ứng xử giữa sinh viên với nhau trong thời gian gần đây xuất hiện nhiều sự thay đổi đáng kể, nếu không phải là người trong cuộc chúng ta khó có thể hiểu nội dung câu chuyện đó là như thế nào. Bởi vì nhiều sinh viên bây giờ thường sử dụng tiếng lóng, từ lóng thậm chí nói tục trong khi nói chuyện với nhau. Những câu nói như thế được tận dụng mọi lúc mọi nơi, sự sáng tạo ra nhiều từ ngữ mới chẳng những không đem lại sự phong phú nào cho ngôn ngữ cá nhân mà còn làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt. Về trang phục và cách ăn mặc của sinh viên, nhìn chung đại bộ phận các bạn đều có ý thức tốt, ăn mặc kín đáo, lịch sự khi đến trường. Nhưng vẫn còn một số bộ phận những bạn sinh viên thích làm mới mình, hay thích thể hiện mình. Thay vì ăn mặc lịch sự, chỉnh chu, kín đáo thì những bạn này lại khoác lên mình những bộ trang phục không phù hợp với bản thân, với môi trường và với tuổi tác. Trang phục có thể làm cho

chúng ta đẹp hơn nếu bộ trang phục đó phù hợp với môi trường xung quanh, với tính chất công việc và quan niệm thẩm mỹ của cộng đồng.

Bên cạnh đó, giao tiếp giữa học sinh sinh viên với cán bộ giáo viên công nhân viên nhà trường cũng có nhiều thay đổi rõ rệt. Nếu như trước đây từng cử chỉ, hành động của giáo viên đều được cho là khuôn mẫu để các em học tập và noi theo, từng lời nói luôn mang tính giáo dục cả về tri thức lẫn đạo đức thì ngày nay trung tâm của những tiết học hay những cuộc đối thoại đã chuyển về phía học sinh sinh viên. Khoảng cách giữa thầy cô và các em đã không còn cách xa nữa. Các giờ học không còn mang tính thụ động, thiếu phê phán hay vấn đáp nữa. Học sinh sinh viên ngày càng biết thể hiện mình kể cả việc tiếp nhận tri thức mà thầy cô truyền đạt cũng mang tính chủ động. Thậm chí có một bộ phận nhỏ những học sinh sinh viên còn tỏ thái độ thiếu tôn trọng đối với giảng viên và bài giảng của họ, cũng như thiếu lễ độ, thiếu lịch sự trong giao tiếp đối với thầy cô, nhất là với bộ phận giảng viên trẻ. Tuy nhiên, một số giảng viên cũng thiếu nghiêm túc như khi đến lớp trễ giờ, nghe điện thoại trong giờ giảng, ra ngoài quá lâu, bài giảng khô khan khó hiểu thiếu sự đầu tư chuẩn bị, giảng bài không đúng chuyên môn

dẫn đến hàng loạt kết quả khó kiểm soát như học sinh sinh viên chán học, có thái độ thờ ơ trong học tập cũng như các kỳ thi. Sự cầu thả trong môi trường giáo dục là không cho phép vì nó sẽ dẫn đến hệ lụy xấu mà xã hội phải đương đầu. Hơn nữa, giao tiếp trong môi trường giáo dục cần lắm những mẫu mực thể hiện một không gian văn hóa, một thiết chế văn hóa lành mạnh và trong sáng, lịch sự và tinh tế, phát triển và tồn tại lâu dài. Để có thể phát huy và làm tốt trách nhiệm của một sinh viên theo tôi các em phải có thái độ và hành vi tốt đối với môi trường xung quanh nơi các em đang được học tập. Chẳng hạn như có ý thức bảo vệ giữ gìn, không làm hư hỏng, không sử dụng sai mục đích các trang thiết bị cơ sở vật chất mà nhà trường đã trang bị, có thái độ tích cực trong học tập và thi cử, có thái độ hòa nhã, vui vẻ, lịch sự khi giao tiếp với bạn bè, lễ phép và kính trọng khi giao tiếp với cán bộ, giảng viên công nhân viên nhà trường.....Những việc làm sai trái nếu không được khắc phục sẽ trở thành thói quen. Và điều đó vô cùng tai hại.

Hiện nay, các trường cao đẳng, đại học đã dùng nhiều phương thức khác nhau để tạo cho sinh viên môi trường học tập tốt nhất, để sinh viên có tiếng nói trước nhà trường nói lên

những tâm tư nguyện vọng trong thời gian học tập tại trường của các em. Trường Cao đẳng Kinh tế- Kỹ thuật Nghệ An cũng không phải là ngoại lệ. Ngoài các chương trình mà đoàn trường đã tổ chức cho các bạn sinh viên để giao lưu, hợp tác, chia sẻ thì Phòng Công tác học sinh sinh viên còn tổ chức các buổi giao lưu trực tiếp đối thoại với Ban giám hiệu nhà trường để lãnh đạo nhà trường nắm bắt được suy nghĩ, yêu cầu và nguyện vọng của em. Cho các em cơ hội bày tỏ quan điểm, suy nghĩ của cá nhân. Để Ban giám hiệu nhà trường đưa ra lời khuyên, trả lời những băn khoăn trong dòng suy nghĩ của các em. Và đó cũng là sự kết nối thân thiện giữa người học và lãnh đạo nhà trường để đưa trường Cao đẳng Kinh tế- Kỹ thuật Nghệ An sẽ phát triển và ngày một vươn xa hơn trong tương lai. Hay là việc đưa ra một số quy định về văn hóa học đường trong trường học cũng đã và đang được thực hiện rộng rãi tới tất cả thành viên của trường. Đồng thời, Phòng Thanh tra khảo thí và kiểm định chất lượng còn thực hiện phương thức lấy ý kiến góp ý của học sinh sinh viên về cán bộ giảng viên công nhân viên nhà trường. Việc làm này cũng cho thấy hiệu quả cao khi phản ánh một phần nào đó những hạn chế trong giáo dục mà một bộ phận cán bộ giảng viên còn mắc phải. Tuy

nhiên khi nhà trường cho các em quyền để nói lên những bất cập mà các em biết thì một bộ phận nhỏ các em lại lấy đó để làm trò đùa, nói sai sự thật thậm chí còn “ quá lời” khi đánh giá về chất lượng giảng dạy hay phẩm chất nhà giáo của thầy cô. Từ đó chúng ta có thể thấy một điều rằng thời đại ngày nay khi quyền con người được nâng cao, thì giáo dục con người lại càng quan trọng và là một việc làm cần thiết không thể tách rời với sự phát triển của xã hội. Cho dù bất cứ thời đại nào, thì sự đóng góp của các em học sinh sinh viên cũng góp phần quan trọng nhất trong thành công của nhà trường.

Làm việc trong môi trường giáo dục tôi nhận thấy rằng bản thân tôi và những đồng nghiệp của tôi sẽ phải luôn phấn đấu để hoàn thiện mình và làm tốt nhiệm vụ được giao. Đây không phải là sự nỗ lực trong một khoảng thời gian nhất định nào đó mà phải xem là sự nỗ lực của cả cuộc đời. Để xây dựng văn hóa học đường trong trường Cao đẳng Kinh tế- Kỹ thuật Nghệ An theo tôi có thể thực hiện một số giải pháp sau:

- Tạo điều kiện để sinh viên nghiên cứu, khảo sát thực tế bên cạnh những giờ học trên lớp. Đưa ra các chuẩn mực có tính thực tiễn cao phù hợp với học sinh sinh viên toàn trường.

- Nghiên cứu, tìm hiểu các phương thức xây dựng văn hóa học đường của trường bạn.

- Tạo nhiều sân chơi cho học sinh, sinh viên để các em có cơ hội giao lưu, học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với nhau. Xây dựng các phong trào thi đua có tính thực chất hơn, không tổ chức hời hợt qua loa, hay thiếu sự đồng bộ, không hiệu quả, không chạy theo hình thức.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phòng học, thư viện, sân thể thao..... Phát động phong trào xây dựng môi trường văn hóa thân thiện, trong sáng, lịch sự và văn minh trong toàn trường.

- Đưa các quy định về văn hóa học đường làm một trong các tiêu chí để đánh giá điểm rèn luyện cuối kỳ, xét kết quả thi đua của từng cá nhân, từng lớp, từng khoa.

- Cán bộ giảng viên, công nhân viên nhà trường và phụ huynh các em phải là tấm gương sáng để các em noi theo kể cả trong giao tiếp hàng ngày cũng như giáo dục các em trong lối sống văn hóa ứng xử, văn hóa giao tiếp với tất cả mọi người, mọi tầng lớp.

- Phát động phong trào học sinh sinh viên thực hiện tốt nội quy, quy định của nhà trường và quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Đoàn thanh niên nên tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể, đưa ra các tiêu chí, tăng cường tuyên truyền và khuyến khích sinh viên tự giác rèn luyện lối sống lành mạnh, hướng các em tới “chân, thiện, mỹ”.

Chúng ta đang học tập và làm việc trong môi trường chuyên nghiệp, đã ý thức được những việc mình làm. Tuy nhiên nếu tất cả chúng ta có ý thức đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện nếp sống văn hóa học đường thì sẽ góp phần không nhỏ trong việc giáo dục thế hệ trẻ cho gia đình, nhà trường nói riêng và cho đất nước nói chung.

III. KẾT LUẬN

Trong các trường cao đẳng, đại học hiện nay đang có tình trạng xuống cấp về đạo đức cũng như lối sống văn hóa, cư xử của một số sinh viên và một số giảng viên. Vì vậy việc phát huy lối sống lành mạnh, trong sáng, giao tiếp có văn hóa, tránh xa những hệ lụy của xã hội, các tệ nạn xã hội, đẩy lùi bạo lực học đường.....sẽ mang đến một màu sắc mới cho trường Cao đẳng Kinh tế- Kỹ thuật Nghệ An nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung. Xây dựng xã hội phồn vinh, trường học thân thiện học sinh tích cực. Bản thân các em học sinh sinh viên sẽ tự chịu trách nhiệm cho cuộc đời mình, chính vì thế thay vì sống quá yếu mềm và xa cách với mọi thứ xung quanh thì các em nên phát triển

manh mẽ và đầy tự tin. Đừng tự làm mình khác đi mà hãy hòa cùng nhịp sống với tất cả mọi người. Đảng và Nhà nước Việt Nam xem giáo dục là quốc sách hàng đầu chính vì thế đào tạo con người không chỉ là đào tạo tri thức mà còn phải đào tạo về nhân cách và tâm hồn. Con người chúng ta tiến bộ mọi mặt theo thời gian nhờ việc rèn luyện nhân cách trong gia đình, trong nhà trường và trong môi trường tốt của xã hội để từ đó chúng ta trở thành những người sống có lý tưởng, có hoài bão, có suy nghĩ và hành động tốt đẹp. Nếu xây dựng thành công văn hóa học đường trong mỗi trường học toàn bộ cán bộ công nhân viên, giảng viên cũng như học sinh sinh viên của nhà trường sẽ phát huy được truyền thống tốt đẹp của con người Việt Nam, có bản lĩnh biết làm chủ bản thân và lĩnh hội những tinh hoa văn hóa tiên tiến để trở thành những công dân tốt. /.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tạp chí VHNT số 339, tháng 9 năm 2012
2. Website : <http://mtt.cntp.edu.vn>
3. Tạp chí VHNT số 321
4. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 431
5. Website: <http://vanhoanghean.vn>
6. Quy định văn hóa học đường ban hành kèm theo quyết định số 08/QĐ- CĐKTKT

ĐÔI ĐIỀU TÂM SỰ CỦA GIẢNG VIÊN KHI TRƯỜNG LÊN ĐẠI HỌC

GV Nguyễn Thị Hiền

Giáo vụ khoa Tài chính – Ngân hàng

Đón xuân năm 2014 là một kỷ niệm khó quên đối với bản thân tôi, đó là vừa rạo rức đón mùa xuân mới, vừa đón chào tên tuổi mới của trường. Từ trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An thành trường Đại học Kinh tế Nghệ An là ước mơ, nguyện vọng ấp ủ của bao nhiêu thế hệ thầy và trò phấn đấu không ngừng trong suốt 54 năm qua đã trở thành hiện thực. Tôi không có một từ nào có thể diễn tả cảm xúc của tôi lúc này, niềm vui sướng, hạnh phúc tràn ngập lại được nhân lên gấp bội khi trường được nhận Quyết định của Thủ tướng Chính phủ nâng hạng trường từ trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An thành trường Đại

học Kinh tế Nghệ An và chính hôm nay Tôi và đồng nghiệp của tôi được gọi là “Cán bộ, giảng viên trường Đại học Kinh tế Nghệ An”.

Được trở thành trường Đại học Kinh tế Nghệ An như hôm nay là một quá trình phấn đấu bền bỉ của tập thể cán bộ lãnh đạo, giảng viên, cán bộ công nhân viên và các em học sinh, sinh viên qua các thế hệ đã gắn bó, vun đắp mái trường thân yêu này. Trường từ các trường trung cấp nhỏ, đào tạo các ngành nghề khác nhau sát nhập lại thành trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An. Nhiệm vụ cơ bản của trường là đào tạo cán bộ Kinh tế - Tài chính và cán bộ có trình độ Kỹ thuật Trồng trọt; Chăn nuôi; Thủy lợi; Lâm

sinh...., đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh nhà, được các đơn vị sử dụng nguồn nhân lực đánh giá cao chất lượng đào tạo của nhà trường, uy tín, thương hiệu của trường được lan tỏa. Thành tích đó, thầy và trò của trường không dừng lại mà càng cố gắng hơn để làm cho trường ngày càng phát triển và mở rộng phạm vi đào tạo không những trong tỉnh mà vươn ra cả khu vực Bắc miền trung. Đáp lại sự tin cậy đó Nhà trường đã phấn đấu vươn lên đào tạo trình độ cao hơn và mong mỗi đó đã trở thành hiện thực, ngày 31 tháng 01 năm 2005, trường được Bộ Trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo ký quyết định nâng hạng trường từ trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An thành trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An.

Trong suốt 08 năm đào tạo bậc Cao đẳng, Nhà trường đã thu hút sinh viên các tỉnh Miền trung vào học với lưu lượng rất đông, đó chính là niềm tự hào của Nhà trường, sự lãnh đạo của tập thể BCH Đảng uỷ, sự chỉ đạo của BGH Nhà trường, đặc biệt là lòng nhiệt huyết, sự sáng tạo và ý chí kiên quyết của Thầy giáo, Bí thư Đảng uỷ, Hiệu trưởng Ts Dương Xuân Thao, sự phấn đấu của tập thể giảng viên ngày đêm học tập không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp dạy học tích cực để truyền thụ kiến thức cho sinh viên, đồng thời cũng tích cực nghiên cứu khoa học, trải nghiệm thực tế để có những ví dụ minh

hoạ sát thực tế giúp học sinh, sinh viên nắm chắc kiến thức, biết vận dụng vào thực tế làm việc sau này. Sự tận tụy phục vụ của đội ngũ cán bộ quản lý phục vụ ở các Phòng ban chức năng. Tên tuổi, hình ảnh của trường lại được khắc sâu vào suy nghĩ của các thế hệ học sinh, sinh viên, các bậc phụ huynh đã được lan truyền khắp mọi miền của đất nước. Trường không chỉ dừng lại đào tạo trình độ Cao đẳng mà phấn đấu vươn lên đào tạo bậc Đại học là địa chỉ đào tạo đáng tin cậy về Tài chính – Kế toán. Chính vì vậy mà Nghị quyết của Tỉnh Đảng bộ Nghệ An, Nghị quyết của Đảng bộ Trường quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn và các nhiệm vụ khác để sớm đưa trường thành trường Đại học sớm nhất. Ngày 28 tháng 01 năm 2014 là ngày đáng ghi nhớ nhất của bản thân và mọi người trong trường tôi, là ngày Trường nhận được Quyết định Trường Đại học Kinh tế Nghệ An, niềm mong mỏi của bao nhiêu thế hệ thầy, cô giáo và học sinh, sinh viên đã trở thành hiện thực không phải trong giấc mơ ảo tưởng nữa

Phấn khởi, tự hào nhưng cũng rất lo lắng với tên gọi là “Giảng viên của Trường Đại học Kinh tế Nghệ An”, tôi tự đặt câu hỏi “Mình phải làm gì?” để xứng đáng với tên gọi đó. Với tôi là một giảng viên kiêm chức, tôi sẽ cố gắng hết mình để hoàn thành nhiệm vụ với chức trách là giảng viên, trước hết phải chịu khó học tập

không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy để truyền thụ kiến thức cho sinh viên tốt nhất, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường Đại học Kinh tế Nghệ An, nâng cao vị thế, uy tín của Trường được xây dựng và trưởng thành trong suốt 54 năm qua. Với chức trách là cán bộ phục vụ phải nắm vững quy chế đào tạo Đại học, có trách nhiệm, chịu khó, nhiệt tình không để các sai sót xảy ra, tận tình hướng dẫn và giúp đỡ sinh viên trong quá trình học tập cũng như các hoạt động khác.

Nhìn lại chặng đường 54 năm qua có biết bao khó khăn vất vả của các thế hệ thầy, cô giáo và học sinh, sinh viên đã trải qua, đóng góp bao nhiêu công sức, trí tuệ, tình cảm của mình vào sự nghiệp đào tạo của trường, sự nghiệp trồng “Người”, giữ vững uy tín, thương hiệu của trường, trong đó có sự đóng góp rất nhỏ của bản thân. Tôi và tất cả các đồng nghiệp sẽ cố gắng vươn lên để gìn giữ uy tín, thương hiệu của trường Đại học Kinh tế mà các thế hệ cha, anh đi trước đã vun đắp, xây dựng lâu đài này ./.

MỪNG TRƯỜNG ĐĂNG QUANG

*CN. Nguyễn Đình Thắng
GV Bộ môn Lý luận Chính trị*

Nghe em mùa xuân gọi
Cây lộc biếc chồi non
Hoa muôn màu khoe sắc
Chung vui cùng nước non

Em ơi mùa xuân tới
Trường đổi thay từng ngày
Nay trường lên đại học
Niềm vui càng ngất ngây

Như cánh én mùa xuân
Dệt niềm vui hạnh phúc
Thương hiệu trường có được
Bao thế hệ dựng xây

Hứa hẹn trong tương lai

Những mùa vàng gặt hái
Tên trường vang xa mãi
Ươm mầm xanh cho đời

Mượn nét bút thay lời
Chia vui cùng bè bạn
Ngày mới trường đăng quang
Trách nhiệm càng vô hạn.